

15 THÁNG 3 NĂM 1967

BACH
KHOA
T H Ờ I . Đ Ạ I

năm mười một

TỪ TRÌ Ấn độ dưới triều đại Indira Gandhi * NGUYỄN
PHƯƠNG người gốc Hoa làm vua đất Việt * NGUYỄN
KHÁNH HÒA chính sách cộng sản đối với Phật - giáo
Trung-Hoa * VÕ PHIẾN không cười thể mà hay *
NGUYỄN NGU Í nhớ và nghĩ về bài quốc ca Việt *
VŨ ĐÌNH LƯU quá khứ và tương lai trong tiềm thức
(dịch C. G. JUNG) * VÕ QUANG YẾN khoa học và
lương tâm (nhân cái chết của Oppenheimer) * TRẦN ĐẠI
nhưng người ở lại * ĐOÃN QUỐC SĨ lá thư nước ngoài
* LÊ TẮT ĐIỀU vỡ dưng * MỘNG TRUNG hôn nhân dị
chủng * TRẦN HOÀI THƯ * HOÀNG HUYỀN THOẠI
* TRẦN HUIỄN AN * MÊ KUNG (thơ) * **SINH HOẠT**
lá thư của Ô. Vũ ngô Mưu
nhân bài của Ô. Nguyễn-Hiến
Lê * Thời sự văn nghệ

245



Tifomycine



VOIE GÉNÉRALE

- dragées à 0,250g
- dragées à 0,100g
- poudre aromatisée
- suspension buvable
- ampoules injectables
- suppositoires à 0,250g

VOIE LOCALE

- collyre
- gouttes auriculaires
- ovules secs

TRAITEMENT D'ATTAQUE..

Distributeur :
UFFARMA CONG-TY
20A, Ben Bach-Dang
SAIGON



BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 245 ngày 15 - 3 - 1967

TỪ TRÌ Ấn-độ dưới triều-đại <i>Indira Gandhi</i>	3
NGUYỄN PHƯƠNG một kiến-giải về nguồn gốc dân tộc V. N. : <i>người gốc Hoa làm vua đất Việt</i>	9
NGUYỄN KHÁNH HÒA chính sách cộng sản đối với Phật giáo <i>Trung-hoa</i>	17
VŨ ĐÌNH LƯU quá khứ và tương lai trong tiềm-thức (dịch Carl <i>G. JUNG</i>)	23
VÕ PHIẾN không cười thề mà hay	29
NGUYỄN NGU Í nhớ và nghĩ về bài quốc ca Việt	35
VŨ QUANG YẾN khoa học và lương tâm (nhân cái chết của <i>Oppenheimer</i>)	41
DOÃN QUỐC SĨ lá thư nước ngoài	47
MỘNG TRUNG hôn nhân dị chủng	51
TRẦN HUIỀN ÂN những bài học mùa đông (thơ)	56
MÊ KUNG mùa xuân trên cao xa	57
HOÀNG HUYỀN THOẠI mùa xuân bay cao (thơ)	58
TRẦN ĐẠI những người ở lại (truyện ngắn)	59
TRẦN HOÀI THƯ chuyển phà đầu xuân (thơ)	68
LÊ TẮT ĐIỀU vỡ đường (truyện 2 kỳ)	69
SINH HOẠT	
VŨ NGÔ MƯU sau « vài ý nghĩ » của Ô. Nguyễn Hiến Lê về « vài ý nghĩ của giáo Muru »	83
TRĂNG THIÊN thời sự văn nghệ	86

HỢP-THU BÁCH-KHOA

Bách Khoa Thời Đại (Hồi kỳ):
Mùa xuân bay cao; Tình yêu và tổ quốc;
điểm cuối; ngôn ngữ di hoang (Đình
công Hoan) — Làm thân con gái (TT.
Hội an) — Sự thật; Khúc hát học đường
(Mạc-quan-Huyền) — Vọng cảm (Thái-
kim-Băng) — Bài cuối năm; Đêm nghe
chồn bắt gà; Bắt đầu; Chiều; Bài mùa
Xuân (Nguyễn đình Hình) — Trường
ca tháng Chạp (Trần dạ Lữ) — Quán
trợ; Lời về; Trở lại Viện bảo tàng; Một
buổi chiều (Phạm Nhã Uyên) — Kỳ
nghỉ; Gió lùa qua phố (Thành Văn) — Sự
tương giao chính trị và kinh tế qua các
thời đại (Đình mộng Lân) — Đêm
khuya; Xuân 18 (Nguyễn văn Nghiêm)
— Tiếng súng (Lữ Hoài) — Chuyện
thằng bé; Màu đen và người; Còn lại
hắn (Trần Thiện Quang) — Sống chết
(Trần Thúc) — Những ngày ghi vội
(Trần quý Sách) — Đợi (Huỳnh ngọc
Sơn). — Khởi đầu của một nỗi tình
trái tim tâm độc (Mê-Kung).

Xin trân trọng cảm ơn các bạn. Tất
cả những bài trên đây nếu bài nào qua
bốn kỳ Bách Khoa mà vẫn chưa đăng
(trừ THƠ và trường hợp đặc biệt có thư
riêng) thì xin các bạn coi như là không
đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— Cùng quý bạn gửi bài cho *Bách
Khoa Thời-Đại*:

Xin lưu ý quý bạn viết một mặt giấy
(nếu không đánh máy thì viết chữ lớn
và rõ ràng dễ khi sắp chữ khỏi lấm) và
nhất là ghi rõ tên thực cùng địa chỉ
hiện tại để tòa soạn tiện liên lạc.

Ô. Tường Linh. Đã nhận được "Dấu
hỏi" và rất cảm ơn anh. Sẽ đăng trong
kỳ tới.

Ô. Phạm nhã Uyên (Cholon). Đã nhận
được thư đề ngày 22/2/67 và xin làm
theo ý ông muốn trong thư.

Ô Nguyễn khắc Thiệu, (Huế). Đã
nhận được thư anh. Những số báo anh
ghi trong thư đều còn đủ và đã soạn ra
để gửi cho anh. Sau khi gửi, cước phí và
tiền báo hết bao nhiêu sẽ xin tin anh rõ
bằng thư riêng.

— *Ô. Nguyễn văn Xung* (Gia Định)
Đã nhận được thư, bài của N.T. và một
bài thơ của anh. Rất cảm ơn anh. Sẽ xin
trả lời anh sau bằng thư riêng,

— *Ô. Âu Hoài Sương* (Nha Trang)
Đã nhận được thư và Chim bay về tổ
Những sáng tác của ông, trong khung
cảnh ấy, giờ đây rất khó đăng. Mong
ông thông cảm cho.

— *Ô. Lê ngự Uyển* (K.B.C. 4767).
Đã ghi địa chỉ và gửi lá thư giùm ông.
Lần sau xin ông gửi thẳng theo địa chỉ
sau đây :

Mrs. Chan Thi Dieu Vien, 739 Archer
street New Monterey, 93940 California,
U.S.A.

— *Ô. Thành-Văn* (Tuy-Hoà) : Đã
nhận thư được và hai truyện ngắn sau
cùng của ông. Không nhận được « Chú
cháu » và « Anh em ». « Tâm sự của thu »
viết được lắm, nhưng BK. đã đăng
những truyện nội dung tương tự như
vậy rồi không muốn đăng lại nữa. Đang
xem hai truyện mới nhận được và
sẽ góp ý với ông bằng thư riêng.

— *Ô. Nguyễn văn Minh* (KBC 4100)
Vừa nhận được thư và hai bài thơ của.
Rất cảm ơn ông về sự nhận xét và sự
góp ý thẳng thắn của ông. Số báo này
chứng tỏ Bách Khoa không có chủ trương
như điều nghi vấn trong thư. Hiện nay
chúng tôi đang cố gắng cải tiến cho tờ
báo hấp dẫn hơn và có thời-đại-tính hơn.

Trong lúc soạn này thế nào cũng có
những sơ sót dễ gây ngộ nhận. Chúng
tôi mong những số báo tới đây sẽ làm
bớt lòng quý bạn hơn.

ẤN-ĐỘ

dưới triều đại Indira Gandhi

Cuộc tổng tuyển cử vừa rồi tại Ấn-Độ có những kết quả hết sức bất ngờ: Đảng Quốc-Đại của Bà Gandhi tuy còn giữ đa số tại Quốc-hội Liên-bang, nhưng đã thất bại khá nặng nề. Tại Quốc-hội Liên-bang, Đảng Quốc-Đại chỉ còn giữ được có 270 ghế trên 521, như vậy so với nhiệm kỳ trước đảng đã mất đi 91 ghế. Nếu đi sâu vào chi tiết ta còn thấy, Đảng Quốc-Đại ở trong tình trạng nguy ngập hơn nhiều

Trong khi Đảng Quốc-Đại gặp nhiều thất bại, thì hai phe cực tả và cực hữu lại tấn bộ rất nhiều: Ở tiểu bang Kerala (tây-nam Ấn-Độ) đảng cộng-sản thân Bắc-kinh đã chiếm được 100 ghế trên 133 ghế tại Quốc-hội địa-phương, trong khi ở thủ-đô Tân-Đề-Li đảng cực hữu chiếm tới 6 ghế trên 7 ghế đại-diện thủ-đô ở Quốc-hội Liên-bang.

Các lãnh-tụ đảng Quốc-Đại bị thất cử rất nhiều. Ông Kamaraj, lãnh-tụ Đảng, người có uy quyền lớn nhất Ấn-Độ, bị thất-cử tại tiểu bang Madras. Điều này hết sức nhục nhã cho Đảng Quốc-Đại, vì tiểu bang Madras là nơi mà đảng có căn bản vững chắc nhất và cũng là nơi ông Kamaraj kiểm soát được guồng máy chính-trị chặt-chẽ nhất. Hơn nữa ông Kamaraj, người đã từng lựa chọn các Thủ-tướng Ấn-Độ, lần này lại bị thua trước một đối phương rất trẻ, 29 tuổi, kinh-nghiệm còn non nớt. Ngoài

ra, nhiều vị lãnh-đạo khác của Đảng Quốc-Đại cũng mất ghế nghị-viên mà họ giữ từ trước tới nay, như ở Bombay, ở Bengal. Trong chính-phủ có tới 7 ông Tổng-trưởng bị thất cử. Nhưng trái lại Bà Gandhi lại được tái cử một cách hết sức vẻ vang với 91.000 phiếu hơn các ứng cử viên đối lập.

Trong một nền dân-chủ chân-chính như ở Ấn-Độ, với những cuộc bầu cử trong-sạch, không gian lận những lá phiếu đã phản ảnh trung thực ý chí của dân chúng. Qua những lá phiếu thu lượm được trong tuần trước, người ta nhận thấy dân chúng Ấn-Độ hầu như đã chán ngán đảng Quốc-Đại và các lãnh-tụ của Đảng này. Niềm chán ngán trên có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chính là sự bất bình của dân chúng trước những vấn đề khó khăn mà đảng Quốc-Đại, tuy có đầy đủ quyền hành, vẫn không giải quyết nổi.

Thật vậy, khi Bà Indira Gandhi lên cầm quyền sau cái chết đột ngột của ông Shastri, Bà đã thừa hưởng của ông này rất nhiều khó khăn khó vượt nổi.

Vấn đề trầm trọng nhất được đặt ra là vấn đề thực phẩm. Làm sao đủ gạo cho dân chúng tiêu thụ khi mà mỗi tuần lễ Ấn-Độ có thêm 200.000 miệng

phải nuôi. Chính phủ Ấn-Độ đã cố gắng nhiều để giải-quyết vấn đề này bằng cách thực hiện hai chiến dịch. Một mặt kế hoạch-hóa canh-nông để tăng gia sản-xuất, một mặt áp dụng kiểm soát sinh đẻ. Nhưng hai chiến dịch này lại không có kết quả mong muốn vì năm 1956 Ấn Độ bị nạn hạn hán, sản lượng mễ cốc giảm bớt 12 triệu tấn trong khi mức kiến thức quá thấp của dân chúng không cho phép dân hiểu rõ những phương pháp hạn chế sinh đẻ. Năm 1966 bà Gandhi đau khổ nhận thấy có tới 12 triệu dân của bà không có cơm ăn. Vì vậy mà dân chúng đói đã nổi loạn nhiều lần và đã bị cảnh sát dùng tay thước đàn áp.

Khó khăn thứ hai là vấn-đề ngôn ngữ. Hiến-Pháp Ấn-Độ quyết định rằng tiếng hindi sẽ là quốc ngữ. Tiếng hindi chỉ là tiếng của một số lớn người Ấn mà thôi ngoài ra còn tới 178 thổ ngữ khác. Mỗi sắc dân đều muốn dùng tiếng của mình vì vậy mà nhiều cuộc nổi loạn đã xảy ra để phản đối việc dùng tiếng hindi.

Trong một nước với một diện tích quá lớn như Ấn độ, dân chúng không được đồng đều, mà còn chia làm nhiều chủng tộc, nhiều tôn giáo. Vì vậy các bộ lạc luôn luôn nổi dậy chống chính quyền trung ương. Dân Sikh với 7 triệu người ở phía tây Punjab vừa được bà Gandhi cho phép lập một tiểu bang riêng. nhưng dân Ấn độ lại phản đối khiến bà Thủ tướng phải cho lính ra dẹp.

Sau khi Ấn - độ được độc lập, đảng Quốc Đại sở dĩ nắm được chính quyền là nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Nehru. Do uy tín của ông nên lúc sinh thời Nehru đã làm cho nhân dân Ấn hết sức tin tưởng vào Ông; những thành quả ngoại giao của ông đã làm cho người ta

quên những thất bại trong nước của chính quyền do đảng Quốc - đại điều khiển. Ngày nay thời cuộc đã đổi thay, bà Indira Gandhi tuy có tài nhưng không đủ uy tín như thân phụ bà ngày trước. Bởi vậy các lãnh tụ đảng Quốc Đại không ngần ngại mà công khai tranh nhau quyền lợi.

Hơn nữa đảng Quốc Đại nắm chính quyền đã 19 năm nay. Lớp người trẻ lớn lên sau khi Ấn Độ được độc lập không coi quá khứ tranh đấu của đảng là thiêng liêng như những bậc tiền bối của họ. Vì vậy trước những sự khủng hoảng trầm trọng mà đảng Quốc Đại không giải quyết nổi, họ không do dự đòi thay thế những người cầm quyền.

Ngoài ra, chính vì Ấn Độ chọn con đường dân chủ nên mới gặp những sự khó khăn hiện tại. Trong khi Trung Cộng chấp nhận hy sinh hiện tại để xây dựng tương lai, Ấn Độ lại quá tôn trọng hiện tại để có phần quên tương lai. Nếu các kế hoạch phát triển kinh tế của Trung Cộng hướng về kỹ nghệ chế tạo những sản phẩm trang bị, kỹ nghệ nặng, thì những kế hoạch phát triển của Ấn - Độ lại chú trọng tới canh nông nhiều hơn. Trong lãnh vực kỹ nghệ, mọi nỗ lực của Ấn Độ nhằm tạo nên những kỹ nghệ nhẹ như kỹ nghệ thực phẩm, kỹ nghệ chế tạo những sản phẩm tiêu thụ. Thật vậy, Ấn Độ muốn dân chúng được hưởng ngay những tấn bộ kinh tế xã hội, trong khi Trung Cộng không để cho dân hưởng một chút nào những kết quả kinh tế của mình. Ấn Độ không bao giờ chịu dùng những phương pháp độc tài để huy động nhân lực, để bắt dân chúng làm việc như ở Trung Cộng. Nhân danh những nguyên tắc dân chủ, Ấn Độ không bao giờ đặt ra những kế hoạch

toàn diện có tính cách bó buộc như những nước cộng sản. Kế hoạch của Ấn Độ chỉ có tính cách hướng dẫn, kinh tế Ấn là một nền kinh tế tự do với tự do cạnh tranh. Trong một nước chậm tiến các phương pháp dân chủ trong lãnh vực kinh tế đem lại ít thành quả hơn các phương pháp độc tài. Tuy nhiên phương pháp dân chủ là căn bản của cuộc tranh đấu dành độc lập của người dân Ấn Độ.

Về phương diện chính trị, Ấn Độ luôn luôn tôn trọng những nguyên tắc dân chủ. Ấn Độ có một chính thể dân chủ đại nghị, nên mọi quyết định của chính phủ đều phải dựa vào ý chí của nhân dân. Nhưng những kinh nghiệm cho ta hay rằng một chính thể đại nghị không còn phù hợp với nhu cầu của một quốc gia tân tiến nữa. Ngày nay các quốc gia dù dân chủ cũng cần phải có một cơ quan hành pháp mạnh mẽ mọi việc được giải quyết mau lẹ và hữu hiệu. Ngay cả nước Anh, là nước đầu tiên đặt ra chế độ đại nghị, cũng đã tiến tới tập trung nhiều quyền hành trong tay Thủ Tướng, lãnh tụ đảng cầm quyền. Ấn Độ tuy giống Anh ở chỗ Thủ tướng là người lãnh đạo đảng cầm quyền. Nhưng nếu với Ông Nehru mọi công việc được điều hành êm thấm, vì ông có đầy đủ uy quyền để bắt mọi người phải tuân theo, thì với bà Gandhi ta thấy mọi việc đều khác. Bà không có uy tín của ông Nehru, nên ngay trong hàng ngũ đảng Quốc Đại người ta cũng không triệt để tuân theo bà. Các lãnh tụ đảng Quốc Đại mà người ta thường gọi là «*Nghiệp đoàn các lãnh tụ*» lại còn dòm ngó cái ghế Thủ tướng của bà nữa. Do đó bà Gandhi không thể thành công như nhân

phụ bà. Mỗi khi một dự thảo luật hay biện pháp nào đưa ra đều phải đem qua Quốc hội thảo luận. Với ông Nehru; người ta không bàn cãi dài dòng, nên Quốc hội thông qua mau lẹ các đề nghị của chính phủ. Nhưng với bà Gandhi thì người ta lại bàn đi tính lại nhiều lần, vì bà chỉ là một trong những lãnh tụ của đảng Quốc Đại. Tuy đảng nắm đa số tuyệt đối tại Quốc hội, nhưng vì thiếu chủ trương chung, nên mỗi người có một quan điểm khác nhau, vì vậy khó có thể có một chính sách được đa số nghị viên ủng hộ.

Những khó khăn về ngoại giao của bà Gandhi cũng không kém phần trầm trọng. Trước hết đối với Trung cộng những vụ tranh chấp biên giới Hy Mã Lạp Sơn chưa được giải quyết ổn thoả. Ngày 25 tháng 10 năm 1962 Trung cộng đã đột ngột tấn công vùng Hy Mã Lạp Sơn của Ấn Độ. Trước lực lượng hùng hậu của Trung cộng, quân đội Ấn thất bại liên tiếp. Cuộc chiến tranh này chỉ được kết liễu với sự đơn phương đình chiến của chính phủ Bắc-kinh Sáu nước trung lập do bà Bandaranaike hướng dẫn cố tình giảng hoà đôi bên nhưng chưa kịp thành công thì chính phủ Bắc kinh lại ký với Hồi Quốc một thoả hiệp định ranh giới giữa Trung cộng và Cachemire và để cho Hồi Quốc nhiệm vụ bảo vệ ranh giới này. Như vậy sự khủng hoảng Ấn-Hoa lại được đem thêm sự khủng hoảng Ấn Hồi.

Từ năm 1948 tới giờ, Ấn Hồi luôn luôn lục đục về vụ Cachemire. Cả hai bên đều đòi lãnh thổ này. Sau nhiều lần giao tranh, đôi bên đã đình chiến cho tới mùa thu 1965 thì quân đội hai bên lại đánh nhau nữa.

Hội nghị Tachkent được nhóm họp vào tháng 1-1966 giữa Thủ tướng Ấn Shasri và Tổng thống Hồi Ayub Khan đã đưa tới một thỏa hiệp gồm 3 điểm chính :

— Quân đội hai bên đều rút về vị trí cũ.

— Tái lập liên lạc ngoại giao.

— Những hội nghị cao cấp trong tương lai sẽ giải quyết mọi hiểu lầm của đôi bên.

Hội nghị Tachkent được chấm dứt một cách bi đát bằng cái chết đột ngột của Thủ Tướng Ấn Shastri, nên hai bên đều tỏ thiện chí hoà bình. Nhưng hơn một năm nay Ấn và Hồi vẫn chưa tìm thấy một giải pháp nào khả dĩ làm đôi bên hài lòng cả. Hồi quốc thì trông vào đa số dân Cachemire là hồi giáo, nên đòi trưng cầu dân ý để cho dân Cachemire có quyền lựa chọn, nhưng Ấn độ lại không chịu.

Hai khủng hoảng trong bang giao giữa Ấn độ với Trung Cộng, và giữa Ấn Độ với Hồi Quốc lại còn là hai khía cạnh của vấn đề phòng thủ của Ấn Độ nữa. Trước thái độ gây hấn của Trung Cộng, Ấn Độ phải gấp rút tăng cường quân đội. Nhưng tăng cường bằng cách nào thì tình trạng căng thẳng giữa Ấn Hồi và Trung Cộng cũng gia tăng. Anh và Mỹ, đều muốn củng cố nền dân chủ Ấn Độ nên viện trợ vũ khí cho Ấn Độ. Nhưng mỗi viên đạn, mỗi khẩu súng của Anh, Mỹ, gửi qua Ấn Độ lại bị Hồi Quốc coi là được dùng để đánh Hồi Quốc, mà Hồi lại là đồng minh của Anh Mỹ trong minh-ước Bagdad. Sau khi do dự khá nhiều, Anh Mỹ đã viện trợ vũ khí cho Ấn Độ vì không thể khoanh tay ngồi nhìn Trung Cộng thôn tính một nước dân chủ chân chính

độc nhất trong các quốc gia chậm tiến. Nhưng hậu quả của viện trợ Anh Mỹ cho Ấn Độ là Hồi quốc ngày nay càng ngày càng ngả về phe cộng sản. Nga sô cũng viện trợ cho Ấn độ, vì Nga cũng như Anh Mỹ muốn bảo vệ và duy trì nền dân chủ này như một yếu tố của hòa bình Đông Nam Á trước đe dọa Trung Cộng. Nhưng chính sách này của Nga lại chỉ làm cho Trung Cộng thêm cứng rắn đối với Nga và đối với Ấn Độ.

Vấn đề phòng thủ Ấn Độ lại được đặt ra một cách trầm trọng hơn nữa từ khi Trung Cộng chế tạo được bom nguyên tử. Sự đe dọa xâm lăng của Trung cộng là một mối lo nhức đầu của chính phủ Tân Đề Li hiện thời.

Những khó khăn về mặt ngoại giao khó có thể giải quyết trong chốc lát. Nehru trước đây cũng không tìm ra giải pháp. Nhưng dưới thời bà Gandhi những vấn đề này hiện ra rõ rệt hơn là dưới thời Nehru, vì bà Gandhi không có những thành quả ngoại giao lừng lẫy như thân phụ bà. Nehru không những có uy tín ở quốc nội mà còn có uy tín ở quốc ngoại nữa. Ông được coi là lãnh tụ của đệ tam thế giới, của các quốc gia trung lập, không liên kết. Bà Gandhi cũng được thừa hưởng của cha vai trò lãnh tụ này. Nhưng có một sự khác biệt giữa triều-đại Nehru và triều-đại Indira Gandhi là khối đệ tam thế-giới Trung-lập không liên kết, từ khi hội nghị Alger 1964 thất bại, đã mất tầm quan trọng trên trường quốc tế. Khối này vì chia rẽ, vì sự vãn hồi tình thân hữu Nga Mỹ, nên không còn chính sách bất bí nữa và vì vậy cả hai phe tư bản lẫn cộng sản đều bớt kính nể họ. Do đó vai trò lãnh đạo khối trung lập không còn

đem lại cho bà Gandhi những thành quả ngoại giao sáng ngời như hồi sinh thời thân phụ bà, để che dấu những khó khăn hiện tại.

oOo

Chính phủ của đảng Quốc Đại do bà Gandhi lãnh đạo không giải quyết nổi những khủng hoảng hiện hữu. Dân chúng tỏ ra chán đảng Quốc Đại nên ông Kamaraj có đi cò động bầu cử ở Madras có thu vào quỹ của đảng được 1.700.000, roupies, mà vẫn bị mất ghế dân biểu ở chính quê của ông. Trong cuộc cò động bầu cử, cử tri Ấn, có tiếng là bất bạo động, mà đã ném đá đập mũi bà Gandhi ở Orissa. Lòng muốn đổi thay đã được bộc lộ rõ rệt.



Bà Indira Gandhi bị thương ở mũi

Tuy cái mũi bị thương của bà Gandhi đã làm cho dân chúng thêm cảm tình với bà, đem lại cho riêng bà một số phiếu không lồ, nhưng cũng không cứu vãn nổi đảng Quốc-Đại khỏi thất bại, mà nó chỉ giúp đảng khỏi bị mất đa số thôi.

Song song với sự thất bại của đảng

Quốc Đại, hai đảng quá khích cực hữu và cực tả đã tấn bộ nhiều. Về phía cực hữu đảng Jan Sangh đã thắng lợi lớn ngay tại thủ đô. Trong khi về phía cực tả đảng cộng sản thân Bắc-kinh đã làm chủ được tiểu bang Kerala. Kinh nghiệm cộng sản nắm chính quyền với những thuyết Marx, Lénine, Staline làm kinh nhật tụng trong các trường tiểu học lại sắp tái diễn ở Kerala như hồi 1957-1958.

Nếu dân chúng tiếp tục bất tín nhiệm đảng Quốc Đại thì trong tương lai gần đây, Ấn Độ sẽ chứng kiến một cuộc đấu tranh gay go của hai phe cực hữu và cực tả quá khích. Và trong tình trạng rối ren xảy ra sau này, có thể quân đội Ấn sẽ lãnh một vai trò quan trọng trong việc ổn-định tình thế. Dầu sao chế độ dân-chủ đại-nghị Ấn-Độ, một chế độ được coi là thí-nghiệm tại một quốc gia chậm tiến và người ta nóng lòng đợi kết quả, rồi đây có lẽ sẽ được thay thế bằng một chính thể hặc độc tài hoặc tự-do, nhưng hữu hiệu hơn trong công cuộc phát triển kinh tế, xã hội.

Hiện nay Mỹ, Anh và cả Nga đều muốn củng cố chính-thể Ấn-Độ. Vì Anh và Mỹ coi đây là một thí nghiệm tự do để phát triển kinh tế trước thí nghiệm cộng sản Trung Hoa. Nếu thí nghiệm Ấn Độ thất bại, Trung Cộng sẽ có thêm uy tín trước các quốc gia chậm tiến. Ngược lại nếu chính thể Ấn Độ thành công đưa lại hạnh phúc cho dân bằng phương pháp dân chủ mà không cần dùng tới những phương pháp độc tài vô nhân-đạo của cộng sản, thì phe cộng sản sẽ mất dịp khoe là chỉ có phương sách Mac, Lê mới có thể phát triển kinh tế tại các nước chậm tiến. Nga cũng muốn

củng cố Ấn Độ vì một lý do khác. Trước thái độ hung hãn của Trung cộng, Nga muốn có một xứ Ấn Độ mạnh mẽ để làm hàng rào ngăn cản sức bành trướng của Bắc Kinh.

Nhưng tới nay mới chỉ bàn tới những hậu quả dài hạn của cuộc bầu cử vừa qua tại Ấn Độ. Những hậu quả mà ta sẽ chứng kiến trong những ngày gần đây cũng không kém quan trọng. Hậu quả quan trọng nhất là địa vị của bà Gandhi sẽ bị lung lay. Ủy ban lãnh đạo của đảng Quốc Đại sắp nhóm họp để phân tích kết quả cuộc

bầu cử, đề thưởng công định tội. Bà Gandhi liệu có thoát khỏi những chỉ trích của đảng mình không? Khi ông Shastri chết, bà Gandhi lên nắm chính quyền là nhờ ông Kamaraj ủng hộ. Nay ông Kamaraj bị thất cử, không còn đủ uy tín để bắt các nhà lãnh đạo Quốc Đại khác lựa chọn bà làm Thủ tướng nữa. Tương lai chính trị của bà Gandhi do đó hết sức bi quan. Bà sẽ hành động ra sao, chưa rõ, chỉ biết rằng bà đã nhẹ nhàng bình luận đầy triết lý về kết quả bầu cử: «Đời là như vậy, có lúc thăng, lúc trầm».

YU - TRI

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél . 23.741 . 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.

Tìm đọc sách của nhà xuất bản SÁNG TẠO :

CÁNH TAY NỔI DÀI

DỘC ĐƯỜNG

ĐỐT BIÊN GIỚI

ĐIỆP KHÚC TÌNH YÊU VÀ TRÁI PH

tập truyện của Doãn Quốc Sỹ

tập truyện của Thanh Tâm Tuyền

truyện dài của Doãn-Quốc-Sỹ

thơ của Kiệt-Tấn

Người gốc Hoa làm vua đất Việt

NGUYỄN - PHƯƠNG

Cách đây không lâu việc nghiên cứu sử liệu đã đem chúng tôi đến một kết luận: gốc người Việt-Nam là bởi người Trung quốc di cư sang. Nói thế chúng tôi đã đi ngược lại nhiều kết luận về trước, do nhiều nhà chép sử nêu lên, nhất là những nhà chép sử Tây phương. Trong trường hợp đó, chúng tôi không ngạc nhiên gì khi thấy nhiều độc-giả chỉ trích, như các ông Bùi-hữu-Sùng, Tạ Chí Đại Trượng... Nhưng có một điều mà những ai chú ý nhìn vào quá khứ không nên quên, đó là quá khứ giống như đêm tối. Trong đêm đó sử liệu chỉ là những ngọn đèn hiu hắt và thưa thớt. Và sử liệu ăn trực tiếp vào vấn đề mà còn vậy, huống hồ những sử thê liệu không trực tiếp, lại mơ hồ, chỉ có sử dụng sau nhiều lần luận lý! Ở những giai đoạn lịch sử mà sử liệu thuộc về loại không trực tiếp này, như giai đoạn nói về nguồn gốc dân tộc Việt Nam chẳng hạn, đêm tối hầu như hoàn toàn. Bởi đó, nào có lạ gì khi chúng ta thấy có nhiều kiến-giải khác nhau chống đối nhau.

Tuy nhiên, không phải là vì thiếu sử liệu trực tiếp về các giai đoạn lịch sử đó mà ai muốn nói làm sao thì nói. Tài liệu gián tiếp của thời-đại trước cần phải được giải thích theo ánh sáng của tài liệu trực tiếp thuộc thời-đại sau. Cũng như không nên nêu lên một

nguyên tắc rằng người Tây phương mới có thể có những hiểu biết rộng rãi về vấn đề dân tộc Đông-Á, nên mỗi việc là mỗi phải trưng dẫn họ, và người Đông-Á không có thể tìm hiểu về nguồn gốc mình, nên mỗi nói là mỗi sai. Lại cũng không nên nói to lên rằng người Trung-quốc khi viết sử, họ đứng về lập trường Trung quốc mà viết, vì vậy tài liệu Trung quốc nhất thiết phải không đáng tin. Chúng tôi thấy rằng Lê Tác chẳng hạn là người Việt Nam, ít ra cũng đã mấy đời, vậy mà vẫn đứng về lập trường Trung quốc mà viết, và ngày nay, không thiếu gì những kẻ Việt Nam từ đầu chí chân, mà vẫn đứng về phía Tây phương mà viết. Dầu vậy, nhiều điều họ vẫn nói đúng, và người biết dùng sử liệu vẫn nên dùng.

Nhưng người Trung quốc viết về chuyện xảy ra trong thời Bắc thuộc, hỏi họ không đứng về phía Trung quốc thì đứng về phía nào mới được kia chứ? Hay là họ phải làm như các ông Lê-Văn-Hưu và Ngô-Si-Liên, trong phần Ngoại kỷ, để được coi là đứng về phía người Việt Nam. Nghiên cứu phần Ngoại kỷ của hai ông đó, người ta có thể có cảm tưởng là hai ông đã làm một việc tương tự như ít nhiều thương gia ngày nay quen làm, chúng tôi muốn nói họ mua hàng kẻ khác

về rồi lấy nhãn hiệu mình dán vào đề nói là của mình Nhưng nói thế không phải là phủ nhận giá trị của hai ông đó, nhất là trong phần các ông viết về các sự việc sau khi Đại-cồ-Việt đã thành hình. Từ thời đó mà đi, người Việt đã có cơ hội để lại tài liệu cho người Việt. Trong bài này, chúng tôi sẽ dựa vào loại tài liệu đó để nói rằng chẳng những nhân dân Việt Nam gốc bởi người Trung quốc mà ra, mà vua Việt Nam càng thuộc gốc Trung quốc một cách rõ ràng hơn. Về vấn đề nguồn gốc, khi nói về một dân tộc không giống như khi nói về một dòng họ. Về một dân tộc, nguồn gốc rất phức tạp nên phải dẫn do mà nêu lên thành phần chính, nghĩa là thành phần chiếm đa số và chiếm quyền lãnh đạo. Vì thế, chúng ta có thể nói Chiêm thành cũng là Việt Nam vì nay vị trí Chiêm thành đã thành vị trí Việt Nam, nhưng chúng ta không thể nói người Việt Nam gốc bởi người Chiêm thành. Cũng một lẽ đó, chúng ta có thể nói Lạc Việt là Cồ Việt, vì vị trí Cồ Việt đã choán vị trí của Lạc Việt, nhưng cũng không nói được rằng người cồ Việt bởi người Lạc Việt mà ra. Chúng tôi đã trình bày trong *Việt Nam thời khai sinh*, vấn đề nguồn gốc Trung hoa của đại đa số người dân Việt-Nam, sau đây chúng tôi xin nói về nguồn gốc Trung hoa của thành phần lãnh đạo. Nói cách khác, chúng tôi muốn làm chứng rằng, nếu về nguồn gốc dân tộc, người ta chỉ tìm được những nguồn sử liệu gián tiếp, thì về nguồn gốc của một số vua Đại Việt, chúng ta lại có những văn tịch trực tiếp.

Chúng tôi sẽ không nêu lên nhà Đinh, mặc dầu chúng tôi vẫn không tin rằng

Đinh bộ Lĩnh là con cháu Lạc Việt. Ông là con một thứ sử Hoan-Châu, mà dân Lạc Việt lúc đó khó mà chiếm được chức vị thứ sử bên cạnh rất đông những người Trung quốc đã định cư lâu đời tại vùng cồ Việt và đã làm thành yếu tố chính của nhân dân. Nếu ông không phải thuộc dòng dõi Trung quốc mới qua để người ta lưu ý ghi lại điều đó, thì chắc chắn ông cũng thuộc hàng con cháu của những kẻ đã di cư sang lâu đời. Chúng tôi sẽ không nêu lên nhà Lý mặc dầu về nhà này, trong người Tống đồng thời, có kẻ đã nói là thuộc gốc Tàu. Giáo sư Hoàng-Xuân-Hãn, trong tập *Lý Thường Kiệt*, đã nhắc đến một thư của Từ-Bá-Tường gửi cho vua nhà Lý, trong đó đọc được rằng :

«Tiên thế đại vương vốn là người đất Mân. Tôi nghe nói công khanh ở Giao chỉ cũng nhiều người đất Mân. Bá Tường này tài lược không kém người, nhưng không được trọng dụng ở Trung quốc. Vậy xin giúp đại vương». Mấy hàng này chẳng những cho chúng ta thấy vào đầu đời Lý có nhiều hạng người thuộc gốc Trung quốc ở triều đình, mà còn nói đến cách người Trung quốc di cư sang, như sang giúp vua chẳng hạn. Trích dẫn xong, giáo sư Hãn còn chú thêm rằng : «Thuyết nói Công Uần là người Mân có thể thật. Và chẳng, nước ta Bắc thuộc trong nghìn năm, người Trung quốc, hoặc sang buôn bán, hoặc sang làm việc quan, rồi sinh con cái ở đất ta rất nhiều. Có lẽ hầu hết dân miền Trung châu gốc ở Trung hoa. Cho nên Lý Công Uần rất có thể là con cháu một người Mân. Tờ tiên sang nước ta lúc nào ? Dựa vào sự họ Lý giấu gốc tích, tôi nghi rằng họ ấy mới. Có lẽ bố Lý Công Uần

người Mân, có chức vị quan trọng ở đó. Khi Tống lấy nước Mân (971), họ Lý chạy sang ta ẩn tích. Sau Công Uẩn làm vua nước ta, không muốn nói mình là người Bắc; lại muốn tăng lòng dân tin cậy, nên mới bịa ra thuyết con thần. Không biết giả thuyết này đúng hay không. Một điều chắc chắn là đời Tống, người Tống đều nhận Lý gốc ở Mân. Không những Từ Bá Tường nói mà thôi, mà sách *Mộng Khê bút đàm* cũng nói thế. Những lời này, Giáo sư Hãn viết vào năm 1949, vậy sao mà ý kiến giống như của chúng tôi mới đem ra mấy năm nay về nguồn gốc của người Trung châu đất Việt ta? Hay là chúng tôi đã bắt chước Giáo sư? Chúng tôi rất lấy làm hãnh diện về việc đó, nhưng thật sự chúng tôi chỉ được đọc *Lý Thường Kiệt* sau khi đã viết xong *Việt Nam thời khai sinh*. Dầu sao, sự trùng hợp ý kiến làm cho chúng tôi rất phấn khởi. Nhưng vấn đề chính nơi đây là nói đến việc nhà Lý thuộc gốc Trung hoa. Chúng tôi không muốn nhấn mạnh vào chứng thế của Từ Bá Tường hay của người Tống đương thời, vì họ là người Tàu và sợ họ đứng về phía người Tàu mà nói, khiến cho một số học giả có thể hoài nghi chằng. Sau hết, chúng tôi cũng không nêu lên Hồ Quý Ly, mặc dầu họ Hồ, đang khi làm vua Việt Nam, đã vênh váo xưng là con cháu người Tàu. Toàn thư nhắc đến sự kiện này rằng: «Rồi đó, ông tự lập làm vua, lấy niên hiệu là Thánh nguyên, lấy quốc hiệu là Đại Ngu, đổi họ là họ Hồ (2). Tại sao lại đổi họ là họ Hồ? Vì ông muốn cho thiên hạ biết rằng ông thuộc dòng Hồ Công Mãn. Tại sao quốc hiệu lại là Đại Ngu? Vì ông gọi Đễ Thuấn là ông tổ nhà mình, mà Đễ Thuấn ở đất Ngu Phan

Phu Tiên phê rằng như thế là ngông nghênh. Ngô Sĩ Liên cũng phê rằng như thế là ngông nghênh. Dầu thật dầu hư, chúng tôi cũng không muốn lấy đó làm một bằng chứng về nguồn gốc Trung hoa của cấp lãnh đạo Việt Nam.

Điều chúng tôi muốn đem ra bàn đây là nguồn gốc nhà Trần: Nhà Trần đã không sợ nói lên gốc tích của họ, mặc dầu gốc tích đó chỉ có mấy đời và gốc tích đó lại là gốc tích Trung hoa. Họ không giấu gốc tích, mặc dầu họ rất tế nhị về mặt mua lòng nhân dân Việt Nam chống lại với ảnh hưởng nhà Lý mà họ mới hạ bệ. Đàng khác, họ mới sang Việt nam có mấy đời, mà không ai là không công nhận rằng họ là người Việt-Nam, người đồng thời cũng thế và người ngày nay cũng thế. Rồi, mặc dầu chỉ mới làm người Việt-Nam có mấy đời, họ đã không hề nao núng trong việc đánh đuổi ngoại xâm, tức là quân Nguyên. Đó là những khía cạnh rất đáng lưu ý. Nhưng trước hết thử hỏi nhà Trần thành người Việt đã mấy đời khi họ lên nắm quyền chính? *Toàn thư* sẽ trả lời rằng: «Sơ đế chi tiên thế Mân nhân (hoặc viết Quế lâm nhân) hữu danh Kinh giả, lai cư Thiên trường Tức mặc hương, sinh Hấp, Hấp sinh Lý, Lý sinh Thừa, thế di ngư vi nghiệp. Đế nãi Thừa vi thứ tử dã». Dịch Nguyên tổ tiên nhà vua là người Mân (có kẻ nói là người Quế lâm), tên là Kinh. Ông di cư sang ở làng Tức mặc, tại

() Hoàng Xuân Hãn, *Lý Thường Kiệt*, Sông nhị Hà nội, 1949, trang 153, 179. 2. *Đại việt sử ký toàn thư*, quyển 8 từ 36 Ngô thời sĩ *Việt sử tiêu án*, bản dịch của Văn hóa Á châu, Saigon, 1961, trang 276. *Đại việt sử ký Toàn thư*; quyển 15, từ 1a.

Thiên trường rồi sinh ra Hấp, Hấp sinh ra Lý, Lý sinh ra Thừa, đời này qua đời khác làm nghề đánh cá. Nhà vua là con thứ của Thừa». (3) Như vậy Trần Thái Tông là người Việt Nam mới có bốn đời khi lên ngôi, mà bốn đời tức là mới hơn một trăm năm. Ấy chỉ hơn một trăm năm mà đã thành người Đại Việt, và thành một cách chắc chắn không ai dám chối cãi hay đặt vấn đề. Vậy, những người Trung quốc di cư sang cõi Việt trải hằng nghìn năm, đã sinh con đẻ cháu lan tràn, đến nỗi, khách quan mà nói «có lẽ hầu hết dân miền Trung châu gốc ở Trung hoa», hỏi những người đó sao lại không phải là người Việt Nam, và gốc họ sao lại không phải là gốc Trung hoa? Thời Lê Thánh Tông, khi nói lên rằng Trần Cảnh là gốc Trung hoa, Ngô Sĩ Liên đã không có một phản ứng nào, vì đối với ông, cũng như đối với các nhà thức giả đồng thời, nhà Trần đã là một người Đại Việt như bao nhiêu người khác, là người Đại Việt, vì tổ tiên ở đây mấy đời, và cũng là vì đã tỏ ra trung thành với Đại Việt trong việc kháng Nguyên.

Nói nhà Trần kháng Nguyên, không phải hoàn toàn giống như nói nhà hậu Lê kháng Minh. Khi Lê-Lợi nổi lên chống lại quân Minh, ông không nhờ vào lực lượng gia đình họ Lê, vì lực lượng đó chưa có và chính ông phải tạo lấy. Các tướng tá của ông phần nhiều là người khác họ và sau vì công thắng trận đã được mang quốc tính. Thời Trần, quân lực là do trong nhà, trong họ hàng, chiêu mộ và huấn luyện. Các địa vị cao trong quân đội đều nằm trong tay những kẻ có tộc thuộc gần với nhà vua: Trần Quang Khải, Trần Quốc Tuấn,

Trần Khánh Dư, Trần Nhật Duật, Trần Quốc Toản... Mà nói họ hàng gần với nhà vua, cũng là nói rằng thuộc gốc Trung hoa. Như vậy, thì ra không phải chỉ dòng dõi Lạc Việt mới có thể có khí tiết quật cường chống đối ngoại xâm, thì ra không phải chỉ dòng dõi Lạc Việt mới cắt nghĩa nỗi tinh thần bất khuất của giống nòi Đại Việt qua các thế kỷ. Mới sang Việt Nam chưa bao lâu mà đã hăng hái kháng Nguyên, mà đã dai dẳng kháng Nguyên, mà đã oanh liệt kháng Nguyên, như nhà Trần, thì hỏi những kẻ định cư lâu hơn càng hăng hái hơn, càng dai dẳng hơn, càng oanh liệt hơn biết bao?

Nêu lên việc kháng Nguyên như là một sự nghiệp đặc biệt của nhà Trần, thế không phải là nói việc đó không phải là một việc đặc biệt của nhân dân. Nói cho đúng, nhân dân đã đứng sau lưng nhà Trần, đã đoàn kết với nhà Trần, từ người lớn cho đến người bé, từ chức cao cho đến chức thấp, từ người trẻ cho đến người già. Người ta nhắc đến hội nghị Diên Hồng chẳng hạn. Chúng tôi nghĩ rằng khi viết đến việc của tháng Chạp năm Giáp thân (1284), Ngô Sĩ Liên hay Phan Phu Tiên quá hứng thú nên đã đề cho tưởng tượng bay bổng hơi quá tự do. Đây lời *Toàn thư*: «Trần Phụ tự Nguyên hồi, ngôn Nguyên để khiến Thái tử Trấn nam vương, Thoát Hoan, Bình chương A Xích, cập A Lý Hải Nha đẳng, lĩnh binh thác di giả đạo chinh Chiêm thành, phân đạo nhập khẩu. Thượng hoàng triệu Thiên hạ phụ lão hội vu Diên hồng giai, tứ thực, vấn kế. Giai viết: Chiến. Vạn nhân đồng tử như xuất nhất khẩu». Dịch: «Trần Phụ đi sứ Nguyên về nói rằng vua Nguyên đang

(3) Đại-Việt sử-ký Toàn thư quyển 5 tờ 1a.

sai Thái tử Trấn nam vương, Thoát Hoan, bọn Bình chương là A Xích và A Lý Hải Nha lãnh quân chia ra từng đạo sang cướp phá ta, mà giả vờ là mượn đường đi qua để đánh Chiêm thành. Bấy giờ Thượng hoàng hội những người tuổi tác trong nước lại ở thềm điện Diên Hồng, đãi tiệc và hỏi kế hoạch đối phó. Tất cả đều nói : Đánh. Vạn người hô lên rập một tiếng như phát ra từ một miệng vậy» (4) . Thật là đoàn kết ! Thật là oai hùng ! Nhưng làm sao mà có được một vạn bô lão để đến ngồi ăn, làm sao mà tụ họp được người già khắp cả nước ? Dầu sao, một điều có thể chắc được, đó là những kẻ dự tiệc đã đồng lòng khuyên vua kháng chiến. Đàng khác, trong thời đó, bô lão là đại diện đáng kính của nhân dân, nên chúng ta nói được rằng tấn hùng kịch diễn ra ở thềm điện Diên Hồng là tượng trưng chính đáng cho sự nhân dân ủng hộ nhà Trần.

Sự nhân dân ủng hộ này là một điều quan hệ. Nhưng trước nên ghi nhận rằng ở đây không phải là nói toàn dân ủng hộ và cũng không phải là nói toàn gia đình nhà vua ủng hộ. Trong gia đình nhà vua có kẻ đã phản, ví dụ Trần Di Ai, Trần Kiện, Trần Ích Tắc... Trong nhân dân đã có những làng theo địch, như làng Bà điếm, làng Bàng hà... (5) Khi nói nhân dân là có ý nói đại đa số người trong nước, cũng như khi nói gốc người Việt Nam là có ý nói gốc của hầu hết dân miền Trung châu. Nhưng điều quan trọng chúng tôi muốn nói là giả sử chúng ta chủ trương rằng dân Việt Nam do gốc Lạc Việt, và vì nhờ là Lạc Việt nên có tinh thần chống Bắc, và nhờ có tinh thần chống Bắc đó nên mới được độc lập, thì hỏi sau

độc lập rồi dân Lạc Việt càng thuần túy hơn biết bao và vì càng thuần túy hơn nên càng ghét Bắc hơn biết bao. Và rồi với thời gian, ví dụ với ba trăm năm độc lập, lòng ghét người Bắc càng gia tăng, nó tất phải trở thành hiểm khích xoi bó, nó tất phải trở thành mù quáng xông pha, đến nỗi không còn một tí gì là Bắc còn có thể sót lại, nhất là không còn một ai là người Bắc sẽ có thể sang thêm, còn nói gì đến chuyện ủng hộ người Bắc mới sang hơn một trăm năm cho họ tồn tại trên ngai vàng, và ủng hộ như thế trong những lúc họ gặp phải nguy ngập nhất. Hỏi sao người Việt không ghét bỏ, không xoi bó nhà Trần ? Hỏi sao trong trường hợp đó họ không tìm cách đặt một lãnh tụ Lạc Việt lên thay thế, vì giả sử nhờ lãnh tụ Lạc Việt mà đã giành được độc lập, thì nay lãnh tụ Lạc Việt thiếu gì sau ba trăm năm độc lập ? Ấy thế mà không. Trước tai biến, giữa tai biến và sau tai biến không ai đặt thành vấn đề, hay đặt lại vấn đề. Sự im lặng hoàn toàn về khía cạnh nguồn gốc đó chỉ có thể nói lên rằng nhà Trần mới thành người Việt Nam và nhân dân đã thành người Việt Nam trước, hai đàng cũng là người Việt Nam và cả hai phải đồng tâm góp sức giữ lấy non sông.

Sự đồng ý của nhân dân vừa nêu ra đó, đồng thời cũng có thể dùng để giải quyết một thắc mắc mà nhiều người có thể đặt ra, đó là người một nước rất có thể làm vua trên một nước khác. Không cần phải tìm đâu xa, ngay nhà

(4) Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 5, tờ 44a

(5) Đại Việt sử ký Toàn thư, quyển 5, tờ 57b.

Nguyên là người Mông cò mà đã vào làm vua Trung quốc, và tại Việt Nam này, người Pháp cũng đã đến cai trị. Thế thì nhà Trần, người gốc Trung quốc, có thể đến làm vua trên cơⁿ cháu Lạc việt, ai cấm? Nhưng đem ra mấy ví dụ đó cũng đã một phầⁿ nào trả lời cho thắc mắc. Nóⁱ cách khác việc nhà Trần làm vua ở Đại Việt không giống như sự Pháp đến xâm chiếm Việt Nam hay sự nhà Nguyên vào lấy nước Tàu. Về vấn đề người Pháp đến đất nước chúng ta, tưởng không cần phải làm chứng gì, vì chúng ta ai cũng biết họ đã dùng khí giới để cai trị Việt Nam và bao giờ khí giới không còn hiệu lực nữa là họ phải ra đi. Phần nhà Nguyên, họ đã dùng võ lực ghê gớm để đặt ách thống trị trên Trung-hoa. Năm 1253, Hốt-tát-Liệt đã vào Tứ-xuyên với võ lực, và từ đó cho đến khi toàn thắng, năm 1379, một cuộc chém giết liên miên tiếp diễn và khⁱ người Nguyên không chém nữa, th^ì người Tống tự tử... *Bắc sử* thuật việc xảy ra vào tháng hai năm Quý Mão, năm Trương Hưng thứ hai (1279) thế này: Tháng hai, Trương Hằng Phạm nhà Nguyên đánh Trương Thế Kiệt nhà Tống ở Nhai sơn, ra lệnh cho tướng sĩ rằng: Nghe kèn ta thôi là đánh, sai lệnh là bị chém. Buổi sáng Lý Hằng theo con nước đã lui đánh phía Bắc, Thế Kiệt liều chết sống chống lại. Đến trưa, nước lên, tiếng kèn thôi. Hằng Phạm đánh phía Nam. Thế Kiệt bị tấn công cả hai mặt, mà binh sĩ đã mỏi mệt không sức đánh nữa. Rủi lại có một thuyền cột cờ gãy, các thuyền khác tưởng là đầu hàng, đều hạ cờ xuống. Biể nguy đến nơi.. Thế Kiệt cùng với Tô Lưu Nghĩa lấy 16 chiếc thuyền để trốn:

Lục Tú Phu chạy thuyền vua, nhưng thuyền đã lớn lại vướng víu không sao chạy được. Kiệt nói với vua rằng: Việc nước đã đến thế, Bệ hạ nên chết vì nước. Hoàng đế Đức Hựu (là anh vua) vì đầu hàng đã làm nhục quá lắm rồi, Bệ hạ không thể làm nhục lần nữa. Tức thì ông ôm vua và cả hai nhào xuống biển. Hậu cung và bầy tôi chết theo rất đông. Thuyền còn lại lối 800 trăm chiếc đều bị Hằng Phạm chiếm. Bảy ngày sau, xác chết rạt lên bờ có đến 100.000 (7). Đó là nhà nguyên cai trị trên Trung hoa, và đó là cách người Trung hoa đối với quyền cai trị của nhà Nguyên. Ở Đại Việt khác hẳn. Tại đây, nhân dân sống với nhà Trần một cách vô sự trong thời bình và chặt chẽ đoàn kết trong thời biến. Họ đối với vua họ như những người thuộc gốc Trung hoa đối với một gia đình cũng thuộc gốc Trung hoa vậy.

Về gốc Trung hoa của nhà Trần, *Toàn thư* còn nói đến ở một đoạn khác. Chỗ đó cho biết rằng vào năm Kỷ Hợi (1299), tháng tám, khi Thượng hoàng, tức Nhân Tông, sắp bỏ Thiên trường để đến Yên tử tu đạo, vua Anh Tông và Trần Hưng Đạo đến chầu. Thượng hoàng truyền cho Anh Tông phải để cho t hợ thích hình rồng vào đùi, nói rằng: «Nhà ta vốn là người hạ lưu, chuộng sự hùng dũng. Hãy thích hình rồng vào đùi». Thợ thích đã đợi sẵn ở cửa. Nhân khi thượng hoàng nhìn đi chỗ khác, Anh Tông bỏ trốn về cung riêng. Một lúc sau Thượng hoàng biết rằng

(6). Wiegier *Bắc sử*, tập II, Hien hien,)
192 trang 169:-1697

Anh Tông đã trốn cũng không nói gì và bảo Trần Hưng Đạo cùng mấy người khác thích hình rồng. Từ đó về sau các tự hoàng không còn phải bắt buộc thích hình rồng nữa (7).» Đoạn văn này rất phù hợp với đoạn văn đã trích trên. Nó còn chứng minh một điều là nhà Trần không có mặc cảm gì về nguồn gốc của mình. Họ đã không thấy rằng nếu nguồn gốc lên là một điều có hại, ví dụ giảm bớt uy tín nơi nhân dân chẳng hạn, mà xem ra họ lấy đó làm một chỗ hãnh diện là đàng khác. Sao lại cho rằng họ hãnh diện? Chẳng những chúng ta nhận được nơi cách nói của Nhân Tông, mà còn nơi việc họ làm là thích hình rồng vào đùi để giữ lấy dấu vết của nguồn gốc

Nhưng điều đáng lưu ý của đoạn văn này, không phải là chỗ nó nói lên sự hãnh diện của nhà Trần về nguồn gốc Trung hoa của họ, mà ở nơi lý do Nhân Tông vịn vào để khuyên con thích hình rồng. Căn cứ vào lời của *Toàn thư* thì tục thích hình rồng không phải là tục chung của nhân dân, mà là tục riêng của nhà Trần. Nhân Tông nói: «Ngã gia bôn hạ lưu nhân»: Nhà ta vốn người hạ lưu. Hạ lưu này là hạ lưu nào? Hạ lưu của sông Hồng hà hay của sông Dương tử? Phải là của sông Dương tử mới được, vì người Mân có tục văn thân. Hai tiếng «bôn gia» phải hiểu theo nghĩa rộng tức là ông bà tổ tiên ta, hay nói cách khác tục trong gia đình ta. Tại sao tục trong gia đình mà lại xưng là hạ lưu nhân? Hạ lưu đâu có thuộc về một gia đình nào? Nó phải là một vùng Triết giang, Phúc kiến. Một tục chúng ta nhận được vì lý do là người của hạ lưu, ắt tục đó phải là tục chung của cả vùng hạ lưu. Vậy sao nhà Trần lại nói là tục riêng của họ «ngã gia»? Đó

là vì khi còn ở đất Mân thì tục chung của vùng, còn nay sang Việt Nam, thì tục đó là tục riêng. Thế nghĩa là làm sao? Chỉ có thể có nghĩa là ở vùng hạ lưu sông Hồng hà, tức là vùng Đại Việt, người ta không có tục đó, nhân dân không có tục đó. Giả sử tục thích rồng là tục chung, thì việc nhà vua thích hình rồng phải là một việc cần thiết để nêu rõ đặc tính của dân tộc. Việc đó có thể kèm theo nhiều nghi lễ long trọng. Và, cố nhiên, Anh Tông không thể từ chối một cách dễ dàng. Sở dĩ Anh Tông có thể từ chối, đó là vì nó chỉ là một tục riêng trong nhà, tục của những kẻ ở Mân sang, mà bấy giờ chắc rằng những thuộc gốc Mân như vậy cũng không còn mấy ai duy trì người,

Hai đoạn văn của *Toàn thư* nói về nguồn gốc nhà Trần như vừa trình bày, cho chúng ta thấy rõ hơn về nguồn gốc dân tộc Việt Nam. Lời của Nhân Tông đã phán quyết về vị trí của tục văn thân, và như thế bác bỏ thuyết của Arousseau chủ trương rằng gốc tích dân Việt Nam là do người Việt ở Triết giang đã sang về Việt một cách tập thể vào lối thế kỷ thứ ba trước kỷ nguyên. Lời đó cũng bác bỏ luận điệu của những sử gia như Lê Thành Khôi cho đó là một tục của các vua Việt Nam từ trước cho đến Trần Anh Tông. Ông Khôi chép: «Chúng ta ai cũng biết rằng các vua Việt Nam thời trước cho đến Trần Anh Tông (1293) có thói thích vào đùi hình tô tem rồng, coi đó như là tổ tiên và là tượng trưng của đế quyền...» (8) Để thấy sự tổng quát hóa vội vàng theo một hệ thống tư tưởng đã có sẵn đó của ông Khôi, là hơi hợt và thiếu căn cứ, chúng ta chỉ cần đọc lại lời của

(7) Đại-Việt sử ký toàn thư, quyển 6, tờ 6.

(8) Le Việt Nam, Histoire et Civilisation trang 89

7) Đại Việt sử ký toàn thư, quyển 6, tờ 9

Nhân Tông. Thật, Nhân Tông biết rõ tục văn thân cũng như phong tục Việt Nam thời nhà Lý, nhà Trần, hơn nhiều sử gia ngày nay. Rồi nguồn gốc Trung quốc của nhà Trần đem lại sự thật lịch sử này là người Trung quốc sang để trở thành người Việt Nam là một sự kiện liên tục và tự nhiên đến nỗi một khi đã định cư tại đó người ta có thể hưởng đầy đủ những quyền lợi bởi sự định cư mà ra, đến cả những quyền lợi tối cao như làm vua mà không bị ai đặt vấn đề, hay không gây nên một mặc cảm nào. Sau hết, khi đã chắc chắn được về sự người Trung quốc đã sang cõ Việt để làm thành nguồn gốc cho người Việt Nam và đồng thời chắc chắn rằng việc họ di cư sang không phải từ thế kỷ thứ ba trước kỷ nguyên, bây giờ chỉ còn một thời hết sức thích hợp nữa là từ khi nhà Hán sang đặt nền đô hộ các vùng Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam... Như thế nói rằng nguồn gốc dân tộc Việt Nam là người Trung quốc di cư sang cõ Việt

trong thời Bắc thuộc đã có một sử liệu Việt Nam minh chứng rồi vậy.

26 tháng 12, năm 1966

NGUYỄN-PHƯƠNG

SÁCH MỚI

— **Hoa bướm bướm** truyện dài của Võ Hồng, do lá bôi xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 266 trang, bìa của Hiếu Đệ, truyện dài đầu tay của nhà văn quen thuộc với bạn đọc Bách Khoa lấy khung cảnh 10 năm kháng chiến, Bản đặc biệt không để giá.

— **Truyện ngắn của truyện ngắn** của Sơn Nam, do Phù Sa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 118 trang giá 45 đ

— **Mù sương** Tập truyện của Nguyễn Xuân Hoàng, do Thời Mới xuất bản và gửi tặng. Sách dày 96 trang gồm 6 truyện ngắn, giá 48 đ

Đã có bán:

M ù S Ư O N G

của Nguyễn Xuân Hoàng
do THỜI MỚI xuất bản

Những cuộc yêu đương và những mẫu tâm tư lạ lùng trong tác phẩm đầu tay của một ngòi bút trẻ xuất sắc.

NGUYỆT SAN :

V Ậ N Đ Ề

Chủ Biên : VŨ KHẮC KHOAN
Thư Ký Tòa Soạn : THANH TÂM TUYỀN

Số 1 phát hành trung tuần tháng 3-67

Chính sách Cộng sản

đối với Phật-giáo Trung-hoa

Ngày nay tại nhiều nước Âu-châu, cộng-sản đang bắt đầu đối-thoại với Ki-tô-giáo. Như thế có nghĩa là gì ?

Theo chủ-nghĩa Mác-Lê thì tôn-giáo là hình thức vong-thân căn bản nhất mà cũng là cố-hữu nhất, bởi vì trước khi có sự phân-chia giai-cấp phát sinh từ sự phân chia lao-động, thì đã có tôn giáo rồi (1). Mà tôn giáo dưới bất cứ hình thức nào, đều cản trở con người phát-triển theo đường diễn-tiến của lịch-sử. Chính vì muốn giải - phóng con người, chính vì muốn cho con người xây-dựng thiên-đàng dưới thế, mà người cộng-sản bài bác tôn giáo và tuyên-bố (sau Hegel) rằng thượng-đế, thần-minh đã chết rồi.

Vậy tại sao đối thoại ?

Câu hỏi này xem ra càng khó trả lời hơn khi chúng ta nhìn vào chính-sách Trung-cộng đối với Phật-giáo Trung-hoa. Tại đây, sau một thời gian đàn áp ra mặt, không những chính quyền cộng-sản quay lại đối thoại với Phật-giáo, mà còn nâng đỡ khuyến-khích nữa là khác, nhưng với rất nhiều mách lới như độc giả sẽ thấy sau đây.

Giai-đoạn đàn áp : 1949-1953.

Ngày 25 tháng 3 năm 1949 Mao-Trạch-Đông và một số lãnh-tụ đồ cao cấp tiến vào Bắc-kinh giữa tiếng tung-hô vạn tuế. Mao đã thắng Tưởng-giới-Thạch. Mấy tháng sau nền Dân-chủ cộng-hòa Trung-quốc được trịnh trọng tuyên-bố trước Thiên-An-môn.

Trong giai-đoạn 1949-53 cộng-sản áp-dụng một chính sách tàn nhẫn đối với Phật-giáo. Chùa chiền bị đóng cửa hay bị trưng dụng làm của công. Các nhà tu-hành phải đi tăng-gia sản-xuất, đi lính hay bị bắt vào các trung tâm «tây-não». Đồng thời cộng sản xâm nhập vào hàng ngũ Phật tử, lôi cuốn được một số đi theo mình. Những phần-tử «cấp-tiến» này tiếp tay với cán-bộ Đảng tuyên-truyền ủng-hộ cho chính quyền. Báo *Modern Buddhism* (xuất bản tại Trung-cộng) số tháng 4 năm 1951 viết : «Phật-tử chúng ta hãy mau mau liên-kết với các tôn giáo khác ủng-hộ quân đội tình-nguyện Trung-quốc và quân-đội nhân dân Triều-

(1) xem H. Desroche, *Marxisme et religions*, P.U.F. 1962, tr. 31 và tiếp

tiên, Tốt nhất là hãy xung vào bộ đội và noi theo tinh thần Đức Phật ; ngài là hiện thân của Từ bi, tuy thế ngài đã diệt trừ bọn trộm cắp lưu manh để cứu độ chúng sinh và cam chịu mọi gian khổ vì thương xót đồng loại. Nếu ta tuân theo giáo-lý ngài mà tiêu diệt bọn đế quốc Mỹ phá hoại hòa bình thế-giới, thì không những ta làm một việc không đáng trách mà còn đầy công-nghiệp.» (2)

Những cuộc bách-hại nhiều khi là cơ hội làm cho một tôn-giáo lấy lại sinh - lực. Chẳng hạn sau cuộc cách-mạng năm 1911 Phật giáo Trung-hoa đã một lần bị đàn áp tàn khốc, nhưng một phần cũng nhờ đó mà ít lâu sau phục-hưng được : Phật-giáo phái người đi học, cho in sách báo phổ biến, lập hội đoàn, xây cất chùa chiền, trường học v.v. Nhưng nên nhớ cuộc cách-mạng nói trên không phải là cuộc cách-mạng cộng-sản và chính sách đàn áp của cộng sản bao giờ cũng tinh vi khác thường. Sau đợt 1949-53 nếu Phật-giáo Trung-hoa còn tiềm lực nào nữa thì rồi cũng sẽ bị tiêu tan hay «biến-chất» trong những đợt sau.

Một chính sách mới :

Kể từ năm 1953, người ta thấy chính quyền cộng sản cho tu bổ lại chùa chiền, đúc chuông, đúc tượng v.v. Một cuộc đại hội Phật giáo tổ chức tại Bắc-kinh từ 29/5 đến 3/6/53 lập nên Hội Phật-giáo Trung - hoa (Buddhist Association of China) hoàn toàn dưới quyền kiểm soát của Đảng. Chủ tịch hội này là một nhà tu-hành 80 tuổi và phó chủ tịch kiêm tổng thư ký là Chao-Pu-Chu, một người được Bắc - kinh hoàn toàn tin cậy. Hoạt động của Hội nhằm liên kết Phật-tử

Trung-hoa dưới sự lãnh đạo của chính phủ, đề cử võ lòng yêu nước, bảo vệ hoà bình, và nâng-dỡ chính phủ thực hiện chính sách tôn giáo. Chao-Pu-Chu cũng là viện trưởng Viện Phật học Trung hoa (Chinese Buddhist Accademy) thành lập tháng 9 năm 1956. Trực thuộc viện này là trường Phật học Trung hoa (Chinese college of Buddhism). Công-tác của viện là nghiên cứu ngành Tiểu-thừa. Bề ngoài cộng sản vẫn có rằng Đại-thừa không phải là đạo Phật chính thống, vì thế phải quay về Tiểu-thừa, nhưng bên trong thì có mục đích hủy diệt Đạo Phật của nhân dân Trung-hoa. Muốn hiểu như thế, tưởng nên nhắc sơ quatràng : Tiểu-thừa chủ trương giải thoát cá nhân mình, còn Đại-thừa chủ-trương cứu-độ mình và người khác, do đó mà Đại thừa còn có tên là Đại thặng, nghĩa là chiếc xe lớn chở được muôn triệu chúng sinh. Tiểu-thừa xem ra đi sát với bản chất nguyên thủy hơn, vì kể «đạo» Phật như một con đường cứu độ thuần lý-trí, với những phương tiện hoàn toàn nhân-loại, trong lúc Đại-thừa biến Đạo thành một « tôn giáo » theo nghĩa thông thường, có lễ nghi tôn thờ, cầu khẩn thần-phật ... Vì thế ngày nay ở Âu Mỹ chi nhánh trên lời cuốn được nhiều người hơn (3). Kêu gọi Phật-tử quay về với Tiểu-thừa, Trung-cộng thu được rất nhiều điều lợi. Một là làm cho người ta nghĩ rằng chính-sách đàn áp trong giai đoạn 49-53 không

(2) trích theo báo : Ostprobleme, 17 (1961) tr 462. Những đoạn trích báo Modern Buddhism trong bài này đều theo tờ Ostprobleme này.

(3) Xem H. Dumoulin : Weltbuddhismus, trong báo ; Stimmen der Zeit, 153 (1953-1954) 47-55.

có ý phá hủy, nhưng là thanh-loc Phật-giáo khỏi những yếu tố « lạc-đạo » của Đại-thừa. Hai là nếu chưa thể tiêu-diệt được một tôn-giáo vốn đã ăn sâu vào tâm não quần chúng, thì Tiểu-thừa vẫn đáng dung thứ hơn bất cứ tôn-giáo chính-hiệu nào. Ba là cộng-sản vốn rêu rao tự do ôn-giáo nhưng kẻ tôn-giáo là chuyện hoàn toàn cá nhân, không cho phép truyền đạo, dạy đạo... Nếu thế thì đường lối tu tịnh của Tiểu-thừa nhất thiết còn có lợi hơn Đại-thừa. Sau hết còn có thể nói thêm : cho nghiên-cứu Tiểu-thừa, cộng-sản Trung-hoa làm ra vẻ đi đúng một phần nguyện-vọng của phong trào chấn-hưng Phật-giáo ngày nay.

Trong giới Phật-giáo Trung-hoa, không phải ai cũng đi theo chính sách của Đảng. NỮAG nhà tu hành nào lưng chừng hay chống lại đều bị bắt giam hay đem đi giáo dục. Ký giả Lucien Bodard trong cuốn *La Chine de la douceur* cho rằng ở Trung Cộng chưa bao giờ tôn giáo mang một mặt hào nháng như ngày nay. Ở Bắc-kinh du khách được chứng kiến những cuộc rước linh đình, thăm viếng những chùa chiền nguy nga. Bị màu sắc làm hoa mắt, họ không biết rằng đó chỉ là cái vỏ, còn cái hồn, cái tủy thì đã tiêu tan mất rồi. Tôn-giáo biến thành một lợi khí tuyên truyền của Đảng và chính phủ. Sau đây là cuộc nói chuyện giữa một nhà sư đã được cải-huấn và ký-giả :

— Làm sao những đòi hỏi của Đức Phật có thể đi đôi được với chủ-nghĩa duy-vật vô thần.

— Tại sao không thể được ? Tôn-giáo và chính quyền cùng đeo đuổi một mục đích chung là hạnh phúc người dân.

Chưa bao giờ có một chính quyền phục vụ nhân dân như ngày nay. Hàng ngày chúng tôi cầu nguyện cho Mao chủ-tịch. Ngài là người làm cho nước Trung-hoa và các tôn giáo được thịnh vượng.

— Chắc có một số nhà tu hành phản-động bị bắt và kết án.

— Tiếc thay có một số đã đi lầm đường !

Một giáo-ly mới

Trung cộng tìm cách xuyên-tạc giáo lý Đức Phật một cách trắng trợn tuy bề ngoài vẫn làm ra vẻ ân cần đối với đạo Phật. Hãy nghe họ định nghĩa từ-bi như sau « Ta phải có lòng từ bi đối với người tốt, nhưng nếu ta có lòng từ bi đối với người xấu, tức là ta gián-tiếp giúp họ làm điều ác. Bởi thế Phật giáo có một giới răn cò kính : giết người ác là một việc tốt. » (*Mod. Buddhism*, số tháng 4, 1953). Để thoát khỏi vòng sinh tử, phải: « tiêu-diệt chế độ tư-sản là nguồn gốc của tham-sân-si. » (tháng 1, năm 1959). Năm 1955 ông Chao-Pu-Chu, tổng-thư-ký hội Phật-giáo Trung-hoa tuyên-bố rằng: « Kế hoạch ngũ-niên của chính phủ khởi đầu chương-trình xây dựng thiên-đường dưới thế. » Theo luận điệu này ta không lạ gì khi nghe cộng sản đồng hóa nát-bản với thiên-đàng cộng sản : « Từ nay dưới sự lãnh đạo của chính phủ (...) không còn vấn-đề cơm ăn áo mặc nhà ở hay giao thông nữa, vì tất cả mọi người đều sản xuất, hoặc trực tiếp bằng tay chân, hoặc gián-tiếp bằng công việc trí óc (...) Từ nay không còn giặc giã thiên tai nữa. Từ nay mọi đau khổ của người đời đều vĩnh-viễn tan biến hết » (tháng 6 năm 1951).

Hoạt-động ngoài biên-giới Trung-quốc.

Từ khi thành-lập, Hội Phật-giáo Trung hoa tìm đủ mọi cách để gây ảnh-hưởng ra ngoài biên giới. Tờ báo Anh-ngữ Modern Buddhism (vốn có từ 1950) bây giờ do Hội đảm nhận. Nhiều phái đoàn được cử đi thăm viếng thiện-chí các nước bạn. Một cuộc rước vi-đai khởi hành từ Trung hoa, qua Miến-Điện rồi năm 1962 qua Ceylan dừng lại đó hàng tháng. Đồng thời Hội lại mời nhiều phái đoàn ngoại quốc tới thăm viếng Trung-hoa, tặng quà gây thiện-cảm. Một lần, một vị sư Nê-pan nhận được nửa triệu roupies (tiền-tệ Ấn-độ), sau đó nhà sư viết một cuốn sách khen ngợi chính-sách Trung-cộng đối với Phật-giáo. Theo H. Welch, người ta nghe theo mảnh lời cộng-sản là vì lầm-tưởng, vì vô-tình, vì hy-vọng được giúp đỡ vật-chất hoặc là vì nghĩ rằng sớm muộn cộng-sản Trung-hoa cũng sẽ tràn tới nước mình, tốt nhất là hãy có thái-độ cởi-mở ngay từ bây giờ (4).

Ảnh-hưởng của Hội Phật-giáo Trung-hoa rất quan trọng. Thử nghe một vị tu hành Miến-điện trả lời câu hỏi của một ký-giả ngoại quốc: «Sát sinh chỉ là một điểm phụ thuộc. Điều quan trọng là bước tiến khoa-học, điều quan-trọng là hỏi Phật-giáo có đi đôi với khoa-học không?» (5). Theo ông chủ-nhiệm tờ báo Phật-giáo bằng Anh-ngữ tại Miến-điện, thì các nhà sư phần đông không hiểu rõ kinh Pa-li vì thiếu căn-bản triết lý Âu-Châu. Và ông ca ngợi tư-tưởng của triết gia B. Russell. Ông chủ-nhiệm này là điển hình của hạng Phật-tử cấp-tiến hiện nay đang có nhiều ảnh hưởng tại các nước Á-châu (6). H. Dumoulin sau một cuộc du-hành quan-sát qua nhiều nước,

nhận định rằng một đảng ảnh hưởng Phật giáo tại đây còn rất sâu đậm, đảng khác «nơi nhiều Phật-tử ngày nay, Đạo Phật chỉ còn là ý-thức-hệ vô-thần thuộc phạm-vi nhân-văn, nếu có khác với ý-thức-hệ vô-thần khác của tây-phương (...) thì chỉ là cái vỏ bề ngoài mà thôi». (7)

Nói thế có lẽ có phần quá khích, vì dù sao so với các khuynh-hướng khác, thì khuynh-hướng cấp-tiến vẫn là một thiểu số. J. Vogel tả tình-trạng tại Tích-lan như sau: «khi tôi ở đó, hầu như không ngày nào báo chí không tường-thuật những cuộc bàn-luận quan-trọng giữa các nhà sư, nhất là về chủ nghĩa Mác-xít. Người thì quả-cuyết rằng Mác-xít đi đôi được với Phật giáo, kẻ lại cho rằng Mác-xít là mối đe dọa lớn cho tương-lai . . . Đa số chống lại chủ-nghĩa này, nhưng những người không nhìn nhận mối đe dọa của nó lại có ảnh-hưởng lớn . . . » ! (8).

Tại Hội-nghị Phật-giáo thế-giới ở Phnom - Penh năm 1961, phái-đoàn Phật giáo Trung cộng tìm đủ mọi cách gây ảnh-hưởng đối với hội nghị. Họ nhất định không cho Trung-Hoa dân quốc nhập hội và yêu-cầu lên án «đế quốc Mỹ». Nhờ thái-độ cứng rắn của U Chan Htoon (Miến-điện) mà Tổng-hội thoát khỏi nanh vuốt Cộng sản. Năm 1957 khi ông Chu-ân-lai tới viếng

(4) H. Welch: Asian Buddhism and China, 1963, Theo Ostprobleme số đã dẫn. (5) như trên.

(6) Xem L. Landany: Der Buddhismus in Burma, trong: Stimmen der Zeit 186 (1960-1961) tr. 339-340.

(7) Buddhismus in Asien, trong: Stimmen der Zeit, 170 (1961-1962) tr 339.

(8) Boudhisme vivant, trong báo J.C.I. ngày 5-11-1966 tr. 18.

một ngôi chùa danh tiếng tại Tích-lan, các nhà sư không chịu ra tiếp, chỉ có một công chức ra đón mà thôi (9).

Có thể nói rằng, mặc dù «Trung cộng tìm cách len-lỏi vào hàng ngũ Phật-giáo» (10), nhưng đại đa số Phật-giáo đồ ở Tích-lan cũng như nhiều nơi khác rất sáng suốt đề phòng.

oOo

Đến đây chúng ta thấy chính sách cộng sản Trung-hoa đối với Phật-giáo rất là mềm dẻo tinh-vi. Đàn áp, đối thoại hay khuyến-khích, đó chỉ là vấn-đề chiến lược tùy theo giai đoạn và hoàn cảnh. Mục đích cuối cùng vẫn là tiêu-diệt hoặc làm cho tôn-giáo phản-bội sứ mệnh và bản chất của mình. Tiêu-diệt kiểu này có khi còn thâm-độc hơn cả những cuộc bắt bớ ra mặt nữa.

Nhưng công bằng mà nói, chúng ta không thể đồng-hóa chính-sách Trung cộng với khuynh-hướng cởi mở của một

số tư-tưởng gia Mác-xít tại một vài nước Âu-Châu hiện nay. Ở đó người ta nghĩ rằng tôn-giáo (cụ-thể trong trường hợp Âu-Châu là Ky-tô-giáo) cũng sẽ biến mất trong xã-hội cộng-sản mai sau, nhưng tự nó biến mất chứ không cần đàn-áp bắt bớ, vì lúc đó con người sẽ cảm thấy nhu-cầu tôn giáo là thừa. Từ đây đến đó người cộng-sản chủ-trương đối thoại với tin đồ Ki-tô-giáo để mưu hạnh phúc cho nhân-loại, vì tôn-giáo chứa đựng một mầm mống cách-mạng xã hội (11). Không biết những nhà cộng sản «chính thống» sẽ nghĩ gì về lý-thuyết mới này, vì nó vừa «độc đoán» vừa mang màu sắc của chủ nghĩa xét lại (révisionisme) ?

NGUYỄN-KHÁNH-HÒA

(9) Theo báo : Herder-Korrespondanz 12 (1957-1958) tr. 268

(10) Báo : Herder. Korr. 9 (1954-1955) tr. 256

(11) chẳng hạn: R. Garaudy: Marxisme du 20^e siècle.

Tăng cường sinh lực

bằng

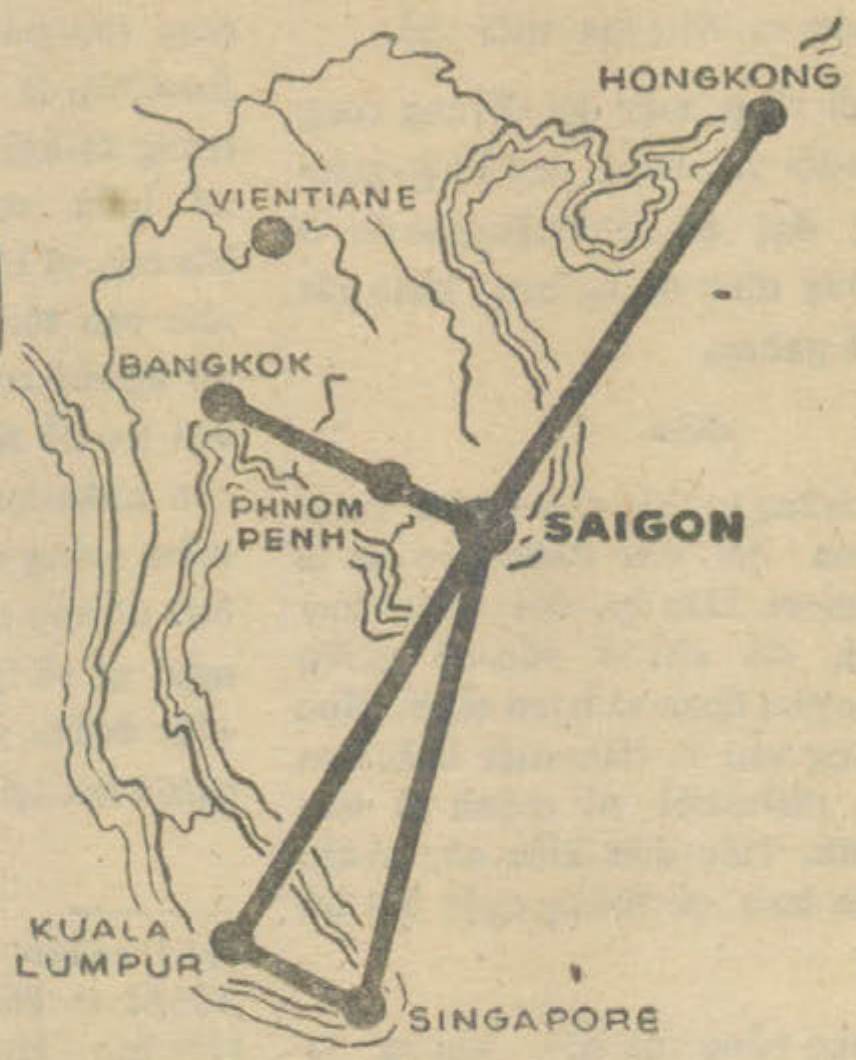
CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483 BYT - D.P.Đ.C.

U
i
e
t
N
a
m
H
à
n
g
K
h
o
n
g

TRONG ĐÔNG-NAM Á



A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGOẠN**



bằng *Caravelle*
PHÂN LỤC CƠ TRẠNG LỄ NHỨT THẾ-GIỚI
CỦA
ĐƯỜNG BAY *Hasen* VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG 800 CÂY SỐNG MỘT GIỜ
- ★ ỀM ÁI, MÁT-MỀ, ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN, ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi tiết và lấy vé nơi các hãng du lịch hay

VIỆT-NAM HANG-KHÔNG
116, NGUYEN-HUE, SAIGON. 21.624-625-626

CARL G. JUNG

VŨ-DÌNH-LƯU dịch

Quá-khứ và tương-lai trong tiềm-thức

Ta hãy xét cận-kê hơn ý thức và tiềm thức của ta liên lạc với nhau thế nào. Thử lấy một thí dụ rất quen thuộc. Bất thành linh ta quên mất điều ta sắp sửa nói, tuy rằng ý nghĩ của ta mới trước đây rất sáng sủa. Trường hợp này nữa : ta sửa soạn giới thiệu một người bạn, lúc sắp sửa nói đến tên thì bỗng quên bẵng mất. Thực ra ý nghĩ của ta đã trở vào tiềm thức hay ít ra nhất thời xa cách với ý thức của ta. Hiện tượng ấy cũng xảy ra cho các giác quan. Nếu chúng ta nghe một tiếng kêu liên hồi ở giới hạn âm thanh có thể nghe được, hình như tiếng kêu dừng lại rồi lại tiếp tục từng lúc đều đều. Những sự thăng trầm ấy là do sự chú ý của ta lúc tăng lúc giảm chứ không phải tiếng kêu đòi bực cao thấp.

Khi cái gì ở ngoài tầm ý thức của ta, cái đó vẫn hiện hữu chứ không phải biến mất, cũng như chiếc xe chạy khuất cuối phố không tan thành hư không, chỉ có chúng ta không trông thấy nó nữa mà thôi. Sau này ta có thể thấy lại chiếc xe ấy cũng như ta có thể thấy những ý tưởng mà chúng ta quên mất trong khoảng khắc.

Như vậy, một phần tiềm thức của ta gồm những tư tưởng, cảm xúc, hình ảnh đã tan rã, dù không ở trong ý thức của ta nhưng vẫn ảnh hưởng đến ý thức của ta. Một người dăng trí, « trí óc vẫn đề đầu đầu » đi qua một phòng để kiểm một đồ vật. Ta thấy ông dừng lại, tỏ vẻ băn khoăn. Ông đã quên mất mình định làm gì. Hai tay sờ soạng những đồ vật trên bàn như người trong cơn thuy đơ. Ông ta đã quên mất ý định lúc ban đầu, nhưng vẫn hành động theo sự dẫn dắt của ý định ấy. Rồi ông nghĩ ra điều mình muốn. Ấy là nhờ tiềm thức làm cho ông nghĩ ra.

Nếu nhận xét đến hành động của một người suy nhược thần kinh, ta sẽ thấy họ có những cử chỉ bề ngoài ra vẻ có ý thức và có dụng tâm. Nhưng nếu ta hỏi họ thì ta nhận thấy họ không ý thức được hay họ nghĩ đến chuyện khác. Họ nghe đấy mà không nghe thấy gì, họ trông đấy mà không trông thấy gì, họ biết đấy mà không biết gì. Những thí dụ như thế rất nhiều, cho nên nhà chuyên môn nhận thấy ngay rằng nội dung vô ý thức của tâm thần cũng tạo cho người ta có thái độ nào

đó, không khác gì ý thức; trong những trường hợp ấy ta không thể xác định rõ ràng được người ấy có ý thức về một ý tưởng, một lời nói, một hành động của họ hay không.

Chính vì những thái độ thuộc loại ấy mà nhiều y sĩ không cho rằng những người loạn thần kinh khẳng định điều gì là họ nói dối. Hẳn là những người như thế tuyên bố nhiều điều không thực tình hơn phần đông người khác, nhưng danh từ « nói dối » không đúng với trường hợp này. Ngoài thực tế, thì trạng thái tâm thần của họ làm cho họ có thái độ bất định, ý thức của họ lẫn lộn mất, vì có tiềm thức xen vào, không thể biết trước được. Xúc giác của họ cũng bị xao động như thế.

Đâm mũi kim vào tay, có lúc người loạn thần kinh biết đau, một lát sau họ không thấy gì cả. Nếu làm được cho họ chú ý đến một điểm nào thì toàn thân họ tê liệt hẳn cho đến lúc không cần áp lực làm cho mọi cảm giác tê liệt như thế, bấy giờ họ mới lại có cảm giác. Nhưng trong thời gian ấy người bệnh ghi nhận một cách phi ý thức những điều gì xảy ra cho họ.

Thầy thuốc có thể nhận định rõ ràng sự diễn tiến của trạng thái ấy khi thôi miên một người bệnh. Họ có thể chứng minh dễ dàng rằng người bệnh đã ghi nhận thực sự từng chi tiết một. Trong lúc họ mất hẳn ý thức như thế, mũi kim châm vào người hay điều gì họ ghi được (ngoài ý thức) sau này họ nói lại rất đúng, y như là không có sự tê liệt cảm giác. Tôi còn nhớ một

người đàn bà được người ta chở vào vào nhà thương trong tình trạng hoàn toàn ngớ ngẩn u mê. Ngày hôm sau tỉnh lại bà ta không biết mình ở đâu, ở đâu, mình là ai, tại sao mình lại đến đây, đến ngày nào. Nhưng khi đã thôi miên bà ta, thì bà kể rõ được lâm bệnh như thế nào, đã đến bệnh viện như thế nào, ai đã đưa bà vào. Có thể phối kiểm lại những chi tiết ấy xem có đúng không. Bà cũng có thể nói rõ giờ vào bệnh viện, vì ở lối vào có một cái đồng hồ. Trong lúc bị thôi miên trí nhớ của bà cũng rõ ràng như bà vẫn đầy đủ thần trí.

Khi đề cập đến những vấn đề ấy, thường thường chúng tôi phải bằng cứ vào những điều kinh nghiệm ở bệnh viện. Bởi vậy cho nên nhiều nhà phê bình tưởng rằng tiềm thức với những dấu hiệu biểu lộ rất tế nhị của nó chỉ thuộc về lãnh vực tâm lý bệnh học. Họ cho rằng những biểu lộ của tiềm thức là triệu chứng suy nhược của thần kinh hay tâm bệnh, không liên lạc gì với trạng thái tâm thần bình thường. Nhưng những hiện tượng suy nhược thần kinh bất cứ về phương diện nào cũng không thể là sản phẩm độc nhất của người bệnh. Thực ra đó chỉ là những hiện tượng bình thường mà bệnh hoạn đã phóng đại thêm, nhờ sự phóng đại đó mà dễ quan sát hơn. Nhiều triệu chứng loạn thần kinh có thể nhận thấy ở một người bình thường, nhưng nhẹ nhàng hơn cho nên người ta không để ý. Thí dụ tính hay quên là một điều rất thường, một vài ý tưởng mà ta có ý thức không còn sinh lực nữa vì ý tứ của ta đã quay đi hướng khác. Khi ý tứ của ta chuyển hướng như thế, những điều mà ta không chú ý đến nữa sẽ chìm vào

bóng tối, vì như ban đêm một cái đèn rọi soi sáng một khoảng cảnh vật, còn những chỗ khác ở trong tối. Điều đó không tránh được, vì rằng tâm thần người ta chỉ có thể giữ được một số hình ảnh sáng sủa trong cùng một lúc mà thôi, trong trường hợp ấy sự sáng sủa cũng không đồng đều. Tuy thế, những gì quên đi không phải là không có nữa. Tuy ta không thể nhớ lại nó theo ý muốn, nhưng nó vẫn mặc nhiên có mặt ở dưới lằn mức trí nhớ và có thể trở lại lằn vực ý thức bất cứ lúc nào, nhiều khi hàng năm sau.

Đây là tôi nói những điều mà ta trông thấy hay nghe thấy trong điều kiện ý thức hẳn hoi, nhưng sau quên đi. Nhưng có khi chúng ta trông thấy, nghe thấy, sờ thấy, nếm thấy cái gì mà không để ý đến, hoặc vì ta đang chú ý đến cái khác, hoặc vì sự kích động giác quan yếu ớt quá không thể để lại một cảm giác có ý thức. Tuy nhiên, tiềm thức của ta đã ghi nhận, những cảm giác vô ý thức đó đóng một vai trò quan trọng trong đời sống của chúng ta. Chúng ảnh hưởng đến cách phản ứng của chúng ta trước sự vật và hành động của người khác.

Thí dụ sau đây rất rõ nghĩa : một vị giáo sư đi chơi vùng quê với người học trò của ông, đang mãi nói chuyện về một vấn đề khúc mắc. Bất thần ông nhận thấy dòng tư tưởng của ông bị gián đoạn vì một đợt kỷ niệm từ ngày thơ ấu. Những điều ông vừa nói không ăn nhập gì đến những kỷ niệm ấy. Khi nhìn lại đằng sau, ông chợt nhận ra vừa đi qua một cái trại thì những kỷ niệm ấy hiện ra trong trí. Ông đề nghị với người học trò trở lại chỗ mà ông bắt

đầu thấy xuất hiện những kỷ niệm ấy. Trở lại tới nơi, ông ngửi thấy mùi ngỗng và hiểu rằng mùi ngỗng đó đã gọi lên những đợt kỷ niệm

Lúc thiếu thời ông sống trong một cái trại nuôi ngỗng, mùi đặc biệt của ngỗng để lại một cảm giác bền vững nhưng ông đã quên đi. Khi đi chơi qua trại, ông ngửi lại mùi ấy mà không để ý đến, cảm giác phi ý thức đó đánh thức những kinh nghiệm tuổi thơ đã bị quên. Sự tri giác như thế có tính cách phi ý thức vì ý tứ của ông quay về chỗ khác, sự kích động không đủ mạnh mẽ để đánh vào ý thức của ông và làm ông lưu ý tới. Thế mà nó đã làm hiện hiện những kỷ niệm quên từ lâu.

Sự tri giác phi ý thức có ảnh hưởng làm xuất hiện những hiện tượng tâm thần, ảnh hưởng ấy có thể cắt nghĩa được sự xuất hiện những triệu chứng suy nhược thần kinh hay những kỷ niệm êm nhẹ hơn khi một hình ảnh, một mùi vị, một âm thanh gọi lên những hoàn cảnh quá khứ:

Thí dụ một người thiếu phụ làm việc trong văn phòng bề ngoài có vẻ vui vẻ khoẻ khoắn. Một lát sau cô ta nhúc nhúc đầu dử dôi và tỏ vẻ mệt mỏi. Tuy không để ý, nhưng cô đã nghe còi tàu xa xa, tiếng còi tàu đã vô tình nhắc đến sự buồn rầu của cảnh vĩnh biệt người yêu mà cô vẫn cố quên. Bên cạnh trường hợp bình thường, Freud đã mô tả nhiều trường hợp quên những kỷ niệm buồn bực, những kỷ niệm mà chúng ta đã sẵn sàng để quên. Cũng như Nietzsche đã lưu ý chúng ta, khi lòng tự ái của chúng ta bị xâm phạm thì trí nhớ của chúng ta thường thích nhượng bộ. Bỏ

thể cho nêa trong số những kỷ niệm đã quên đi ta thấy nhiều sự kiện đã ghi nhận nhưng không ý thức được vì chúng nó có vẻ khó chịu và không thích hợp với thể giới tâm tưởng của ta, (chúng ta không thể nhớ lại theo ý muốn được) các nhà tâm lý học gọi hiện tượng ấy là dồn nén. Sau đây là một thí dụ: một cô thư ký ghen với một bà cộng tác với chủ của cô, cô luôn luôn quên mời bà ấy đến dự các phiên nhóm tuy rằng bà có tên trên bảng danh sách mà cô vẫn dùng. Nhưng nếu người ta lưu ý cô đến việc ấy, cô trả lời rằng cô quên, và người ta làm phiền cô. Không bao giờ cô chấp nhận lý do chính xác của sự quên ấy, cả trong bản tâm cô cũng vậy.

Nhiều người thường lầm lẫn đánh giá quá cao vai trò của ý muốn, họ cho rằng họ không hành động nếu không có toan tính và quyết định hẳn hoi. Nhưng ta phải ráng mà phân biệt cầu thận nội dung có chủ ý với nội dung không chủ ý của tâm trí. Nội dung có chủ ý gốc ở cá tính của Bản Ngã. (1) Trái lại nội dung không chủ ý xuất phát từ một nguồn trái nghịch với Bản Ngã chứ không phải tương đồng. Chính bộ mặt trái nghịch đó đã xui cô thư ký quên mời bà bạn của ông chủ.

Có nhiều lý do khiến cho chúng ta quên những sự kiện mình cảm thấy hay nhận thấy. Cũng có nhiều cách để nhớ lại. Trường hợp *CRYPTOMNÉSIE*, hay là «kỷ niệm giấu kín» cho ta một thí dụ ý nghĩa. Một nhà văn trình bày một loạt chứng cứ hay tình tiết một câu chuyện theo cốt truyện định trước, bất thần ông ta rẽ sang một lối khác. Có lẽ vì một ý mới vừa xuất hiện, một hình ảnh khác

hay một tình tiết phụ khác mới nghĩ ra. Nếu ta hỏi họ tại sao họ lại đi lan man sang lối khác thế, họ cũng không nhận thấy họ đã đổi hướng tư tưởng tuy rằng họ viết những điều hoàn toàn mới lạ mà bề ngoài họ không có một ý niệm nào. Nhưng có khi ta có thể chứng minh rằng những điều họ vừa viết rất giống tác phẩm của một nhà văn nào đấy, tác phẩm ấy họ cũng tưởng rằng mình cũng chưa hề đọc qua.

Tôi đã thấy một thí dụ kỳ thú trong tác phẩm «*Ainsi parlait Zarathoustra*» của Nietzsche. Tác giả gần như chép lại từng chữ một truyện ghi trong cuốn sổ đi biển của một chiếc hải thuyền vào năm 1686. Cũng là một sự tình cờ, tôi đã đọc bài tường thuật truyện ấy trong một quyển sách xuất bản năm 1835 (nửa thế kỷ trước khi Nietzsche viết sách của ông). Khi tôi đọc thấy những đoạn ấy trong tác phẩm *Ainsi parlait Zarathoustra* của Nietzsche, tôi phải ngạc nhiên vì lời văn khác hẳn lối viết của Nietzsche. Tôi phải tin rằng Nietzsche đã đọc cuốn sách kia, tuy ông không hề nhắc nhở đến cuốn sách. Tôi viết thư hỏi em gái ông vẫn còn sống, và bà này xác nhận là có cùng đọc với anh cuốn sách ấy khi bà mới 11 tuổi. Theo nội dung sách của Nietzsche thì tôi không thể nào nghĩ rằng ông biết mình đã đạo văn. Tôi cho rằng 50 năm sau câu truyện ấy bắt đầu hiện lên trong ý thức của ông.

Trong những trường hợp ấy, người ta đã hồi tưởng kỷ niệm mà không ý thức được sự hồi tưởng ấy. Trường hợp tương tự cũng có thể xảy ra cho một nhạc sĩ khi họ đã nghe một điệu hát cổ hay một điệu hát bình dân từ lúc còn thơ ấu, đến lúc đã đứng tuổi

1) Moi.

điệu hát xuất hiện thành đề tài của một khúc hòa tấu. Một ý tưởng hay một hình ảnh đã từ tiềm thức chuyển sang ý thức.

Cho đến đây những điều tôi nói về tiềm thức chỉ là nét phác bề ngoài về thực chất và tác động của phần phức tạp trong cái psyché (1) của loài người. Nhưng có lẽ nó đã giúp ta hiểu được vóc dáng của những cảm giác phi ý thức từ đó có thể đột nhiên xuất hiện những biểu tượng của giấc mơ. Kích động phi ý thức có thể là đủ mọi loại nhu cầu, ý hướng, ý định, đủ mọi yếu tố tri giác hay trực giác, đủ mọi tư tưởng hữu lý hay vô lý, mọi kết luận, quy nạp, diễn dịch hay nhập đề; và tất cả mọi sắc thái tâm tình. Bất cứ hiện tượng tâm thần nào cũng có thể trở thành phi ý thức phần nào, tạm thời hay vĩnh viễn.

Phần lớn những tài liệu nói trên đây trở thành phi ý thức chỉ vì chúng không có chỗ đứng trong ý thức. Một vài ý tưởng của ta mất sinh lực và trở thành phi ý thức (nghĩa là không được ý thức của ta lưu ý đến nữa) chỉ vì chúng không còn ích dụng như trước hay vì một lý do nào đó chúng ta muốn xua đuổi.

Theo ý nghĩa đó thì hiện tượng quên là một hiện tượng bình thường và cần thiết để trong ý thức có chỗ cho những cảm giác và ý tưởng mới. Nếu không có sự quên ấy, những kinh nghiệm của ta sẽ ở dưới ngưỡng cửa ý thức và đầu óc ta sẽ bị tràn đầy đến nỗi không chứa được hết. Tình trạng này được khá nhiều người biết thậm chí người nào biết qua tâm lý học cũng phải công nhận.

Trong khi những yếu tố của ý thức có thể biến vào tiềm thức, thì những

yếu tố mới có thể xuất hiện ra trong ý thức. Thí dụ người ta có thể có cảm tưởng rằng có cái gì sắp xâm nhập vào ý thức, rằng «có cái gì phảng phất trong không khí rằng «có con lươn trong kẽ đá» Tiềm thức không phải chỉ là cái kho chứa quá khứ của ta mà còn đầy rẫy những trạng thái tâm thần và ý tưởng sắp xảy đến; sự khám phá ấy đã làm cho tôi có thái độ riêng đối với tâm lý học — đó là một sự mới lạ. Có rất nhiều cuộc tranh luận về vấn đề ấy. Nhưng thực ra ngoài những kỷ niệm xa xôi thuộc về ý thức, còn có những ý mới đột nhiên bộc lộ từ tiềm thức, những ý đó trước kia chưa bao giờ ta ý thức được. Những ý đó xuất hiện từ vực sâu tối thẳm của tâm thần như một bông hoa sen, chúng ta là một phần rất quan trọng của các psyché phi ý thức.

Chúng ta còn thấy rất nhiều thí dụ trong đời sống hàng ngày; những vấn đề tiến thoái lưỡng nan có khi giải quyết được một cách bất ngờ nhờ một cách nhìn mới mẻ. Một vài ý kiến hay nhất của nhiều triết gia, nghệ sĩ, bác học gia là kết quả của những cảm hứng bất thần do tiềm thức đem lại. Đặt tay vào kho vật liệu phong phú của tiềm thức và biến đổi một cách hữu hiệu thành triết học, văn chương âm nhạc hay sự khám phá khoa học, người ta thường bảo như thế là thần hứng. Chúng ta tìm thấy những bằng chứng hiển nhiên ngay trong lịch sử khoa học. Thí dụ, nhà toán học Poincaré và nhà hóa học Kekulé đã tự thú rằng nhiều khám phá quan trọng của họ bắt nguồn từ những hình ảnh khái thị đột nhiên xuất phát từ cái tiềm thức. Cái gọi là kinh nghiệm thần bí của Descartes đã khái thị cho ông biết

1(Linh hồn.

thứ bậc các khoa học trong chớp loáng cũng thuộc về một hiện tượng tự. Tiểu thuyết gia Robert Louis Stevenson tìm kiếm trong nhiều năm một truyện diễn tả được ý niệm sâu sắc về bản chất lưỡng diện của cá tính con người, đã được một giấc mộng bất thần báo cho biết cốt truyện *Le Docteur Jekyll et Mr Hyde* (Bác sĩ Jekyll và ông Hyde).

Sau này tôi sẽ mô tả với nhiều chi tiết những vật liệu phi ý thức đó xuất phát từ tiềm thức thế nào, và nghiên cứu xem chúng phát hiện ra những hình thức nào. Bây giờ tôi chỉ xin lưu

ý mọi người rằng khả năng làm xuất hiện những tài liệu mới của tiềm thức giúp ta giải thích những biểu tượng của giấc mơ, bởi vì kinh nghiệm nghề nghiệp của tôi đã nhiều lần cho tôi biết rằng những hình ảnh và ý tưởng của giấc mơ không thể bảo là hoàn toàn thuộc về những hiện tượng trí nhớ. Những hình ảnh và ý tưởng đó biểu thị những tư tưởng mới chưa từng vượt qua ngưỡng cửa ý thức

G. Jung

VŨ-ĐÌNH-LƯU trích dịch

trong tác phẩm 'Essai d'exploration de l'Inconscient'

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TÔ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12

KN SỐ 889 BYT₂ QCDP

LABOHADZER

- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RĂNG .
- ÍT ĐAU RĂNG .
- BỆNH YẾU PHỔI.
- HO _ MỆT MỎI .
- MỖI LẦN PHA 1 ÔNG VÀO NỬA LÍT NƯỚC,
- CẢ GIA-ĐÌNH UỐNG THAY THỂ NƯỚC GIẢI-KHÁT.

VỪA THƠM NGON _ VỪA BỔ?

không cười thề mà hay

Nhà phân tâm học cho rằng trong tuổi ấu thơ có một thời kỳ đứa con gái chột đề ý nó thiếu mất cơ quan sinh dục của con trai: Ở cái chỗ mà đứa con trai đeo một bộ phận ngộ nghĩnh thì nó lại gần như chẳng có gì cả. Tội nghiệp, nó sinh mặc cảm.

Nền văn-chương Á-Đông xưa kia thiếu đi nụ cười có thể buồn lòng vì chỗ thua thiệt đó. Tuy rằng trong cả hai trường hợp sự so sánh đều không đúng: đứng đắn khác với cười cợt, cũng như con gái khác với con trai chứ không phải là một thứ con trai chưa hoàn tất.

Vả lại ở Âu Tây, nơi mà các người trí thức hay cười, không phải lúc nào họ cũng cười. Ở Nga, suốt thế kỷ thứ XIX và đầu thế kỷ thứ XX người ta cười thề nào mà đến nỗi Alexandre Blok coi như ai nấy mắc bệnh. Nhà thơ cho rằng cái cười nhạt-báng quỉ quái đó rốt cuộc thành ra là một hình thức nổi loạn chống báng mọi thứ trên đời, nó là một căn bệnh thấm nhiễm vào cả một thế hệ mà thầy thuốc không biết tên gì. Nhà thơ bèn đặt tên cho nó là bệnh *mia mai*. Đó cũng là tên cuốn sách của ông, ra đời vào năm 1908.

Đúng nửa thế kỷ sau; vào năm 1958 một người Nga ký tên Abraham Tertz phát giác rằng giới trí thức gần đây ở nước ông đã hết cười, họ có thái độ giống tổ tiên mình hồi thế kỷ thứ XVIII mà khác các bậc cha chú hồi thế kỷ XIX. Thế kỷ thứ XVIII và thứ XX giống nhau ở một niềm tin lạc quan; trước tin ở nữ-hoàng Catherine đệ II, sau tin ở Staline. Sống vào những thời kỳ như thế người ta không chút nghi ngờ về vận mệnh dân-tộc, về các giá trị tinh thần. Các tác giả cũng như các nhân vật tiểu thuyết không phân vân thắc mắc, chỉ cố gắng vượt nhau trên những tiêu chuẩn đạo đức mà ai nấy đều chấp nhận. Họ đua nhau, khuyến khích nhau, làm gương cho nhau và giải thích cho nhau. Văn giới đề huề trong không khí đứng đắn, nhất là xây dựng. Không khí văn-học ở ta trước kia cũng gần như vậy. "Trai thì trung-hiếu làm đầu, gái thì tiết hạnh là câu sửa mình", ai nấy có con đường rõ rệt đề noi theo. Trong truyện, trong tuồng, các nhân vật ra sức gánh chịu những hy sinh dồn dập để làm người trung-nghĩa, Và trung thì rồi phải thẳng nịnh, chính thẳng tà, lành thẳng dữ. Ý như là tiến bộ thẳng phản động, mới thẳng cũ, tốt thẳng xấu trong văn-chương hiện thực xã-hội ở Nga-Xô.

Sống với quan-niệm như vậy thì còn gì để chua chát mỉa mai? Cho nên không có cái cười bệnh hoạn. Tuy vậy, theo cái cách Abraham Tertz trình bày sự việc, ông không lấy làm hân hoan về sự lành bệnh ở xứ ông. Trái lại. Kể ra ông Tertz hơi khó tính; sống như vậy có chút ngây ngô, nhưng mà sung sướng. Cả xã-hội có được tin tưởng, con người ở đời có được sự ổn định trong tinh thần, thế là quý hóa rồi, ranh mãnh mà chi, tinh quái mà chi.

Có điều là ở Âu Tây thì người ta chỉ chịu yên lành một thời kỳ nào đó, rồi lại nghi ngờ, soát xét, công kích chế giễu, phá đổ lung tung; còn ở Á Đông ta thì trong mấy nghìn năm chính vẫn thẳng tà ngon lành, không có gì trực trặc đáng ngại, cho nên trông nét mặt người trí thức một mực trang nghiêm đĩnh đạc.

oOo

Nhưng chỉ có cách giải thích ấy thì là đã động chạm đến một chỗ đặt biệt không gọi được là ưu điểm của chúng ta. Và lại, cười hay không cười là tùy theo một quan-niệm sống, mà cũng còn tùy theo bản chất tự nhiên của tâm hồn. Có hạng người dù khi chống đối kích bác bất quá họ có thể phẫn nộ chứ không chế giễu mỉa mai.

Cười là để mà công kích. Nhưng công kích bằng cách nhạo báng tức là nhằm vào thắng lợi hơn là nhằm vào sự phải trái. Muốn cho rõ đâu là phải trái lẽ ra cứ tha hồ biện bác chỉ trích, nêu ra từng khuyết điểm một của đối-phương, chứng-minh rõ ràng, kỳ cho đến bao giờ hết đường chối cãi. Đó là thái độ thẳng thắn. Kẻ hay hài hước không làm như thế; họ làm cho đối thủ bị quị ngã

trước khi thất lý, đối thủ bị hạ không phải vì sai quấy mà vì lỗ bịch.

Nếu thành tâm tìm sự phải trái, đôi bên đối thoại có thể chọn nơi vắng vẻ để bình tĩnh lý luận. Còn thắng lợi là chuyện cốt phô trương. Chế nhạo ai là để cho thiên hạ xung quanh cười, chứ không phải để cho đối thủ tự cười hay để chính mình phát cười. Kẻ chế nhạo kêu gọi đến phản ứng của tập thể, kêu gọi sự liên-minh của quần chúng. Kẻ ấy nghĩ đến sự thắng lợi «về vang» trước mặt đám đông, trong khi người biện luận chân-thành không cần biết tới thái độ của quần chúng mà chỉ nghĩ đến vấn đề đang bàn cãi, hay nhiều lắm là đến kẻ đang bàn cãi với mình, đủ rồi.

Bên Âu Châu có câu : *Rira bien qui rira le dernier*. Chúng ta cũng vậy, chúng ta bảo nhau :

Cười người chớ vội cười lâu,

*Cười người hôm trước hôm sau
người cười.*

Trên «tiểu trường» cũng như trên chiến trường, ai nấy đều muốn đoạt lấy thắng lợi cuối cùng .

oOo

Đọc truyện, ta thường gặp nhiều tác giả có cái cười bao dung, hiền lành. Lỗ tấn cười mà thương Á Q. Alphonse Daudet giễu cợt một cách âu yếm các cụ già, và ngay cả câu chuyện về Tartarin cũng không có ác ý. Tuy vậy, cái thương đó là thương hại, tội nghiệp, là từ trên thương xuống. Không ai ước mong ở vào một tình trạng để được lòng thương ấy.

Mặt khác nụ cười làm dễ dàng sự giao tiếp; đến tìm gặp ai mà được đón chào với nụ cười là điều may mắn. Tuy vậy ta cũng dễ ý thấy chẳng ai cười hay

chọc cười trước những nhân vật tôn quý hay những bậc tuổi tác, nếu chưa được thân mật. Trong cái cười vẫn có gì bất kính. Trước khách lạ, dù có chuyện gì, người lịch sự vẫn giấu nụ cười. Các cô gái nhà lành thủ sẵn cây quạt che nụ cười, để giữ nét na. Cười là mất cả nét na.

Như vậy dù rằng cười là vui, nhưng trong ấy rõ ràng có cái gì xấu xa, không thanh nhã, có thể bảo hẳn là đáng ghét. Cái đó trong số những nhà nghiên cứu về hài tính có vị cho rằng bởi vì con người đến khi trưởng-thành vẫn còn mang trong tiềm thức những lưu tích của tuổi ấu thơ, cái lưu tích ấy bất ngờ lộ ra làm cho mình hóa buồn cười, cho nên cái cười xác nhận ưu thế của kẻ đã chộp được chỗ « yếu » của người khác; có vị cho rằng sống là linh động, là uyển chuyển, kẻ nào lộ ra một phản ứng máy móc sẽ bị cười. Cười, cho dù nó là sự trừng phạt của xã-hội đối với những phần tử không chịu thích ứng với cuộc sống, hay là sự tố giác dấu vết của thời con nít, thì nó vẫn làm cho người ta khó chịu. Bergson đã nghĩ nếu trong tâm hồn những người cao thượng nhất mà tạo hóa không lưu lại một chút tàn ác thì tiếng cười không sao có thể thành công được. Bergson còn có cách nói hay ho, thi vị hơn: kết thúc công cuộc tìm hiểu về tiếng cười, ông ví nó với mớ bọt bèo nổi dòn trên mặt nước, trông trắng xóa vui mắt, nhưng ném thử một chút thì lại có vị đắng chát.

Nếu không nói đến thi vị ta suýt quên mất Baudelaire. Nhà thơ lại lên giọng y như một triết gia. Theo ông, cái cười là của ác quỷ ma vương. Kẻ hiền

nhân (le sage) không cười. «Hiền nhân sẽ run sợ nếu đã trót cười; hiền nhân sợ hãi cái cười, cũng như sợ hãi những trò vui thể tục, sợ hãi điều tà dâm. Người ấy đứng lại bên bờ cười cợt cũng như bên bờ vực cái dở...» Tác phẩm của Baudelaire quả thực không đề gợi ra nụ cười: Ông rất có thể là một hiền nhân, mặc dù bậc hiền nhân này không hề kiêng kỵ thứ tội lỗi gọi là của xác thịt. Trái lại là khác !)

Như vậy cũng phải. «Hiền nhân quân tử ai là chẳng». Nhưng chuyện gì chẳng được, chứ chuyện cười thì phải tránh xa. Trên bậc thang giá trị, cái cười ở một chỗ không thể nào thấp hơn.

Mặt khác, hiền nhân chưa phải là bậc cao nhất. Cao hơn hiền có các vị thánh, dĩ nhiên càng phải xa tiếng cười thêm nữa. Ở Á Đông ta Khổng Tử được tôn là thánh, ngay từ hồi còn thơ ấu đã có dáng nghiêm chỉnh đạo mạo, thích bày trò cúng tế hơn là chuyện nô đùa nghịch ngợm; lớn lên, ngoài các sách do ngài cầm bút trước tác không kể, ngay tới trong những câu trò chuyện của ngài do học trò nhật nhạn ghi chép cũng không có câu nào cốt phô bày một chút dí dỏm.

Lại trên thánh nhân, còn có các đấng cứu thế siêu phàm, quyền phép vạn năng. Trong kinh Tân ước bên đạo Ki-tô, cũng như trong các pho kinh Phật, có nhiều lời tuyệt đẹp, người nghiên cứu về văn-pháp tha hồ tìm trong mọi hình ảnh tu-từ, nhưng mà tìm một câu hài hước thì không thấy.

oOo

Yêu dân yêu nước là hay, nhưng yêu thế nào mà đem đặt một dân tộc trong

đó có mình lên trên mọi dân tộc khác, đem ra so sánh ví von với thánh, với hiền, với Phật, với Chúa, thì quả là khả ố. Ít ra cũng khả ố bằng cái cười. Bởi vậy, nên trả những lời quá khích lại cho Tây phương, vì chính là chỉ có các văn sĩ triết gia Tây-phương mới có những lời công-kích cái cười nặng nề.

Rốt cuộc, ít nhất ta cũng có thể yên trí rằng văn học cổ điển của ta trước đây thiếu hài tính đó không phải là điều thua sút đáng buồn.

Vậy mà từ khi tiếp xúc với Tây-Phương ta đã đắm mê cái duyên dáng lém lỉnh của họ. Một người như Nhất-Linh, về già, suy nghĩ chán rồi bèn tuyên bố : « Tuyệt đích, đối với tôi là viết giản dị mà không nhạt nhẽo, rất bình thường mà vẫn sâu sắc, giọng văn hơi điềm một chút khôi hài rất nhẹ, kín đáo ». Ông tiếc cho Tolstoi đã gần tới chỗ tuyệt đích nhưng lại thiếu đi « chút duyên của một nụ cười quyến rũ » Tại sao lại phải có « một chút khôi hài » ấy ? Đó là sở thích của riêng ông, ông không cắt nghĩa. Nhất-Linh là người chủ-trương tờ tạp-chí trào-phúng đầu tiên ở nước ta, cái thích cười ý nhị của ông là cái thích trọn một đời không chán. Mỗi quyển rũ ấy thật say người dài lâu.

Từ Nhất-Linh về sau, số nhà văn Việt-Nam say mê giọng văn hài hước càng ngày càng đông. Người văn-nghệ Á-Đông ước ao cái « tuyệt đích » ấy trong khi người văn nghệ Âu Tây coi nó đáng run sợ, phải chăng cũng giống như trường hợp cô gái nhỏ ao ước chút bộ phận mà lắm bậc nam nhi xem như là của nợ gây nhiều phiền lụy chỉ mong thiếu vớt đi.

(Riêng về Tolstoi, tâm hồn ông thực

là xa chuyện giễu cợt. Ông như là một giáo chủ tâm tâm niệm niệm suy tìm chân lý. Thái độ ông là một thứ thái độ thành tâm xây dựng. Nhưng vì giáo chủ, những người « xây dựng », tin tưởng, không dùng tới tiếng cười. Tiếng cười là công cụ của những kẻ hoài nghi, phá hoại).

oOo

Trải qua đến vài nghìn năm, người trí thức Đông-phương cố giữ cho được

SÁCH MỚI

— **Bão khô** tập truyện của Y-Uyên do Giao-Điềm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 160 trang, gồm 7 truyện ngắn của Y-Uyên, tranh bìa của Thái Tuấn. Bản đặc biệt không đề giá.

— **Bóng tối thời con gái** truyện dài của Nhã Ca do tập san Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 126 trang. Giá nhất định 30đ.

— **Nhật ký Anne Frank**, bản dịch Journal de Anne Frank của Bửu Ý do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày 390 trang, giá 110đ.

— **Ca khúc Trịnh-Công-Sơn** gồm 12 ca-khúc của nhạc sĩ Trịnh-Công Sơn (nhạc và lời ca) dưới tiêu-đề : Thần thoại, Quê-Hương và Thân-phân. Tựa của Tô Thùy Yên, mẫu bìa của Đinh Cường, phụ bản của Đinh Cường và Trịnh Cung. Do An-Tiêm xuất bản và gửi tặng. Giá 80đ.

— **Hoài bão** (sổ mùa Xuân) nguyệt san do Hội cựu Sinh viên Quốc gia Hành-chánh chủ trương, gồm nhiều sáng tác đặc sắc. Tranh bìa của Nghiêu Đề. Dày trên 90 trang giá 15đ.

chững chạc. Trong vòng một trăm năm nay, họ dần dần hóa thành những kẻ hóm hỉnh, lắm khi xô xiên.

Sự chuyển biến trong thái độ tinh thần như vậy tưởng cũng là điều lớn lao chứ phải không sao? Cốt cách con người biến đổi hẳn đi. Vậy mà ít ai đề ý, không ai kêu gọi tự bảo vệ trước một ảnh hưởng như thế của tinh thần Tây-phương,

Gần đây có chuyện bảo vệ văn-hóa dân-tộc. Phong trào hình như chỉ mới nhằm có chuyện chống dâm ô. Vấn đề lần này được đặt ra như thể đặc điểm của văn-hóa dân tộc là không có sự dâm ô, dâm ô là món của Tây-phương.

Sự thực không chắc như thế. Không biết ở nhiều nước khác bên Âu Mỹ ra sao, chứ như bên Pháp không thấy có tác giả cỡ điển nào trong chương-trình nhà trường mà phần chính yếu của tác phẩm lại tục tĩu như Hồ-Xuân-Hương. Chuyện tình của bà De Clèves ít ra cũng trong sạch bằng cốt chuyện của Thuý Kiều

hay của Thôi Oanh Oanh chứ. Nhưng rồi vật đổi sao dời, xã-hội ngày nay không còn nề nếp như xưa nữa, quan hệ trai gái cũng khác đi. Đó là hậu quả của thời thế đổi thay, hình như không hẳn là dân tộc tính. Đã vậy ngăn được cái chiều hướng chuyển biến của xã-hội cần thiết hơn là ngăn cản một lối ăn nói; nhưng xã-hội nó biến thiên về đâu, trời ơi, sức mảy mà ngăn nổi.

Chuyện nói cười, chuyện dâm dục từ nghìn xưa dân tộc nào cũng có. Việc thật giản dị, tưởng ở đâu và thời nào cũng thế, ai ngờ mỗi thời mỗi xứ khác nhau xa. Dần dà trong cách đùa cợt, ái ân, ta học theo lối những ai đâu xa lạ, lối lẳng, khác biệt phong thái của tổ tiên. Văn hóa bị ảnh hưởng bên ngoài quấy rầy xâm nhập từ những phía ít ngờ nhất, biết ra thì đã muộn. Con cháu giữ gìn một truyền thống văn hóa của cha ông còn khó hơn bậc phụ huynh giữ gìn cái «trọng trắng» của con gái đến tuổi mười tám đôi mươi.

1-1967

VÕ PHIẾN

Đã có bán **THƯƠNG HOÀI NGÀN NĂM** của Võ Phiến, in lần thứ ba.

Cuốn sách mỗi năm có mỗi ấn bản mới, vì Ngàn năm không năm nào người ta ngọt thương nhau.

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9^e

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24.37 et 24 38

B.P. N° 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

Téléphones 93 — 2171 (8 lignes)

P.O. Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F., Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abèba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Nhớ và nghĩ về bài quốc ca Việt

★ NGUYỄN - NGU - Í (2)

(Xin xem B.K.T.Đ. số 244)

1942 — 1943 — 1944 — 1945.

Tháng ba, mùng 9, Nhật lật Pháp.

Tinh thần ái quốc được nung cao hơn bao giờ hết.

Lúc bấy giờ, Lưu-Hữu-Phước, Mai-Văn-Bộ, Nguyễn-Thành-Nguyên đã về Nam từ năm trước cũng như hầu hết sinh viên miền Nam, miền Trung, khi «Hà thành nay suốt năm còi rú, báo động hoài trưa sớm, hoài ngày xuân...» (3) Một sinh viên trong số ít sinh viên người Nam ở lại Hà nội, cũng là bạn của Lưu, thừa vận hội mới này, tung ra «Tiếng gọi thanh niên» (còn có tên : *Thanh niên hành khúc*), chắc nghĩ rằng nay là lúc cần phải kêu gọi thanh niên, với những lời quyết liệt hơn ; mà còn phương tiện nào nhanh và có hiệu quả bằng nhờ điệu hát cũ hay, có tiếng, được nhiều người trong nước biết—nhất là giới có đầy nhiệt huyết là giới học sinh, thanh niên ; lại thêm điều lợi này, là người ta sẽ cho đó là lời ca mới do tác giả, hoặc do đoàn thể của tác giả : Tổng hội Sinh viên, đưa ra, mà tác giả, được mọi người quý, còn Tổng hội Sinh viên được mọi người mến. Quả nhiên, bài hát *Tiếng gọi Thanh niên* hay *Thanh niên hành khúc* theo điệu *Tiếng gọi Sinh viên* hay *Sinh viên hành khúc* được phổ biến rất mau, nhất là khi nó được Phan-Anh, trong chánh phủ Trần-Trọng-Kim, dùng nó làm bài hát chánh thức cho phong trào Thanh niên tiền tuyến. Lời nó như sau :

CA KHÚC

Này Thanh niên ơi ! Quốc gia đến ngày giải phóng !
Đồng lòng cùng đi, hi sinh, tiếc gì thân sống,
Vì tương lai quốc dân, cùng xông pha khói tên,

(3) Trong bài hát « Mau về Nam » của Lưu-Hữu-Phước.

Làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền,
 Dù cho thây phơi trên gươm dáo,
 Thù nước, lấy máu đào đem báo.
 Nòi giống lúc biển phải cần giải nguy,
 Người thanh niên luôn vững bền tâm trí,
 Hùng tráng, quyết chiến đấu, làm cho khắp nơi
 Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời.

ĐIỆP KHÚC

Thanh niên ơi ! mau hiến thân dưới cờ !
 Thanh niên ơi ! mau làm cho cõi bờ
 Thoát cơn tàn phá, về vang nòi giống,
 Xứng danh nghìn năm dòng giống Lạc-Hồng.

oOo

Các tác giả « Quốc dân hành khúc » (người soạn nhạc và người đặt lời) biết được thì sự đã rồi. Buồn và bực, nhưng đối phó cách nào giờ ? Cũng là anh em với nhau ; đường đi tuy có khác, nhưng đích là một : nước nhà độc lập, nòi giống vinh quang. Đánh chữ làm thình, chờ cơ hội vậy. Cơ hội ấy đến mấy tháng sau, khi mấy bạn thân đã « Mau về Nam » đoàn tụ ở Sài-gòn chung sức với vài bạn khác mở nhà xuất bản Hoàng - Mai - Lưu, với biểu trưng : hoa Mai Vàng Trôi trên dòng Nước, ở 40 đại lộ Bô-na (Lê-Lợi bây giờ), khởi đầu việc xuất bản nhạc phụng sự dân tộc.

Khoảng tháng 8, Quốc dân hành khúc mới ra đời, in tại nhà Xưa - Nay, bìa do Diệp-Minh-Châu trình bày : đại dương nổi sóng, lời của Hoàng-Mai-Lưu (họ ba bạn thân cùng chung chí hướng) ; các bạn không lạ gì Mai, Lưu, còn Hoàng là Huỳnh-văn-Tiêng, một lãnh tụ Thanh niên tiền phong). Mời các bạn nghe

QUỐC DÂN HÀNH KHÚC

Âm nhạc : Lưu-Hữu-Phước

Lời ca : Hoàng-Mai-Lưu

I. — CA KHÚC TRANH ĐẤU

Nào dân Việt-Nam ! Tiến lên đến ngày giải phóng !
 Đồng lòng cùng ! đi ! đi ! đi ! sá gì thân sống !
 Nhìn non sông nát tan, thì nung tâm chí cao ;
 Nhìn muôn dân khóc than, hờn sôi trong máu đào.
 Liều thân xông pha ta tranh đấu,
 Cờ nghĩa phất phới vàng pha máu,
 Cùng tiến quét nát những loài dã man,
 Hầu đem Quê hương thoát vòng u ám.

Thề quyết lấy máu nóng mà rửa oán chung,
 Muôn thuở vì núi sông lưu tiếng anh hùng.

ĐIỆP KHÚC

Anh em ơi ! (Nào dân Việt-Nam !) Mau tiến theo bóng cờ !
 Anh em ơi ! (Nào dân Việt-Nam !) Quạt cuồng nay đến giờ !
 Tiến lên ! Đồng tiến ! Sá chi đời sống !
 Chớ quên rằng ta là giống Lạc-Hồng !

II. — CA KHÚC KHẢI HOÀN

Nào dân Việt-Nam ! nước ta thoát vòng u ám,
 Hùng cường từ đây, chung nhau sống ngày tươi sáng.
 Cờ Nam tung gió mây, lừng bay trên núi sông ;
 Lòng muôn dân đắm say, hò reo trong nắng hồng.
 Đầu non vinh quang vương hơi máu,
 Luồng gió đắc thẳng rền gươm dáo.
 Nghìn bóng chiến sĩ thác vì núi sông,
 Truyền ta thiên thu giữ lòng anh dũng.
 Đồng hát khúc chiến thắng mừng cho nước non,
 Thân ái dù dất nhau nung đúc tâm hồn.

(Qua Điệp khúc)

III. — CA KHÚC KIẾN THIẾT

Nào dân Việt-Nam ! Hãy mau tiến cùng Thế giới !
 Kìa nhìn trời xa kêu nhau đón trào lưu mới.
 Làm sao cho quốc dân hòa vui trong sáng tươi,
 Làm sao khi sống chung, người không uy hiếp người.
 Đời dân nâng cao thêm sung sướng,
 Nền móng Đất Nước càng yên vững.
 Đồng tiến phá nát những thành kiến xưa,
 Và xây Tương lai chói lòà muôn thuở.
 Đoàn kết, rán kiến thiết nền công lí chung !
 Mong thấy toàn chúng dân vui sướng tưng bừng.

(Qua Điệp khúc)

« CHÚ Ý. — Từ trước tới nay, chúng tôi chưa bao giờ xuất bản bài TIẾNG GỌI SINH VIÊN, vì chúng tôi mong in được bài ấy với lời ca đặt cùng một lúc với nhạc.

« — Chỉ có những lời ca này là nhứt định. Tất cả các lời ca khác đều đặt sau và chỉ là tạm thời. Có bài chỉ là «Ca khúc tranh đấu» của bài này mà đã bị người khác sửa đổi.

« Nhà xuất bản
« HOÀNG-MAI-LUU »

Sau đó ít lâu là toàn dân khởi nghĩa (3), rồi quân Anh đến, rồi Nam bộ kháng chiến. Bản «Quốc dân hành khúc» chưa được phát hành trong khắp nước. Chắc nhiều bạn nay đọc bài này mới biết nó mới chính là «thứ thiệt», còn «Tiếng gọi Thanh niên» hay «Thanh niên hành khúc» là «thứ... không phải chánh hiệu con Nai!»

Và hẳn vì chẳng rõ ngọn ngành, hoặc không được có trong tay bản nhạc *Quốc dân hành khúc* đề chú ý, mà thủ tướng Nguyễn-Văn-Xuân của nước Việt-Nam cộng hoà ra sắc lệnh số 3, ngày 2-6-1948, điều 3 :

«Biểu hiệu quốc gia là một lá cờ...»

«Quốc thiều là bản «Thanh niên hành khúc».

Cử nhạc, thì muôn người đều im. Cất lời (mà nghĩ cũng kì : "Quốc ca là lời của «Thanh niên hành khúc», mà hai tiếng *thanh niên* lại đôi khi thì *công dân*, khi lại *dân Nam*) thì là diêm nước ta chưa thề thống nhất ?

Chớ quên rằng ta là giống Lạc-Hồng !

oOo

Mười năm về trước, khi Quốc hội lập hiến nêu lên vấn đề thay đổi quốc kì và quốc ca, nhiều báo đã góp ý. Tôi đề dành lại bài ông Trần-Trọng-San đăng ở tuần báo *Văn nghệ tiền-phong*, số 12, ngày 23-8-1956, đề nay xin trích đoạn cốt yếu :

«Về việc hủy bỏ lá cờ nền vàng ba gạch đỏ hiện nay, theo ý chúng tôi, không có điều gì đáng thảo luận. Vì lá cờ này đã được chế ra bởi một chế độ chính trị lỗi thời thối nát, không hợp với nguyện vọng của nhân dân.

«Nhưng về việc thay thế bài «*Tiếng gọi Thanh niên*» bằng một bài quốc ca mới, chúng tôi có một vài ý kiến muốn trình bày. Trước hết, chúng tôi xin đặt hai câu hỏi :

«Có nên bỏ bài quốc ca hiện nay, tức là bài *Tiếng gọi Thanh niên* của Lưu-Hữu-Phước không ?

(3) Xin sao lại đây những dòng ca - tưởng này của Nguyễn-Hoàng-Tur, một thanh niên tài hoa đã đứng lên đáp lời sông núi và đã hiến thân cho Tổ quốc, những dòng này viết ngày 26-8-1945, sau khi anh dự cuộc biểu tình và mít tinh vĩ đại mừng Độc lập ở Sài Gòn và đăng ở tuần báo *Tiến*, cơ quan của Thanh niên tiền phong, số 3-4 ra ngày 1-9-1945. «Giữa lúc mấy vạn người tụ họp và đang mong chờ một cái gì giữa cờ xí trang nghiêm phất trên trời cao như tiêu biểu cái ý chí muốn vượt gió đê tiền thù, của dân ta, điệu nhạc «*Quốc dân hành khúc*» (trước là *Tiếng gọi Sinh viên*) được tấu lên với tất cả cái tính cách hùng dũng, cái phấn khởi của nó. Bài ấy, tôi đã nghe bao lần. Nhưng hôm nay sao mà nó làm tôi cảm thế ? Trường hợp nghiêm trang chẳng ? Nhạc khí hoàn hảo chẳng ! Tôi không biết rõ. Tôi chỉ thấy một luồng cảm xúc chạy rần rợn trong người. Ất hẳn một người dân nước hác phải cảm xúc như tôi khi họ được nghe quốc thiều của họ).

«Chúng tôi cho rằng không nên, vì mấy lí do sau đây :

1. — Nhạc điệu của bài này có đủ tính chất của một bài quốc ca.
2. — Bài này đã từng có công thức tinh tinh thần ái quốc của thanh niên Việt-Nam, đã đánh dấu một giai đoạn tiến bộ của lịch sử dân tộc.
3. — Bài này đã được làm ra trong lúc tác giả có xúc động mạnh mẽ vì quốc gia, dân tộc. Ngày nay, tuy Lưu-Hữu-Phước ở bên kia bờ Bến-hải, song không phải vì thế mà ta bỏ bài này. Chúng ta giữ bài này vì nó là sản phẩm của cao trào giải phóng của toàn dân Việt, vì nó là tác phẩm của Lưu-Hữu-Phước năm ấy, một chiến sĩ quốc gia hăng hái, nhiệt thành (...)

« Một bài quốc ca không phải chỉ cần có sự tuyệt xảo về nghệ thuật là đủ, mà lại cần phải có một thành tích lịch sử ! Vì vậy nên theo ý chúng tôi, cũng là ý kiến của một số độc giả « Văn nghệ tiền phong », *Tiếng gọi Thanh niên* rất nên được giữ lại làm quốc ca.»

Theo anh Đoàn-Thêm, (4) thì lúc ấy, Quốc hội chia làm hai phe, phe đòi đòi cả quốc kì lẫn quốc thiều, phe quyết giữ lại quốc ca, quốc kì. Những lí lẽ đưa ra thật là vì nước vì dân, nhưng Đoàn-quân có cho một chú thích bất ngờ này :

« Hai bên cãi nhau rất hăng. Song ngoài những luận điệu vừa kể, hình như còn ần ý mà hai bên không muốn phơi bày : mãi về sau, ần ý đó mới được lộ ra cho một vài người : nhóm chủ trương thay đổi, thực ra tranh đấu cho cờ « Bụi Trúc » và bài « Suy tôn » ; nhóm đòi giữ cờ về bài ca cũ, vì biết thóp mục đích kia, mới cố gắng, chớ chẳng binh vực gì Lưu-Hữu-Phước, và cũng ao ước một lá cờ nào đẹp hơn.»

Nhưng nay, bàn đến việc nên giữ hay nên đổi quốc thiều, quốc kì, hẳn các dân biểu không vì người nào trong dòng họ nào. Tôi xin miễn bàn đến quốc kì, mà chỉ góp ý về quốc ca. Trong một lá thư, cách đây mười năm, một bạn cùng lứa chuyên về nhạc cổ truyền mà cũng hiểu nhiều về nhạc Mi-Âu, có nhận xét như sau :

« Về ý kiến quốc ca thì bạn không nên nhọc công mà binh vực một bài này hay chỉ trích một bài khác, cái đó tùy nhiều nhất nơi chánh phủ và chánh thể của một giai đoạn. Nếu là một nghị sĩ hay một nhóm nghị sĩ trong quốc hội, chưa chắc giải quyết được vấn đề đó. Bài đó theo tôi thì có một lịch sử và về nhạc thuật cũng đáng làm một bài quốc ca. Nhưng nó đã vì Bắc, Nam chia rẽ mà người cha đẻ nó ra đã lên tiếng phản đối việc dùng nó làm quốc ca miền Nam. Chuyện ấy ra ngoài phạm vi nghệ thuật và đứng hẳn trong lĩnh vực chánh-trị.»

Người nghệ sĩ có thể trách nó thiếu tánh cách dân tộc, tiếc nó có một câu tương tự một câu ở quốc thiều Pháp về tiết tấu. Người chính khách sẽ đặt nặng vấn đề tác giả nó hiện ở bên kia vì tuyến, đã theo chủ nghĩa Mác-Lê rồi cũng nên, và đã từng lên tiếng phản đối việc nó bị Chánh phủ Cộng hòa Việt-Nam « sung công » làm bản quốc thiều.

Nhưng tôi chỉ đứng ở địa vị một người công dân thường, một người mà khi nó ra đời, vừa độ thanh xuân, đã thấy giá trị lịch sử lớn lao và đặc biệt của nó mà có một thái độ phải chăng :

(4) Trong bài « Bàn về Hiến pháp tương lai : Quốc thiều, Quốc kì, Quốc huy » nhắc ở đoạn đầu.

Hai mươi năm xưa, ở thủ đô nước Việt-Nam dân chủ cộng hòa, tại nhà Hát lớn, tôi đã âm thầm nuốt nỗi bất bình vì chứng kiến một bất công lịch sử : Không một đại biểu Quốc hội lập hiến nào trong số hai trăm mười người có mặt nhắc đến bản Quốc dân hành khúc — Tiếng gọi Sinh viên — Thanh niên” khi xét đến khoản quốc ca.

Và giờ đây, ở thủ đô nước Cộng hòa Việt-Nam, khi một trăm mười bảy đại biểu Quốc hội Lập hiến đang bàn xét những điều khoản bản Hiến pháp tương lai, tôi lại công khai mong rồi đây lúc Bắc Nam hợp lại một nhà, sẽ có một cái gì cao cả, thiêng thiêng thấm qua bao lớp vỏ tạm thời dày, mỏng, cứng, mềm khác nhau để làm rung động cái tâm, cái hồn, duy nhất và vĩnh viễn, của những lớp người từ ải Nam-quan đến mũi Cà-mau đã « đứng lên đáp lời sông núi » và dẫu ra sao, vẫn chưa quên mình là giống Lạc-Hồng, và dù thế nào, cũng còn « thương nhau nhớ nhau... » (5)

Điều mong này, bạn có thể cho là ngây thơ hay không tưởng ; nhưng nếu không nói nó lên, thì lại e mình lại phụ mình.

(5) Nguyễn-Mĩ-Ca : « Xin giữ lời nguyện ».

NGUYỄN-NGU-Í

QUY VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ
MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THUYẾT

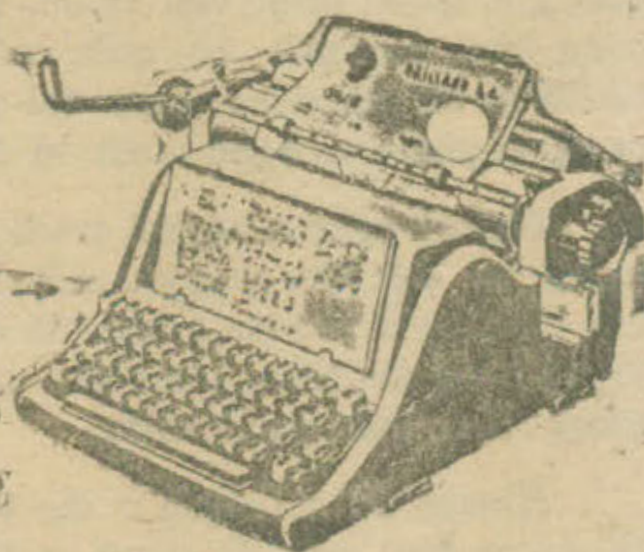
HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



TẠI NHÀ IN I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTREME-ORIENT

1, Đường Nguyễn-Steu — Téléphone 20.831 — SAIGON

KHOA - HỌC và LƯƠNG - TÂM

VÕ - QUANG - YẾN

• Một nhà bác học không có quyền góp phần vào cuộc tiêu diệt nhân chủng dù để giúp ích cho tổ quốc mình •

OPPENHEIMER



Oppenheimer

Julius Robert Oppenheimer, một trong những nhà bác học có tiếng nhất hoàn cầu hiện nay, một trong những nhà vật lý học đã có công chế tạo ra trái bom nguyên tử đầu tiên, vừa mới mất ở Princeton vì bị ung thư ở họng, nhằm vào năm 63 tuổi. Là một nhà khoa học đại tài, ông còn là một lương tâm vĩ đại. Nổi tiếng không những nhờ các

phát minh khoa học, vấn đề lương tâm mà ông không ngớt đưa ra cùng những chuyện rắc rối với phong trào chính trị maccarthy đã là đề tài của bao cuốn sách và vở kịch. Công trạng của ông trong ngành vật-lý-học cũng như trong công cuộc chế tạo hai quả bom lịch sử, đã làm cho Nhật-bản quy gối đầu hàng, ít được nhắc nhở đến hơn là câu chuyện ông bị ngược đãi. Như vậy là vì khi phát minh, sáng chế, ông làm việc chung thành nhóm, nhưng trong bước gian truân, cay đắng, ông đã chịu một thân, một mình. Lần đầu tiên đã quy tụ ở một bản-mệnh con người một tầm kích của thời đại tối tân : mâu thuẫn giữa khoa học và lương tâm. Những năm cuối cùng sau này, ông đã thành ra một triết gia hơn là nhà khảo cứu khoa học trước kia, đến nỗi hè năm qua ông đã từ chức Giám đốc Nha khảo cứu cao đẳng tại Viện đại học Princeton để « tìm hiểu khoa học đã đem lại gì cho đời sống con người về mặt lịch sử và triết lý ».

Sinh năm 1904 tại New - York. Oppenheimer là con một người Đức di cư qua Mỹ. Từ nhỏ ông đã có khiếu ham học. Ông lần lượt học ở Harvard, Cambridge rồi theo thời trang ông qua châu Âu, du học ở Viện đại - học Göttingen bên Đức là nơi gặp gỡ giữa hai thế chiến của những nhà vật-lý-học giỏi nhất hồi ấy. Năm 23 tuổi, ông trình luận-án tiến-sĩ, bắt đầu được chú ý tới một đảng nhờ đã khám phá ra hiệu-ứng Oppenheimer-Philips (sự phân ly một nhân khinh-khí nặng hay đơtêron ra dương-tử và trung-hoà-tử trong một hạch-trường), một đảng nhờ đã tỏ ra yêu thơ trong một giới trí-thức thường quen và chỉ thích những công-thức khô-khan nhưng chính-xác. Trở về lại Hoa-kỳ, ông dạy luôn ở Viện đại học Berkeley và Viện Kỹ-thuật California là hai trường đứng về bậc nhất bên Mỹ. Chính ở đây mà ông bắt đầu nổi danh. Không những rất giỏi về môn vật-lý lý-thuyết, biết đưa đường dẫn lối cho biết bao nhà vật-lý-học đến giải Nobel, biết tìm kiếm ra những đề-tài quan trọng và hữu ích, ông còn là một nhà giáo có biệt tài mà ảnh-hưởng sâu rộng lên sinh-viên đã làm cho khóa học của ông mau nổi tiếng.

Giáo sư Auger, hiện là Giám-đốc Tổ-chức khảo-cứu không-gian Pháp ESRO, đã từng có dịp gặp gỡ Oppenheimer ngay từ trước thế chiến, bảo rằng khi đã trò chuyện với ông ta một lần thì không sao quên được vì ông có tài lực thiết lập-tức khắc một mối liên quan tâm-linh giữa ông và người ông tiếp chuyện, biết cách giải bày tư-tưởng của mình, dù là một vấn đề thuộc về vật-lý lý thuyết hay trong địa hạt xã hội, luân lý, cũng

như những ý kiến chỉ đạo về phương pháp làm việc. Ông có thiên tả không? Đây là điều sau này những địch thủ của ông đã trách ông. Ông thì bảo có lấy một bà đã ở trong đảng cộng-sản nhưng mỗi tình này chỉ có hậu quả là làm cho ông chú ý nhiều đến cuộc nội chiến bên Tây-ban-nha thôi. Sau này, năm 1940, ông cưới một bà khác. Và cũng từ năm ấy những biến cố thời sự bắt đầu diễn ra đề đưa đến thảm kịch trong lòng nhà khoa học.

Đệ nhị thế chiến bùng nổ ở châu Âu. Trong lúc Hitler lúc gởi quân chiếm đóng mọi nơi, những nhà vật-lý-học Đức cặm cụi tìm kiếm ứng-dụng cuộc bản nứt nguyên tử mà một năm trước Hahn và Strassman đã chứng minh được. Bên phía Hoa kỳ, những nhà khoa học phần cũng không chịu ngồi yên. Riêng về Oppenheimer, ông bỏ công tính toán khối lượng cần thiết của một quả bom nguyên tử và chẳng đợi ai yêu cầu, lại góp công trong công cuộc phân ly những chất đồng vị urani, dùng làm nhiên liệu, ở Radiation Laboratory của Viện đại-học Berkeley. Những thành tích của ông đã làm cho chính phủ Hoa-kỳ và Tổng thống Roosevelt chú ý tới ông. Chính ông đã đưa ra ý kiến tập trung mọi khảo cứu về nguyên-tử vào một trung-tâm. Vì vậy, khi Manhattan Project ra đời, đại tướng Groves, Giám đốc kế hoạch, liền mời Oppenheimer ra thành lập trung tâm Los Alamos, chiêu mộ chuyên viên và chần chi mọi công tác.

Nhận chức từ đầu năm 1943, Oppenheimer đã thành tâm hoạt động làm cho mọi người đều thán phục. Không những ông biết chỉ dẫn, thúc dục những nhà vật-lý-học có tiếng nhất là một việc vô

cùng tế-nhị mà còn cai quản một trung tâm gồm có 9000 nhà khoa-học và chuyên viên, biết tạo ra một tinh thần sáng chế để Los Alamos chóng thành ra một cơ quan quan trọng mà thành tích ngày càng lớn dần. Người ta còn nhớ Oppenheimer hằng mơ ước hòa-giải môn vật lý học và miền Tân Mec-Xit, bây giờ đây được khảo cứu trong ngành của mình tại một nơi mà ông đã từng lai vãng và yêu mến từ hồi còn nhỏ thì còn gì thú vị bằng! Kết quả đầu tiên của trung tâm Los Alamos, như ai cũng đã biết, là quả bom thí nghiệm đã nổ ra ở Alamogordo hôm 16-7-1944, mở đầu cho kỷ nguyên nguyên-tử và hậu quả tức thì là hai quả bom thả xuống Hiroshima và Nagasaki chấm dứt đế quốc Nhật-Bản. Hôm ấy, trong lúc những chuyên viên đang mê mẩn trước cây nấm khổng lồ, khủng khiếp tượng trưng cho một sức mạnh vô biên lần đầu tiên do trí óc con người tạo ra, trong lúc mọi ý-tưởng hướng về mặt kỹ thuật với bao hãnh diện của những người thành công, Oppenheimer thông thả ngâm bằng Phạn-ngữ những câu thơ của Bhagavad-Gitâ nay thành bất hủ :

Nếu những tia sáng của hàng ngàn mặt trời,

*Bồng nhiên trưng chiếu bầu trời,
Như vậy là trời hiển hình ảnh
huy hoàng*

Của Đấng Thượng-đế Tối cao».

Sau đấy, hai quả bom rơi xuống đất Phù-tang làm rung động thế giới, đồng thời chấm dứt trận đại-chiến, lại loan báo cho công chúng biết sức mạnh của nguyên-tử-lực.

Nhưng trong lúc người ngoài cuộc đang nao núng về sức mạnh phi thường kia thì những nhà bác học đã khai thác nó bắt đầu tự hỏi làm sao chế ngự được nó để đi đến một cuộc ứng dụng hòa bình, kiến thiết hơn là phá hoại. Thật vậy, từ ban đầu danh từ nguyên-tử lực chỉ đi đôi với chữ bom và những nhà khoa học như Oppenheimer không sao khỏi bứt rứt với ý tưởng đã phát chế ra một thứ khí giới tàn phá vô cùng mãnh liệt.

Dù sao, từ 1947 đến 1952, Oppenheimer đã không ngần ngại hoạt động ở Washington. Với tư cách Chủ-tịch General Advisory Committee của Hội đồng nguyên-tử-lực, nhờ ông đã thành ra một cơ quan dân sự, và Cố vấn của Chính phủ, ông đã đóng một vai trò quan trọng về bậc nhất trong cuộc khởi-thảo chương-trình Baruch đề-nghị đặt mọi khai thác nguyên-tử-lực dưới quyền kiểm soát của Liên-hiệp-quốc.

Có lẽ trong thời gian này, Oppenheimer đã sung sướng nhất : mặc dầu hết còn thời gian khảo cứu, ông đã được coi như là một nhà vật-lý-học vĩ-đại biết chế ngự một sức mạnh đến nay chưa hề thấy, đồng thời lại là một nhà quản-lý có biệt tài, thêm vào một nhà trí thức giỏi văn thơ, biết rất nhiều thứ tiếng, kể cả tiếng Phạn, ông đã được mời mọc khắp nơi và ai cũng nhờ ông chỉ bảo, khuyên dẫn. Có tài hùng biện lại biết hấp dẫn người nghe, ông thật là một người hoàn toàn.

Nhưng quả bom nguyên tử, của Liên-xô thí nghiệm thành công buộc Hoa - k y phải nghĩ đến một quả bom khác mạnh hơn nếu

còn muốn giữ bước trước như từ cuối trận đại chiến vừa qua. Từ đây, quả bom khinh khí (hay bom H : hytri) bắt đầu được nói đến. Lẽ tất nhiên ở General Advisory Committee người ta cũng không ngớt bàn cãi và Oppenheimer, vì là Chủ tịch ủy ban, đã điều khiển và nắm chủ động những cuộc thảo luận. Kết luận đưa ra là cần phải khảo cứu thêm về mặt lý-thuyết. Đấy phải chăng là một phương sách đề trì hoãn hay chống cản cuộc chế tạo loại « siêu bom » kia ? Trong giới phản gián-điệp, người ta bắt đầu nhìn vào quá khứ của Oppenheimer, tìm kiếm những nhân vật khả nghi có thể có ít nhiều thiện-cảm với phe cộng-sản.

Hậu quả của thái độ Oppenheimer là Tổng Thống Truman không đếm xỉa đến kết-luận của ủy ban và giao phó công cuộc chế tạo bom H cho một nhà vật-lý-học khác cũng khá tiếng tăm, Teller, đặc biệt không hề đồng ý với Oppenheimer. Bắt đầu từ đấy, ngôi sao Oppenheimer mờ dần đề bùng nổ năm 1953 dưới một thể-thức khác.

Đấy là thời kỳ nghị-sĩ Mac Carthy ra tay lưng bắt cộng sản, tìm bới mọi bằng cứ để buộc tội Oppenheimer là tay sai của Liên-xô. Hôm 21-12-1953, Tổng Thống Eisenhower kêu Oppenheimer lại tòa nhà Bạch-ốc, cho chọn hoặc đưa đơn từ chức, hoặc chịu đựng một cuộc điều tra. Oppenheimer chọn con đường thứ hai. Vì vậy từ 12-47 đến 6-5-1954, cuộc tra hỏi đã diễn ra một cách gắt gao. Gần đây, cuối năm 1964, kịch gia Vilar người Pháp đã cho diễn ở rạp Athénée tại Paris

tuồng « Trường hợp Oppenheimer » dựa đúng theo hồ sơ khảo vấn. Tuồng này đã thành công theo tinh thần của Oppenheimer : cấp báo dư-luận tuy ông ta không khi nào chịu lại xem diễn.

Cuộc thăm sát kéo dài mãi mà chẳng một kết luận nào được đưa ra. Một đảng bị Teller trách cứ là không xứng được tin cậy vì đã muốn kềm hãm cuộc chế tạo loại « siêu bom », một đảng lại được nhiều nhà khoa học ủng hộ chống đối một vụ án vô nghĩa, theo Vichney trong báo Le Monde, Oppenheimer đã tỏ ra thật thà nhưng dễ bị cảm hóa, có nhiều tham vọng nhưng lại yếu ớt, Và sau cùng người ta cũng phải chấm dứt cuộc điều tra : Oppenheimer được cho là vô tội nhưng từ nay hết còn dính dấp gì với những bí mật nguyên tử.

Đã là « cha đẻ của bom nguyên tử », và không khi nào tuyên bố rõ ràng không chịu chế tạo quả bom H, Oppenheimer xem cuộc xử kia, tuy chẳng có gì nặng, cũng là một cách đưa ông về hưu trí. Ông trở về lại Viện đại-học Princeton mà bây giờ đây ông có thì giờ hơn để chăm lo. Và ông đã đợi nhiều năm mới gỡ lại được tiếng tăm. Chính Tổng thống Kennedy đã đi bước đầu, mời ông lại toà Bạch-ốc trong một buổi tiếp tân những nhà khoa-học được giải Nobel. Và Tổng thống Johnson tiếp tục, cuối năm 1963, tặng ông giải Fermi là giải lớn nhất do Hội đồng nguyên-tử-lực ban thưởng. Tất cả những nỗi đắng cay trong mấy năm bị chỉ trích, khích bác, đều đổ dồn vào một câu trả lời : « Thưa ông Tổng Thống, tôi nghĩ ông cần phải có nhiều nhân đức và can đảm để trao cho tôi giải này ! »

Giáo sư Kastler vừa được giải Nobel vật-lý-học, đã viết đời sống của Oppenheimer là một bằng chứng khần yếu của con người thời đại chúng ta. Khi người ta nhờ ông tham dự vào cuộc khảo cứu nhằm mục đích chế tạo một loại khí giới có thể đánh quỵ phát xít Đức, không có cơ gì mà ông từ chối được. Có lẽ đối với ông ta, đây là một quyết định thảm thiết nhưng chẳng một ai, một nhà vật lý nào có thể trách ông chút gì. Số phận đã muốn Đức quốc đầu hàng trước khi quả bom thành hình nhưng khi Hoa-kỳ muốn trừng phạt Nhật-bản thì khí giới khốc liệt kia đã nằm trong tay các tướng lãnh và các nhà khoa học chẳng còn chút quyền lực nào. Sau này lưỡng lự trước quả bom H vì đã suy nghĩ nhiều về luân lý và nhân loại, ông đã lôi kéo về mình những nỗi căm hờn và ngược đãi của những cơ quan công-an cũng như nhiều nhà chính trị cực hữu. Oppenheimer tuy cùng cảm thấy một nỗi kinh khủng trước những trách nhiệm công khai và chính trị của nhà khoa học như nhiều người khác, đã biết đặt ra vấn đề và chịu đựng hậu quả.

Có người đã ví vụ án Oppenheimer

như vụ án Galilei. Thật ra chẳng có thể ví với nhau : Oppenheimer là một nhà khoa học luôn luôn muốn phụng sự hòa bình, bị lôi kéo ra khỏi phòng thí nghiệm trước đề điều khiển cuộc chế tạo bom, sau thành một nhà cố vấn mà lời khuyên đã vô cùng oanh liệt, nhưng ông luôn có ý thức. Khi phải làm bom A, tức là loại bom nguyên tử đầu tiên, ông không do dự : «Tôi làm bom - khi nghĩ đến Guernica, Dachau, Coventry, Belsen và Varsovie». Nội chiến Tây-ban-nha đã đổ vào đầu óc ông khái niệm trách nhiệm chính trị. Vì vậy khi phải chọn lựa, ông không ngần ngại can dự. Và nếu thật ông chống cuộc chế tạo bom H, ông đã không tự phản mà vẫn luôn theo luận lý của mình.

VÕ-QUANG-YẾN

Tài liệu : Nicolas Vichney, Pierre Auger, Escoffier-Lambiotte, Le Monde 21-2-1967 ; Alfred Kastler, Nouvelle Observateur 22-2-1967 ; Louis Leprince-Ringuet, Figaro-Littéraire 23-2-1967 ; Robert Oppenheimer : Science and the common understanding, bản dịch tiếng Pháp của Albert Colnat, Gallimard nrf, 1955.

Trích mục lục **NGHỆ THUẬT HIỆN ĐẠI** của Joseph Emile Muller do VŨ ĐÌNH LƯU dịch THỜI MỚI vừa phát hành.

V. — Hình ảnh con người trong nghệ thuật hiện đại. Sự yếu đuối của cá nhân trong thế giới ngày nay. Sự tôn thờ cái phi lý. Khuynh hướng siêu thực. Khuynh hướng biểu hiện. (trang 46)

VI. — Sự cải biến tạo nên những sinh vật thần thoại và những thần tượng. Nghệ thuật hiện đại không phải chỉ biết có khắc khoải. Nó xây dựng nhiều hơn là phá-hoại.

KHU KỸ-NGHỆ BÔNG VẢI PHONG-PHÚ (SICOVINA PHONG-PHÚ)

Sẽ bắt đầu khai-thác ngày 1-5-1967.

Lãnh phiếu trắng, nhuộm đủ màu và hoàn-tất đủ loại hàng vải khổ rộng từ 8 tấc đến 1 thước 4:

● Vải đen Chent'Clear, Perfect Chent'Clear.

★ Phiếu trắng, nhuộm đen satin, crêpe satin bằng chất viscoses hay acétate de cellulose.

● Phiếu trắng nhuộm màu đủ các loại vải (coton), Polyester, Polyester, Coton / Nylon 6, Nylon 6-6, Nylon / Viscoché, Nylon/Coton, Tơ tằm (soi naturelle), Rilsan v.v...

★ Nhuộm và hoàn-tất đặc-biệt các loại hàng dùng may quần áo Âu Mỹ khổ 1 thước 4.

● Bảo-đảm hoàn-tất với các loại hồ đặc-biệt bằng những phương-pháp tối-tân nhất thế-giới hiện nay: không co rút (irrétrécissable), không nhăn (infroissable), đốt không cháy (ignifuge), không thấm nước (imperméable), không thối (imputrescible)...

★ Có máy đặc-biệt không cần để hồ (apprêt), làm cho vải Popeline, Kaki... không bị co rút (irrétrécissable), bảo-đảm khi nhúng nước không mất quá 1%.

Vì sự sản-xuất có giới hạn, các nhà kỹ-nghệ-gia ngành dệt vải may quần áo Âu Mỹ, áo mưa, may nệm, mui xe hơi, lều cắm trại, màn treo; satin crêpe satin, popeline v. v... và các nhà buôn sỉ có thể đến thương-lượng và ký giao kèo ngay từ ngày 15-1-1967 mỗi buổi sáng từ 8 đến 12 giờ tại Văn-phòng liên lạc tạm đặt tại nơi Nhà Máy Nhuộm SICOVINA An-Nhon (Gò-Vấp).

LÁ THƯ NƯỚC NGOÀI

• DOÃN - QUỐC-SĨ

Tallahassee, 13-12-1967

Anh Lê-Châu thân,

Rất cảm ơn anh đã gửi cho báo xuân Bách-Khoa kỷ niệm mười năm. Điều quý giá nhất là tờ báo đến với tôi vào đúng ngày ba mươi Tết. Ở nơi xa xôi xứ người này có được tờ báo chữ Việt gửi tới là có được chút ít hơi hương của quê-hương, nhất là vào dịp đón Xuân mới. Lăn mở trang báo gặp từng tên bạn, đọc từng tác-phẩm bạn, cũng như thể được nói chuyện với bạn vậy.

Xuân năm ngoái đi chặt cành mai cùng thi sĩ Đông-Hồ ở một ngôi chùa cổ, mãi tới vùng ngoại ô Chợ Lớn, có cả chị Tuệ-Mai và Lê-Tất-Điều nữa.

Thì mừng một tết năm nay gặp lại nhà thơ Đông-Hồ trên đất Mỹ ở bài «Gửi lòng Nguyễn-Đán». Thẻ lục ngôn của bài này nhắc tôi nhớ lại nhịp thơ lục ngôn thường thấy ở đời Lê. Lời mở đầu trang nhã mà buồn, có vết hằn đất nước :

*Vũ trụ mang mang trời đất
Thời gian dằng dặc đêm ngày
Một thoáng cò kim trước mắt
Nghìn thu dâu bể trao tay*

Trước khi đi Hoa-Kỳ tôi muốn gặp Nguyễn-Ngu-Í quá mà không gặp, nay gặp anh ở «Mười năm. Nhè nhẹ bước hoa...» Nguyễn-Ngu-Í mua cái xe nào mất cái xe ấy thì cũng đành phải «nhè nhẹ bước hoa» vậy chứ sao.

Đọc anh Võ Phiến ở Bách-Khoa cũng như ở Văn (thời sự văn nghệ, hồi ký mười năm, sáng tác...) tôi cứ phải ôm bụng cười bò trên giường. Đau nước đau khổ như vậy, đau thì cứ đau nhưng cười thì cứ cười, tôi thấy khoái ở chỗ đó.

Không biết anh Lê-văn-Hào đã cho in tiếp mấy quyển sau cuốn Hành-trình vào Dân tộc học chưa, riêng mùa Xuân này được gặp anh ở bài «Tìm về tranh dân - gian Việt - Nam». Nhân đọc anh Lê - văn - Hào lại nhớ khoảng thời gian ở Washington ba tháng vừa qua, tôi có dự lớp thuyết trình về văn-hóa Mỹ. Khi nói về nhạc thì họ mở nhạc cho nghe ; khi nói về hội họa họ đưa phăng mình ra viện bảo-tàng ; khi nói về kỳ-thị

chúng - tộc họ cho nghe nguyên một đĩa thu thanh bài diễn thuyết của nhà lãnh tụ da đen *Luther King* vào buổi diễn hành bất bạo động ngày nào ; rồi những phim ảnh . . . Ngày đó tôi có nghĩ đến anh Lê-văn-Hào với môn anh phụ trách cùng các bạn khác (*Vũ-khắc-Khoan, Nghiêm-Thâm...*) ở các giảng đường Văn khoa Saigon, Đà-lạt, Huế. Và tôi nghĩ thêm rằng « *Trung-Tâm Điện-Ảnh* » nước nhà nên sản xuất một số những phim nhỏ như thế để phổ biến trong dân chúng, để phổ biến ra ngoại quốc, để giúp những giáo sư từ tiểu-học lên đến đại học, trong việc giảng dạy. Chẳng hạn riêng về « *Dân tộc học* » chúng ta nên có những phim nhỏ trình diễn lại những điệu nhạc cổ, những điệu vũ, những kiến trúc đền đài. Đến như những truyện cổ-tích quý giá của chúng ta, sao « *Trung Tâm Điện Ảnh* » không sớm dựng lên thành những phim nhỏ tựa như những phim « *non nước Việt-Nam* » ghi lại những danh lam thắng cảnh Việt-Nam. Tôi cứ nghĩ những truyện cổ tích như *Thiếu Phụ Nam Xương, My Châu Trọng Thủy, Trương Chi My Nương...* mà được dựng thành phim nhỏ để kể lại cho mình và kể lại cho người ngoại quốc xem thì tác dụng xây dựng quý giá bằng vạn những thước phim thời sự tuyên truyền rẻ tiền khác.

Ở đây tôi đang thuyết trình về ca-dao và truyện cổ tích. Người Mỹ họ thích truyện cổ tích của mình vô cùng. Một vị giáo sư đề nghị tôi dịch một số truyện cổ tích Việt-Nam để giới thiệu với dân Mỹ, ông sẽ sát cánh giúp tôi. Dù tôi bị bận nhiều công việc học hành khác nhưng chắc là tôi cũng cố gắng đảm-đương thêm việc này nữa. Được đến đâu hay đến đấy ! Nhân có ý định ấy và nhân công việc thuyết trình vừa qua, tôi có nhận xét truyện cổ tích của mình thật « *tuyệt* » ở hai điểm sau này :

— *Điểm thứ nhất* vì cốt truyện hay quá nên kể thế nào nó vẫn hay và tựa hồ như Anh-văn càng tôi càng đem vào cho câu chuyện cái duyên mộc mạc đằm thắm rất Việt-Nam.

— *Điểm thứ nhì* là sau khi đã cung cấp cho một cốt truyện tuyệt diệu, ông cha chúng ta bèn phó mặc cho chúng ta tự do kể lại truyện ấy, chi tiết tùy nghi thêm bớt cho hợp tình hợp cảnh lúc mình kể. Thành thử cái anh kể cũng có cái khoái tưởng như chính mình cũng dự phần sáng tác vậy.

Xa nhà chốc đã ngót nửa năm trời rồi, đến cái xứ giàu quá và sang quá này tôi thật quả « *nghèo mà vẫn không ham* » và khi tôi đọc và dịch cho họ nghe những câu ca-dao hoặc hóm hỉnh hoặc đằm thắm như :

Đố ai quét sạch lá rừng

Đề ta khuyen gió, gió đừng rung cây.

Đường đi thì thật là xa

Mượn mình làm mối cho ta một người

Một người mười tám đôi mươi

Một người vừa đẹp vừa tươi như mình.

Hoặc những truyện cổ tích Sơn-Tinh Thủy-Tinh, My-Châu Trọng-Thủy... thì quả thực tôi vẫn cứ rất nhũn nhặn mà tự nhận rằng tôi giàu sang chẳng kém gì họ.

Hôm thuyết trình truyện cổ tích tôi có mang tới búp bê Việt-Nam, mấy bản nhạc Việt-Nam, một vài bức họa Việt-Nam, một vài cuốn sách Việt-Nam. Tôi phải cắt bài của anh Lê-văn-Hào ở trong Bách Khoa số kỷ niệm mười năm ra để lấy những bức tranh dân gian đó mang lại cho họ xem. Vì sao tôi không đưa cả tờ Bách Khoa cho họ xem, mà lại phải cắt xén? Xin thưa vì tôi không muốn để cho họ trông thấy những dòng bị kiểm duyệt nhem-nhọ của báo nước nhà. Chắc anh sẽ bảo: «Thì họ cũng phải thông cảm rằng nước nhà đang ở tình trạng chiến tranh chống Cộng sản, kiểm duyệt cũng được chứ sao!» Thì cũng được đi, nhưng tôi còn có điểm xấu hổ với chính lương tâm tôi. Những Võ-Phiến, Hồ-hữu-Tường, Võ-Hồng, Thế-Uyên.., là những người sống chết với miền quốc-gia tự-do này (trong số có Thế-Uyên đã từng bị Cộng-sản giải truyền đơn dọa ám sát) thì họ viết cái gì để đến nỗi Cộng-sản có thể lợi dụng được mà kiểm duyệt? Con người không có ai hoàn toàn hết ráo tội! Chính quyền họ phải hiểu như thế để đừng có mặc cảm. Và khi đã hiểu thế rồi thì đừng sợ sự thật, nghe lấy sự thật dù bất hoàn toàn đấy nhưng bất hoàn toàn một cách tối thiểu được chừng nào hay chừng nấy. Sự thật thì bao giờ mới tiến được hở trời!

Chờ trời trả lời thì biết đến bao giờ?! «Trời có nói gì đâu mà bốn mùa đổi thay!». Thôi thì ta trở lại chuyện người mà nói vậy.

Ở «Đại-Học Tiểu bang Florida» là nơi tôi đang theo học đây, năm nào cũng vào tháng hai là họ tổ chức một cuộc triển lãm quốc tế. Các sinh viên của từng quốc gia trưng bày những cái gì tiêu biểu của xứ sở mình (tựa như một thứ hội chợ quốc-tế nhỏ). Năm ngoái chỉ có mình chị Bích-Sơn là người Việt-Nam duy nhất ở đây. Vừa chân ướt chân ráo tới, chị dự ngay cuộc triển lãm đó. Chị kể lại chả vì vừa tới nên chị còn giữ nguyên được hai va li đồ Việt-Nam. Những thứ này dự định sẽ biểu một số bè bạn quen thuộc của gia đình chị. Chị bèn giữ lại trưng bày đã. Chị bận quốc phục trông nom gian hàng đại-diện cho nước Việt nhà. Có đồ gốm Biên hòa, có ngà voi, có sơn mài, có nón bài thơ, có nhiều thứ nữa và đặc biệt chị trưng bày cả một chiếc áo màu của thiếu nữ Việt-Nam kèm theo quần trắng và guốc sơn.

Tôi hỏi chị:

— Sao lại phải trưng bày cả quần?

Thì chị trả lời:

— Ấy phải thế cho đủ bộ, không có họ vốn thích áo dài của mình quá đi, rồi họ lại tưởng mình bận... chỉ có thế!

Năm nay họ vẫn theo lệ cũ mở hội chợ sinh-viên quốc-tế tại ngay Campus đại-học này. Và năm nay có những ba người. Việt ở đây, hai nam một nữ,

Các sinh viên ngoại quốc khác họ đã tới tập sửa soạn viết thư về toà đại-sứ của họ xin gửi những đồ có đặc điểm dân tộc mà trình bày. Có mấy anh chị không những gửi thư xin toà đại-sứ ở Hoa-Thịnh-Đốn mà còn gửi thư xin toà đại-sứ ở Luân-Đôn bên kia bờ-Đại-Tây Dương nữa. Và toà đại sứ ở Luân-Đôn của họ đã lập tức trả lời là sẽ gửi gấp một số đồ tới còn gửi kèm theo một số địa chỉ của những đồng bào họ quanh đây để họ biết mà liên lạc mượn đồ thêm trưng bày cho xôm trò.

Chúng tôi biết phận phải *tự lực cánh sinh* nên có họp nhau lại. Lúc đó tôi mới biết chị Bích Sơn đã là chủ tịch sinh viên Việt-Kiểu tại đại học này. Vì năm ngoái có một mình ở đây nên khi làm nhân viên điều khiển gian hàng Việt-Nam, chị đã phải kiêm luôn chức chủ-tịch! Nhưng năm nay thì bao nhiêu đồ Việt-Nam chị chủ-tịch đã biểu hết mất rồi. Tôi thì chẳng mang theo gì. Anh bạn thứ hai cũng chỉ còn lèo tèo có mấy thứ. Xét ra nếu nhận lời dự cuộc triển lãm thì dù có treo đủ cả áo màu và quần trắng của phụ nữ như năm ngoái cũng không sao lấp đầy được khoảng trống người ta dành cho. Chúng tôi đành từ chối, chỉ đi xem thôi vậy. Nhưng sang năm vào ngày này chắc chắn là chúng tôi còn ở đây, lẽ nào Việt-Nam mình vắng mặt cho được! Đã *tự lực cánh sinh* thì tôi phải chuẩn bị từ bây giờ! Xin anh tùy nghi in cho một khung ở Bách Khoa xin đồ cho tôi sách báo Việt-Nam, cartes postales Việt-Nam, những đồ thủ công Việt-Nam, những thứ rất rẻ tiền thôi, nhưng càng những thứ đó lại càng mang nặng đậm đà bản sắc dân tộc. (Năm nay ở một gian hàng Nam-Mỹ các anh các chị ấy có trưng bày một cái võng đay). Khung báo như của chị Linh-Bảo xưa ấy mà anh. Rồi anh gửi bằng đường thủy cho tôi. Bên ngoài anh nên để chữ *«Fragile»*, vì thư từ và các đồ gửi bưu điện của họ ở đây cứ hàng tấn, một lần anh bạn gửi cho tôi chiếc *pipe* quý, không để chữ đó, *pipe* đến tôi thì đã gãy vụn rồi.

Thân,
DOÃN-QUỐC-SĨ

CÙNG QUÝ VỊ ĐỘC-GIẢ BK. TĐ.

Nhà văn Doãn-quốc-Sĩ, hiện du học tại Huê-Kỳ, trong lá thư trên đây, muốn [xin quý bạn đọc những đồ có đặc điểm dân tộc để trưng bày tại gian-hàng Việt-Nam trong cuộc triển-lãm tại hội-chợ sinh-viên quốc-tế, ở nơi anh học, vào dịp đầu năm 1968. Những đồ anh mong nhận được, như đã ghi ở cuối thư là : « sách báo Việt-Nam, Cartes postales Việt-Nam, những đồ thủ công Việt-Nam, những thứ rẻ tiền mà mang đậm đà bản-sắc dân-tộc ».

Tòa-soạn BK. TĐ. hy vọng đông đảo bạn đọc sẽ đáp ứng lời mong muốn ghi trên của nhà văn Việt ở xứ người, và bạn Doãn-quốc-Sĩ cũng xin gửi trước đến quý bạn lời chân thành cảm tạ. Những đồ quý bạn gửi cho, xin chuyển tới Tòa soạn BK. TĐ. ở 160 Phan đình Phùng — Saigon, hoặc gửi bằng đường thủy thẳng cho :

M. Doãn-Quốc-Sĩ,
1252 Carolina Drive Tallahassee
Florida 32306 U.S A

● MỘNG-TRUNG

(Xin xem BK.T.Đ từ số 215)

Hôn nhân dị chủng

L.T.S. Loạt bài về «Hôn-nhân dị-chủng» của bà Mộng-Trung, khởi đăng trên B.K. T.Đ. từ số 215 tới nay, bị ngắt nhiều lần vì tác giả bắt đầu viết nhằm lúc phát bệnh và đã lỡ viết dở dang rồi nên sau này mặc dầu phải nằm bệnh viện, phải giải phẫu tới hai lần, mà vẫn cố gắng viết cho xong. Nhiều độc giả đã sốt ruột thấy loạt bài quá dài và đôi khi ngưng lại khá lâu, nhưng cũng rất nhiều độc giả, nhất là các bậc phụ huynh có con du học ở nước ngoài, lại tỏ ý nồng nhiệt hoan nghênh thiên điều tra rất sống và xác thực này. Loạt bài bắt đầu từ hơn một năm nay đã sắp đến phần kết thúc. Chúng tôi xin trích một đoạn sau đây, trong lá thư của tác giả gửi về, đề trình bày cùng bạn đọc ít nhiều nỗi lòng và hoàn cảnh của người cầm bút :

« . . . Sau kỳ mổ lần thứ nhì, vết thương vừa lành là đau chùng mới, thuộc về suite opératoire! Bác sĩ nói phải chịu đau một thời gian khá lâu mới lành hẳn được. Như vậy không hơi đau mà đơì mạnh, nên trừ những cơn đau dữ chịu không nổi mới hàng đầu, còn thì cứ viết.

« Ở nhà thương, từ bác sĩ, điều dưỡng sinh viên học thuốc cho đến bệnh nhân, ai cũng chạy tôi cả. Chùng tôi viết thì bệnh và đau đều bị nhốt lại không ai thấy nó nữa. Tính ra bài «hôn nhân dị chủng» được tôi bắt đầu từ lúc phát đau nặng cho đến bây giờ đã hơn năm, nó được viết và chép lại toàn trên các giường bệnh, từ nhà thương này sang nhà thương khác và toàn là viết nằm ! Lúc tôi mổ, ai cũng nghĩ nó không có đoạn tiếp nối mà chính tôi cũng nghĩ vậy.

« Suốt ngày nay tôi cũng nằm vừa sửa vừa chép lại 12 trang này, xong xuôi, tôi có cảm giác, trong thực tại và trong tâm linh, như tôi vừa vượt thoát khỏi một «cơn dị mộng», Suốt thời gian viết bài này, không lúc nào tôi nghĩ rằng tôi sống được, thân xác không ngót đau đớn và tinh thần không được bình tĩnh. Bây giờ bài xong, chắc là tôi sẽ dứt bệnh (!) ...»

Bạn thấy rõ, hầu hết trong mọi trường hợp, mọi hoàn cảnh, giáo dục và tập quán Đông Tây tự nó đã ly dị nhau ở từ cái gốc, thì làm sao những con người đã hấp thụ và chịu ảnh hưởng của nó lại có thể cảm thông và tùy hợp nhau về mọi phương diện để có thể có hạnh phúc và ăn ở với nhau được bền bỉ, một khi mỗi con người đều mang huyết thống của cha mẹ giống nòi họ. Và lại, trong đời sống, họ còn cần phải gần gũi bao nhiêu người thân quyến của họ nữa.

Trường hợp bà Y. khiến cho mình càng khinh ghét cái sang đẹp, lịch sự, hào nháng bề ngoài và ghê tởm cái rỗng, cái nhớp trong tâm hồn của con người đã đành, nhưng nếu gặp được bạn đời dị chủng tốt lẫn khi thăm cảnh cũng vẫn có thể xảy ra.

Xem trường hợp của cô Tr. người Việt, làm thông dịch viên ba thứ tiếng Anh, Pháp, Trung-hoa cho một hãng lớn tại Saigon thì bạn sẽ thấy rõ điều đó.

Cô Tr. hấp thụ Khổng giáo nên khi còn tại gia cô rất có hiếu với mẹ, (vì cô mồ côi cha từ bé) và về đức hạnh, có thể nói cô là một thiếu nữ kiêu mẫu cho bạn bè đồng lứa với cô.

Trong khoảng thời gian chủ hãng gửi cô đi tu nghiệp tại Mỹ, cô và một thanh niên Pháp yêu nhau; Cậu này cũng có một học lực tương đương với cô. Ngót nửa năm trời, cô Tr. đắn đo mãi, cô e mình lấy chồng ngoại quốc thì không còn có thể phụng dưỡng mẹ già được nữa. Nhưng việc gì rồi cũng đi đến một quyết định. Cô tính cách cho tình hiếu được vẹn toàn nên cô âm thầm làm đám cưới rồi vợ chồng dắt nhau về Pháp. Cô lấy cớ vì bệnh mà phải ở lại đây tình dưỡng trong một thời gian cho mẹ cô yên lòng. Sau khi sanh đứa con đầu lòng, cô Tr. gửi con có vú em nuôi rồi cô thoả thuận với chồng về Việt-Nam ở chung với mẹ, phụng dưỡng mẹ như xưa mà không hề cho mẹ biết là mình đã có chồng con.

Chồng cô Tr. tìm cách sang Saigon làm ăn để vợ chồng được đoàn tụ nhưng vẫn không cho mẹ cô hay biết. Đến khi cô Tr. thụ thai đứa con thứ nhì thì cô xin chủ hãng cho cô nghỉ phép sang Pháp dưỡng bệnh trong 6 tháng. Nhờ vậy cô gửi lại Pháp thêm một đứa con nữa mà mẹ cô cũng không rõ được sự tình.

Từ đó, cứ mỗi năm, cô Tr. đi thăm và ở gần con vài tháng. Cô mãi nói dối với mẹ là nhờ chủ thương nên cho cô nghỉ hè mỗi năm ở Pháp cho đến một lúc nọ chồng cô muốn cùng cô trở về Pháp vĩnh viễn mà không muốn có mẹ cô đi theo. Cô Tr. lại phải dối mẹ : Vì cô bệnh nhiều nên bác sĩ bảo phải sang Pháp tĩnh dưỡng ít nhất là một năm.

Bạn cũng đoán biết cô Tr. khổ tâm dường nào khi phải tạm để mẹ ở lại Việt-Nam một mình. Càng khổ tâm nhiều vì cô biết rõ nếu cô có đủ phương tiện đem mẹ cô sang Pháp thì việc mẹ con cô được ở chung với nhau, đối với vợ chồng cô, vẫn không thành vấn đề. Vì vậy, mặc dầu vợ chồng cô rất thương nhau, chồng cô yêu chiều cô vô cùng, cô vẫn thấy tình yêu ấy không thể nào lấp được lòng yêu thương sâu đậm của cô đối với mẹ già và quê hương mình.

Xuất ngoại, ở giữa chồng con với một đời sống đầy đủ mà cô Tr. vẫn có cảm giác mình bị lưu đầy. Cô nhớ tha thiết tất cả những gì quen thuộc với mình từ thuở ấu thơ cho đến lúc trưởng thành trên đất chôn nhau cắt rún. Một dòng sông, một mái lá một bóng dừa, một hình ảnh thân thiết dầu nhỏ nhất, lúc đó, đều có đủ hấp lực gọi cho cô nhớ đến cảnh mẹ cô một thân tựa cửa mỗi mắt trông con.

Trong lúc ấy, mẹ cô bà H. thường xuyên thư từ cho cô. Bà mong mỏi cô mau bình phục, về quê, để bà tính việc trăm năm cho cô, ông giáo sư do bà chọn lựa, bà nghĩ rằng cô cũng sẽ vừa ý. Cô Tr. rất đau đớn khi nghe mẹ ao ước ngày nào cô hồi hương thì mẹ cô sẽ gả con bắt rề và bà có cháu đẻ cưng chiều, bông ẵm, thì bà mãn nguyện và sung sướng vô cùng. Cô đau đớn nhiều hơn khi nghĩ đến bạn bè của cô có chồng vẫn đem được mẹ về ở chung với mình để sớm hôm chăm sóc.

Sau thời hạn một năm, bà H. cho cô biết thân quyến bạn bè mong cô về lấy quyết định việc hôn nhân của cô, chàng rề tương lai cũng gửi thơ tỏ lòng gắn bó. Không có cách nào kéo dài thực trạng gay go, cô Tr. đành thú thật mọi việc để mẹ cô và mọi người đừng trông đợi cô nữa.

Sự thật đau lòng và éo le gay gắt như một tuồng hát đã làm hại mẹ con cô Tr. cạn hết nước mắt. Nhưng rồi tình mẹ bao la đã khiến cho bà H. chẳng những tha thứ cho con mà bà còn âm thầm tìm cách sang Pháp thăm con cháu và luôn tiện cho biết mặt chàng rề.

Bên Pháp này như bạn đã nghe, mấy khi mà có được cái việc chàng rề nuôi mẹ vợ, gả con bắt rề hoặc cha mẹ vợ nuôi chàng rề nghèo nên danh phận rồi gả con gái mình cho nó như người Việt thường làm? Cho nên gần con cháu chỉ được vài tháng, bà H. thấy rõ mình không thể ở vĩnh viễn với con gái được. Bà thu xếp trở về Việt-Nam và hai mẹ con bà lại tiếp tục sống trong cảnh xa cách, nhớ thương.

Từ ngày theo chồng sang Pháp, cô Tr. đã thôi làm việc ở sở để có đủ thì giờ và sức khỏe lo cho gia đình, một chồng và 3 con thơ. Đời sống đắt đỏ và bần phận vợ, mẹ, ràng buộc nên ròng rã bốn năm trời xa cách, cô Tr. không thể rời quê chồng về viếng thăm mẹ được một lần nào. Lòng cô luôn luôn bị nhớ thương nung nấu rồi cô thấy cần thiết mặc y phục Việt, ăn cơm Việt, tìm bạn Việt để nói tiếng Việt thì cô mới có thể nguôi đi bớt những bóng dáng của quê mẹ thì nhau làm khô héo tim hồn cô. Do đó cô rất cảm thông nỗi khổ của mẹ, cô hiểu mẹ và không phiến trách khi đọc những dòng thơ bà H. thường gửi cho cô : « Con ơi, phải trước kia mẹ đừng cho con ăn học thì bây giờ con đâu có chồng ngoại quốc mà phải xa mẹ và mẹ con mình đâu có chịu cảnh cô độc, kẻ Đông người Tây ! Nếu rề mẹ là người Việt thì dầu nó là một anh thợ nghèo, một anh cu li, mẹ con, bà cháu mình cũng được chung sống. Đói no, ấm lạnh có nhau, thương yêu lo lắng được cho nhau trong cảnh ốm đau gặp gỡ, thì có phải mẹ con mình sung sướng hơn là sống cuộc đời nhung lụa mà phải chịu nhớ thương cách bức muôn trùng như vậy không ?... »

Vai năm sau, cô Tr. phải bệnh nặng. Biết mình sẽ chết, cô viết thư xin lỗi mẹ và gửi gắm con thơ. Được hung tin, bà H. bán hết tư trang góp nhóp tiền bạc sang Pháp gặp con lần cuối cùng. Khi cô Tr. qua đời, chôn cất con xong, bà H. không còn của cải chi để hộ thân nơi xứ người. Nhưng thương cháu dại, bà không nỡ bỏ về, đành nhờ thân quyến trông nom nhà cửa ở quê nhà, rồi mượn một phòng nhỏ ở lại Pháp. Bà can đảm tìm việc làm bằng tay chơn để tự túc và mua sắm quà bánh mỗi tuần đến thăm viếng săn sóc bầy cháu.

oOo

Khi gặp tôi, bà H. khóc với tất cả nước mắt đã ứ đọng từ ngày con bà có chồng dị chủng cho đến bây giờ.

— Bà xem, con tôi ngoan biết chừng nào. Lúc nó còn nhỏ, tôi hình dung ngày nó có chồng là ngày tôi lên thiên đàng. Tiền bạc, ngựa xe, đi đây, đi đó? Tôi không màng. Tôi có con, có rề, có cháu đông đủ vui vẻ cửa nhà, ấm cúng tuổi già thì dầu có mấm rau thanh đạm tôi cũng sướng thoả cuộc đời.

Bà ơi, bà thấy không? Hèn chi hầu hết những ai gặp trường hợp như tôi đều nói: Khi con cái lập gia đình với người đồng chủng là mình có thêm con thêm cháu; Rủi chúng nó có vợ chồng dị chủng thì mình mất tất cả. Từ lâu tôi đã mất tất cả rồi, mà đến bây giờ, tôi lại phải mất luôn bà con xứ sở nữa bà.

— Bà mất bà con xứ sở để làm gì khi ở đây bà cũng không nuôi nấng chăm sóc các cháu được?

— Chúng là máu thịt, là hình ảnh của con tôi. Chúng mồ côi mẹ, tôi bỏ về sao đành. Nếu tôi có về, ít nhất tôi cũng đem được theo tôi vài đứa tôi mới yên lòng. Bà biết không, từ 2 năm rồi, tôi không gần cháu tôi để thương yêu lo lắng cho chúng được, chỉ vì tôi đến ở nhà rề hay rước chúng về với tôi đều không xong. Cha chúng trọn quyền về chúng, mà lại không bằng lòng cho chúng sống theo Việt hay về Việt-Nam. Nhưng khổ nỗi, tình thiêng liêng còn vương vấn phần nào. Khi chúng biết tôi là bà ngoại, chúng mến thương quấn quít tôi quá làm cho tôi không lòng dạ nào bỏ chúng về quê được nữa.

— Thưa bà, bà nuôi hy vọng gì và nghĩ gì về cháu bà?

— Tôi hy vọng cháu tôi khi lớn khôn, chúng được trọn quyền, sẽ có đứa theo tôi về Việt-Nam và tôi nghĩ rằng: nếu tôi bỏ về, chúng sẽ khổ sở vô cùng, vì không có tình thương nào chân thành, thâm thiết và bền bỉ đối với chúng cho bằng tình thương của tôi.

— Thưa bà, còn cha chúng?

— Rề tôi? Nó đã có vợ con khác hơn một năm nay rồi. Hiện cháu tôi không còn ở với cha chúng nữa mà lại ở nhà quê với « nourrice » cách Balê 30 cây số!

— Vậy ai trả tiền cho « nourrice » nuôi các cháu?

— Cha chúng. Họ nuôi cho chúng sống thôi. Áo quần vừa đủ, dạy dỗ và tình thương đều thiếu cả, mà họ còn lời nầy tiếng nọ về cái thứ « con lai » nghe thêm tức tui. Con tôi không còn nữa, tôi không nỡ mãi phiền trách nó, thật ra, nếu rề tôi là người Việt, thì thân bà cháu tôi đâu có long đong ở xứ người mà không đặt gần

nhau như vậy. Trong trường hợp cha nó có vợ khác, tôi sẽ thay thế mẹ chúng mà nuôi dưỡng chúng ở quê nhà ấm cúng và êm thuận biết chừng nào.

— Vậy, thưa bà, bà định ở bên này đợi ngày cháu bà lớn khôn ?

— Lòng tôi và tình thương bảo tôi như vậy, nhưng không biết tôi chịu đựng nổi không ? Rủi tôi đau ốm thì khổ thân, chết đi chẳng giúp đỡ gì được cho cháu mà nhà nước Pháp còn phải chôn tôi là khác.

— Thưa bà, vậy bà tính về.

— Tôi ráng ở lại ngày nào hay ngày nấy chờ sớm muộn gì chắc cũng phải về. Ở đây tôi không có cách nào ở gần nuôi cháu, chi bằng tôi chịu nhớ thương rút ruột về xứ lo làm ăn có tiền, để khi cháu tôi khôn lớn may ra tôi còn có thể làm cho chúng về Việt-Nam ở hủ hỉ với tôi chẳng ?

Bà H. oà lên khóc :

— Đứt ruột quá bà ơi ! Tôi hy vọng như vậy mà không biết trời có cho tôi sống đến chừng đó không ?

— Tôi biết nhiều người đàn ông Việt, khi vợ mất rồi, lấy vợ khác cũng không đùm bọc được con của vợ trước như rề bà vậy thôi.

— Dân nước nào cũng có tim óc tình nghĩa như nhau. Con tôi khi còn sống rất hạnh phúc với chồng vì chồng nó là người tốt. Nhưng bà xem từ ngày con tôi theo chồng sang Pháp cho tới ngày nó chết, nó không về thăm tôi được lấy một lần. Sống trong cách bức mà muốn gặp nhau thì phải sặt nghiệp vượt trùng dương vạn dặm mới thăm viếng được nhau. Nội một việc đó cũng đủ cho tôi chống lại hôn nhân dị chủng rồi, huống chi ngày nay cháu tôi mồ côi mẹ, tôi lặn lội sang đây mà tôi không được quyền thay thế mẹ nó một phần nào, chúng lại phải xa tất cả người thân mà ở với người dưng, bà nghĩ có đau không ?

Con tôi hiếu thảo, gặp cảnh gay go ấy cũng là duyên số của nó, trách nó cũng đau lòng tôi, nhưng thật ra, nếu tôi còn một đứa con gái thứ nhì, thì tôi sẽ làm đủ cách để ngăn ngừa cho nó đừng có chồng ngoại quốc.

Tôi chống lại hôn nhân dị chủng vì cũng tại nó mà cuộc đời tôi, con tôi và cháu tôi phải khổ sở, điêu đứng. Sống trong nhớ thương đau đớn mà khi chết cũng không người được lo lắng ân hận trong lòng.

(Còn tiếp)

NHỮNG BÀI HỌC MÙA ĐÔNG

thơ TRẦN HUIỀN AN

Mùa đông ấm giữa cơm cha áo mẹ
Chân tung tăng dẫm nước nịu nhau cười
Đàn con nít xinh tròn như đám sè
Đường quanh quanh tre lắc ngọn xanh tươi

Trường dựng mái trên tầng mây đục xám
Bàn tay cô giáo trẻ trắng như ngà
Cô cúi xuống những mái đầu lên tám
Vớ học trò vui xướng bản đồng ca

Rồi tiếng thước rộn rành khua mặt bảng
Vở trên bàn soi bóng mắt chim non
Lời cô giáo êm ru bài diễn-giảng
Hàng môi thơ dầy dầy nở hoa tròn

Đàn con nít trong trời nhân biển ái
Nhìn bạn bè : yêu quý biết là bao !
Qua cửa sò thương chòm rau luống cải
Lòng lằng lằng nước mắt dợm tuôn trào

Cho đến ngày kia đàn con nít lớn
Chưa kịp đền ơn áo mẹ cơm cha
— Mẹ yếu đuối đã về thiên cổ sớm
Cha lưng còng tóc bạc nẻo quê xa —

Chúng nó gói chữ thầy xin trả lại
Vì trời nhân biển ái đã tan tành
Những bài học mùa đông xưa tuổi dại
Ai giết theo lời cô giáo thanh thanh ?

Giờ mùa đông áo dày không cản lạnh
Bãi tập mưa buồn súng gác tầm vai
Đàn con nít nên đoàn trai dũng mạnh
Bàn chân quen sỏi đá núi sông dài...

Những bài học mùa đông giờ đòi mới
Tình thương yêu hạ xuống nấc thang cùng



Dưới ánh đêm tàn thâm-cung rừng rú
Có kẻ bơ-vơ cúi xuống tự nhìn
Chút thương mến lòng lạnh còn hội-tụ
Dù thân hình lửa khói đã mờ in...

MÙA XUÂN TRÊN CAO XA

thơ MÊ KUNG

★ đề tặng tr/ủy ýên

● Mùa xuân trên đỉnh non cao,
Cho Em một giọt ca dao ngọt-ngào
Cho Em tròn giấc chiêm bao
Có bồ-câu-trăng mừng chào quê hương.

● Mùa xuân phía dưới phố phường
Cho tôi thấp đỏ một phương mặt trời
Cho tôi một giọt môi cười,
Có con ngựa trắng lên đồi làm thơ

● Mùa xuân trên đỉnh cột cờ
Cho hàng-quân đứng đợi giờ giải-binh
Huy-chương rực-rỡ ngực mình
Anh quân-nhân đến thấp-tình non sông.

● Mùa xuân trên đỉnh vú hồng
Cho tôi cúi xuống bể bằng tuổi Em,
Cho em say một giấc mềm
Trái môi chín đỏ trước thềm quê hương...

MÙA XUÂN BAY CAO

thơ HOÀNG-HUYỀN-THOẠI

khi dĩ vãng theo mùa xuân vụng đồ
tôi trở về tìm ánh mắt em xưa
loài chim bay cao suốt đời cánh vỗ
buông giọt sầu kết ngọc giữa hư vô

tôi còn lại vánh ưu tư đã chín
làn môi em cúi xuống rất mơ hồ
đường nhiều ngã tìm nhau mà thêm lạc
úp mặt buồn nửa vòng tay hoang sơ

và còn đó từng trang thần thoại cũ
em vào sương đi tìm định nghĩa đời
vùng tuổi mật xin em tròn giấc ngủ
cho thành sầu che ngợp cả mây trời

đời sống đó với từng cơn nước lũ
lời thơ buồn hồn thao thức đêm sâu
tôi vung đại diu em rời quá khứ
rời tỉnh hồn nghe ngày tháng đổ mau

và từ đó ôi mùa xuân bỏ ngõ
mắt thu chìm lòng biển cũng xôn xao
lời tha thiết cũng mềm như nắng lụa
môi không còn mớm mật đắng cho nhau

Những người ở lại

Những giọt nước to tròn lăn từ hai khoé lạng lẽ. Phương vẫn còn giữ nguyên nụ cười. Khuôn mặt của nàng trở nên tĩnh hoạc. Tóc bay phơ phất, từng giọt nước tròn trên má, thân thể bất động. Dáng vẻ đó diễn tả một sự chịu đựng. Chịu đựng những gì? Dĩ nhiên, những đau khổ của nàng. Nhưng Văn không thể biết nguyên nhân từ đâu. Hùng đã chết. Phương ngồi đây bên cạnh Văn. Trên phương diện nào, có thể kết án được điều đó? Chẳng có cái gì cả. Nhưng tự trong tâm hồn Văn, anh vẫn thấy có một nỗi rã rời, đang uể oải ngùn chấy. Gần phương, Văn vui, nhưng đồng thời, tự dừng sự có mặt của Phương bên cạnh anh bỗng không cần thiết. Một tảng băng nào đó đó đã tan ra. Một tảng băng nào đã tan ra từ trong giây phút, Phương báo tin cho anh, chồng nàng chết, làm lạnh giá nỗi đau khổ nóng bỏng của đêm anh nghe tin Phương lên kiểm anh. Văn tưởng tượng tới giây phút nàng dơ tay chỉ người chồng và giới-thiệu hai người với nhau. Lúc đó tất nhiên nàng phải cười, Hùng cũng vậy, Văn cũng vậy. Tất nhiên. Thực sự mọi người đều phải diễn trọn vai trò như thế. Anh thầm tức giận. Phương không biết rằng, anh phải cố gắng lắm mới vượt qua được những chuyện bất hạnh trong đời. Vô cùng cố

gắng. Mà Phương, tại sao sao nàng vô tình như vậy?

Nhưng Phương đi một mình và Hùng đã chết. Ba người đều không cười như Văn tưởng tượng. Hùng im lặng vĩnh viễn dưới lòng đất. Đôi mắt Phương long lanh đỏ, Văn lặng người hút thuốc.

Bây giờ Phương khóc — lần thứ hai — trước mặt anh. Anh thấy mình bị kéo lại gần Phương hơn. Sự đau khổ là một cảm thông lớn và chỉ có đau khổ mới kéo được loài người gần nhau.

Tiếng nước suối chảy ào ào. Những hàng thông xanh ở bên kia bờ vươn cao. Chiếc áo tang bay phất phới phía vạt trước. Không gian thì lạnh lùng như cuộc đời, nhưng những xót xa của con người luôn luôn nổi dậy. Văn hiểu như thế và chính vì vậy lúc này anh vẫn thấy mình thiết tha với cuộc sống...

Phương đã qua khỏi cơn xúc động. Nàng im lặng một lát, lấy khăn lau khô những giọt nước mắt, sửa lại thế ngồi. Tất cả việc đó, nàng làm một cách chậm chạp và chắc chắn. Tư tưởng của Phương có lẽ cũng vậy. Một lát sau, phương bình thản cất tiếng, giọng nói mỗi mệ:

— Sự thật, em tưởng em có thể tìm

được sự an ủi của tâm hồn khi ở cạnh anh. Nhưng đó là một lầm lẫn. Anh đã thay đổi. Cả em cũng vậy. Ngày xưa trước khi đi lấy chồng, em có nói: điều em sợ nhất là sẽ trở thành kẻ ngoại tình. Ngoại tình thật sự không có tội. Nhưng vẫn có cái gì khó chịu. Nhất là khi Hùng chết. Không phải anh đã nói ra. Tự em, em vẫn cảm thấy điều đó. Thời gian không biết có thoải mái hơn không. Ngày mai em sẽ về Saigon và tự giải quyết tất cả những chuyện riêng của mình. Chuyện riêng vì bây giờ anh cũng không thể giúp em được thêm điều gì. Anh hiểu làm sao em khóc chứ.

oOo

Văn đứng vờ vẫn giữa buổi trưa vàng vọt chờ đợi đưa tiễn Phương về. Buổi sáng những việc bận không cho anh có thì giờ tới thăm nàng. Phương và Hà chắc đã tự dắt nhau đi chợ, mua quà về Saigon.

Văn dở thuốc ra hút. Anh chưa ăn cơm. Vị thuốc lá hít vào cơ thể làm anh nôn nao cả người. Văn cầm ở tay điếu thuốc đã cháy mất non nửa. Anh muốn quăng nó đi, rồi lại muốn giữ lại. Sau mỗi lần hít một hơi dài, cảm giác nôn nao càng khó chịu hơn. Nhưng kẹp điếu thuốc vào hai ngón tay đưa lên đôi môi khô giữa buổi trưa thật là một thói quen thích thú. Văn nghĩ, sau điếu thuốc này, hút thêm điếu thuốc khác, chắc sẽ dễ chịu hơn. Có người đã ví hút thuốc lúc đói có cái cảm giác của một kẻ xa nhà. Xa một lần, sự nôn nao nhớ nhung dần dặt trong tâm hồn, âm ỉ và đốt cháy đời sống bình thường, khiến kẻ đó muốn dứt bỏ tất cả đời hẳn đang sống một mình để trở về. Nhưng xa nhà lâu dần, sự nôn nao nhớ nhung đó tê liệt hẳn. Văn cũng thế chăng?

Văn xa Saigon và ít khi về gia đình. Sao chẳng thấy khác lạ. Nhớ nhung âm ỉ đó vẫn còn ở trong đời anh, chưa dứt.

Cũng như chuyện giữa Phương và anh. Cũng như tình yêu giữa hai người. Làm sao mà dứt được. Đời sống ồn ào như cơn sóng biển kéo vào xoá lấp những dấu vết. Nhưng một khi sóng biển đã rút đi những dấu vết khác vẫn hiện ra, thản nhiên trước mắt. Quả nhiên trong những ngày tháng dạy học ở vùng heo hút, công việc bề bộn, anh ít nhớ đến Phương. Nhưng không phải thế mà Phương đã vĩnh viễn rút ra khỏi cuộc đời Văn từ khi nàng lấy chồng.

Hôm nghe tin Phương lên. Người bạn của Văn nói:

— Có một cô tìm cậu. Cô ta bảo là một người bạn cũ của cậu.

Nói xong hần bỏ đi ngay. Văn còn đứng lại anh nhìn lên tấm bản dán thông cáo, có mắt lưới ở cổng viện. Người kia đã đi khuất anh cũng chẳng hiểu anh vừa đọc được những chữ gì. Anh chỉ nhớ có những chữ «thông cáo» «tổng hội» «đắc cử» gì đó, từng chữ một, lộn xộn trong đầu óc. Buổi tối anh định viết thư cho mấy người bạn. Thư viết mấy lần rồi xé bỏ cả. Giấc ngủ vì chất cà-phê chập chờn, nhưng Phương đã tham dự quá nhiều vào trong sự chập chờn đó...

Hãng máy bay mỗi lúc một đông người hơn. Mọi người vào cân đồ tấp nập. Tuy nhiên có một sự thân mật ngộ nghĩnh, giữa nhân viên của hãng và khách hàng. Sự trở về của các du khách thanh thân, không hồi hải như những chuyến từ Saigon lên đây.

Vấn đưa mắt nhìn đồng hồ. 1 giờ đúng. Một giờ mười lăm hành khách lên xe ra phi trường. Phương đi chuyển đó mà chưa thấy lại. Mấy người nhân viên khuôn vác đã cột những chiếc rương, va-li, và các đồ vật vãnh lên trên mui xe. Vấn bắt đầu sốt ruột. Hai là Phương không định đi chuyển này? Nàng ở lại thêm vài ngày nữa. Vấn cũng không hiểu tại sao, anh lại chỉ có một ý nghĩ như vậy, trong khi còn nhiều ý nghĩ khác. Phương tới trễ giờ, hay nàng gặp một tai-nạn.

Vấn còn đang băn khoăn thì Phương đến. Chiếc xe lambretta dừng ngay trước cửa hàng. Phương và Hà bước xuống. Vấn tươi cười nhìn Phương. Phương cũng vậy. Hà xách va-li vào cabin hành-lý.

Ông nhân viên ở trong nói vọng ra, ra lệnh những người nào còn sót, tới muộ, cabin hành lý ngay để còn ra xe. Phương hồi hã. Nụ cười của hai người cũng vội vã dừng lại vì thời giờ cấp bách của máy bay.

Vấn giúp Hà xách va-li vào trong trong khi Phương lúi búi hoa còn ở trong xe xong.

Ông nhân viên cười, nói nhanh, giọng ông thường nói nhanh như vậy :

— Quý vị là trễ nhất đấy nhé !

Hành lý được đưa ngay ra mui xe theo tốc độ câu nói của ông. Cùng lúc ông tài xế gọi ở ngoài :

— Còn ai đi chuyển 315 chưa ra xe thì lên ngay !

Ba người vội vã trở lại xe. Vấn, Phương, Hà cùng cười. Phương và Hà, vừa yên vị. Hai bên toan lợi dụng lúc nghỉ ngơi

một chút để mở miệng nói đôi lời. Ông tài xế ngồi sẵn trên xe sang số. Xe vọt chạy bỏ Vấn đứng ở lại không kịp phản ứng. Vấn dơ tay vẫy theo, chỉ có Hà ngoái cổ lại, dơ tay vẫy anh một cái rồi thôi ngay. chuyển xe định hướng phi trường, chạy thẳng dưới màu nắng vàng của buổi trưa sáng chói, lấp lánh. Phương ngồi ở trong, vẫn không thấy nàng ..

Vấn đứng gần ngõ giữa một đám người lạ còn lại để chờ đi chuyển máy bay sau. Những cảnh đưa tiễn như thế cũng đã nhiều, chẳng ai để ý đến anh. Tất nhiên anh không thể đứng lại ở đó để cho họ chiêm ngưỡng. Vấn lia khỏi đám đông, anh vượt qua nhà bưu-điện ở bên kia đường, đi xuống phía chợ. .

Nắng chan hòa đổ trên đầu tóc. Sự chờ đón, nôn nao từ nãy của anh để được hưởng giây phút tiễn đưa như chứng kiến một cảnh bắt cóc, khiến Vấn đã hiu hắt càng hiu hắt lạ lùng.

Bây giờ đầu óc Vấn, trong tâm trạng của một người bị bỏ rơi, mới có dịp bắt gặp lại những ý nghĩ. Anh có cảm tưởng như, trong giây phút tiễn đưa đột ngột, đầu của anh là một bãi vắng không, mà bây giờ tư tưởng là những cơn gió đang uà tới. Cơn gió quầy lộn trong đầu óc. Tư tưởng tự nhiên tràn đầy phong phú. Vấn mới chợt nghĩ những điều lẽ ra ngay lúc nãy anh phải, tối thiểu, nói với Phương ngay mà sao lại quên : Sao Phương tới trễ ? Nhớ cho anh tin khi về tới Saigon. Nhớ...

Các thắc mắc đó càng hiển hiện, càng khiến Vấn áy náy.

Nhưng khi đi hết khỏi con dốc lên phía chợ sự áy náy đó giảm dần. Vấn

tự nhủ : Sẽ viết thư cho Phương, hỏi những điều điều đó.

Chân tay Văn, tuy từ nãy chẳng phải mang vật gì, nhưng tự nhiên anh vẫn có cảm giác thoải mái hơn. Văn thấy đói. Anh kiếm một tiệm ăn. Văn chọn đúng tiệm ăn hôm qua cả bọn cùng ngồi. Không phải Văn muốn gậm nhấm lại sự nhộn nhịp ngày hôm qua — nhưng có một sự quen thuộc nào trong tiệm thức khiến anh định tâm ăn trưa ở đó.

Văn ngồi vào bàn, Anh gọi một đĩa cơm. Quán đã vắng người ăn. Kề cả anh là hai người. Bàn ghế trơ trọi, Chỉ có chiếc bàn dài phía trong là đông đủ. Nhưng đó là những người trong gia đình của quán. Ba người đàn bà chăm chú ăn không nói chuyện. Hai người còn trẻ. Một người đã già. Một mẹ hai con. Trong bữa ăn, không khí thăm lặng.

Ông khách ngồi đối diện với bàn Văn là một ông già. Bữa cơm đã gần xong. Đang ăn, thỉnh thoảng ông lại ngừng lại để coi báo. Tờ báo giải rộng trước mặt. Đôi lúc Văn chỉ còn trông thấy đôi mắt kính trắng lấp lánh.

Văn ngồi, nhấm nháp ly lia. Anh xoay chiếc cốc ngắm kỹ càng như ngắm một khuôn mặt, nhưng chẳng để làm gì, sự hiu quạnh trong lòng Văn càng mạnh mẽ. Cái không khí nhộn nhịp vừa diễn ra ngày hôm qua ở đây nay đã trở thành buồn tẻ. Dãy hàng dài ở giữa tám người ngồi ngày hôm qua, chỉ còn có một người. Người đó hiện cũng đã đổi vị trí và đang ngắm nhìn lại hàng bàn ghế cũ.

Thật kỳ lạ ! Ngày hôm qua tuy hòa

minh vào trong đám đông, vào với những người trẻ tuổi, Văn không thấy sinh lực anh bùng dậy với những lời nói quá nhiều tiếng động. Anh chỉ bị tiếng động đó khuấy trộn, ồn ào. Bây giờ tiếng động đó im bật, ném anh vào khoảng trống cồ-hữu. Chuyện gì làm anh hiu hắt ? Một chút hiu hắt buồn buồn, mỗi một. Hay những người tuổi trẻ kia cho anh nhìn rõ thấy những già cỗi trong tâm hồn ? Không hẳn thế. Mỗi người chỉ có một giai đoạn đùa với tuổi trẻ, qua giai đoạn đó, mọi người phải đón nhận một giai đoạn mới. Chẳng có gì đáng than van, buồn bã.

Sự hiu hắt, mỗi một ấy có ngay từ lúc gặp Phương. Hiện tại chỉ khác nhau ở cường-độ. Những người bạn trẻ tuổi ít nhất cũng đã cho anh dịp may mắn. Nếu không, Văn đi với Phương một mình, suốt cả một ngày, những cuộc đối thoại hẳn sẽ nặng-nề. Những lời đối-thoại bên cạnh suối và nước mắt của Phương, cùng thú nhận của nàng : Sự thay đổi của hai người, đã khiến Văn lúng túng.

Thực sự Văn không thay đổi hoàn toàn. Ít nhất tình yêu của anh đối với Phương vẫn còn nguyên vẹn, nhưng nỗi chán nản đã tràn ngập Văn, khiến trí óc và tình cảm anh trở nên nặng chịu ngộp thở.

Người bồi bàn buông đĩa cơm ra. Tiếng động trước mặt làm Văn dứt đoạn ý nghĩ. Một người con trai còn trẻ xuất hiện, từ chỗ chân cầu thang, khuất sau một bức tường. Anh ta ngoài hai mươi tuổi. Nước da trắng trẻo trên khuôn mặt học trò, không phù hợp với bộ quần áo rằn - ri mang trên người

Sự xuất hiện của anh ta làm cứ chỉ người đàn bà đều ngừng lại, bà già dương mắt nhìn anh chăm chú, rồi lại cúi xuống. Cô gái mặc chiếc áo len xanh—màu áo đồng phục của một trường nữ trung học trên đây—quay lại cười, cô là người duy nhất lên tiếng :

— Anh đi đấy à ?

Anh ta không trả lời, dựng cây súng vào vách tường sát chỗ ông khách già đang xem báo. Bà lô đề ngay ở dưới chân khẩu súng dựng không chắc, đổ xuống sàn, gây một tiếng động lớn.

Ông già giật mình, ông ta ngược nhìn anh ta, tờ báo nhắc khỏi vị trí trước mắt. Nét mặt hơi nhăn nhó. Ông lại tiếp tục vừa nhai tép tép, vừa đọc báo.

Tiếng động đó làm cho người đàn bà trẻ thứ hai quay lại nhìn. Nét mặt bình thản, khắc khổ, nhưng tia nhìn thật tha thiết. Cô ta nhìn xong, lại quay vào trong phía mâm cơm.

Bà cụ già cất tiếng :

—Làm gì mà ầu quá vậy ! Súng với ống đề thế có ngày chết. Cô con gái mặc áo len xanh lại cười :

— Anh ấy tháo hết đạn rồi. Mẹ đừng sợ !

Người con trai, vẫn không nói gì. Anh ta khom lưng xuống, nhặt khẩu súng dựng lại. Khuôn mặt anh đăm chiêu hướng về phía người đàn bà trẻ có vẻ mặt khắc khổ, rồi quay trở lên gác.

Bà mẹ nhìn theo bước chân con, chép miệng :

— Thằng ấy là chúa ầu. Đang đi hành quân rồi trốn về. Có ngày tù một xương !

Người đàn bà trẻ vẫn lẳng lặng, cô ta dơ tay quơ mấy cái đĩa trống, chõng chiếc bát không lên, xô ghế đứng dậy. Lúc cô bước ra khỏi bàn vào nhà trong, Văn nhận thấy mắt cô đỏ hoe và hai gò má nước lã trên gò má.

Bà mẹ cũng đứng dậy theo con dâu— Các cử chỉ và lời đối thoại cho Văn biết vị-trí của từng người trong gia-đình. Cô em chõng cũng vậy.

Người đàn bà trẻ khóc đi vào trong. Cô em chõng ra bàn, lấy chiếc ly rót nước uống, thanh thản. Bà cụ già đứng ở khoảng trống gần nhà hàng và bếp, gọi vọng vào :

— Tụi bay ra mà ăn cho nó xong rồi còn dọn.

Tất cả bọn người làm công ủa ra, tới độ Văn tưởng họ chỉ chờ tiếng gọi đó. Cả bọn có sáu người, vừa trai vừa gái, phân chia đều nhau. Ba cô gái, tay bưng thêm thức ăn ở trong nhà ra. Họ chia nhau chỗ ngồi. Con gái phía trong, cuối bàn, con trai phía ngoài đầu bàn. Tiếng cười nói của họ rộn rã cùng tiếng khua bát đũa. Không khí sinh hoạt hẳn không giống lúc này. Họ vừa nhai cơm, vừa dành dặt nhau và nói chuyện ầm ĩ:

— Ê, sao mày lấy khúc cá của tao, khôn dủ !

— Tao mang ở trong nhà ra chứ !

— Tức quá, thằng chả Trương Vô-Kỵ không mê Chu-Chỉ-Nhược lại mê con Triệu-Minh.

Những lời đàm-thoại quá lớn. Bà cụ già ra đứng ở quầy hàng nhăn mặt quát:

— Nói chuyện vừa vừa chứ đề ông

ấy ngủ, Ông ở trên gác xuống thì tụi bây bỏ mẹ !

Lời nói có hiệu lực ngay lập tức. Tiếng cười hạ bớt xuống. Nhưng họ thay bằng những cú thụi, cẩu chí ngăm và lời đố lỏi cho nhau.

Bà cụ đứng ở đó xĩa răng. Mắt bà đưa vào chỗ chiếc ba lô và súng nằm tênh hênh trên mặt đất. Ông cụ già đã trả tiền đi về, trong quán còn một mình Văn là khách. Như chợt nhớ, bà cụ quay ra nói với tụi làm công :

— Còn con Nhài đâu, sao không bảo nó vào ăn ?

Một cô trả lời :

— Nó đứng ở ngoài đó! Nó sợ bà không dám vô.

— Sợ chi mà sợ! Đang làm cho người ta bỏ đi chẳng phép tắc gì cả. Còn khéo bày đặt sợ với chẳng sợ !

Không có tiếng trả lời. Cả đám người đang ăn lại tiếp tục nhiệm vụ của họ. Họ cười nói nho nhỏ, và nhai tốp tếp.

Văn đã ăn xong đĩa cơm. Anh đẩy chiếc đĩa ra phía trước mặt, cho khoảng bàn rộng chỗ. Anh không ngờ anh lại anh hết cả đĩa. Đĩa cơm gọi ra. Thẻ tích của nó khiến anh ngại ngần như tụi học trò ngại ngần trước một thẻ tích phải tính toán trong Toán Học. Anh vừa ăn, vừa nhìn. Thỉnh thoảng cho một ngụm bia vào miệng, rồi múc một muỗng cơm đầy. Thế là hết cả đĩa. Ly bia cũng chỉ còn một chút. Chai đã trống không.

Văn che một tay lên miệng, xĩa răng theo một thói quen cố hữu. Bàn tay anh đưa đầy chiếc tăm, mắt nhìn vào khẩu súng và chiếc ba lô. Người con

trai chưa thấy xuống. Anh lên kiểm vật gì bỏ quên? Văn không thắc mắc. Ba người đàn bà, trừ người em ruột, còn trẻ thành thơi, vô tư, hai người kia ngồi chăm chú đề ý tới người con trai. Nhưng mỗi người một khác. Bà mẹ đề ý tới anh ta và sự đề ý trong nội tâm phát ra nhiều tiếng động. Những câu nói, những cách xô bàn, xô ghế đứng dậy, cách la hét người làm đều chứng tỏ một sự bực bội. Người đàn bà trẻ tuổi, gương mặt khắc khổ, nhưng nét nhìn là cả một tình yêu chân thành. Cách diễn tả tình cảm không phát hiện, mà sâu sắc trong tâm. Tư thế lặng lẽ với những dòng nước mắt, chất chứa tất cả những thống khổ. Cái thống khổ chỉ có thể có của một người đàn bà yêu một người đàn ông, thứ tình yêu trai gái, chồng vợ. Giữa tình yêu của một người mẹ và người vợ thật khác xa nhau.

Chỉ có người vợ mới có thể thương người chồng một cách nồng nhiệt như vậy. Con người đêm hôm trước hãy còn gần gũi thể xác, hôm nay sắp xa vời, nhất là lại có thể xa vời vĩnh viễn.

Điều đó không có gì để xảy ra khó khăn. Ra trận «đạn tránh người, chứ người không mấy ai tránh được đạn». Lời nói của Trình trước khi từ biệt Văn, đêm cuối cùng hẳn trở ra mặt trận. Hai thằng lang thang với nhau cả ngày. Đã khuya hai thằng còn ngồi ven bờ sông, trên chiếc chiếu cói, giải tạm bợ của mấy hàng bán vịt lộn và khô mực lưu động. Hai thằng ăn khô mực, uống la de nghe tiếng sóng bập bênh vỗ vào kè đá và tiếng gió thổi mạnh từ mạn sông vào lúc nửa đêm. Hai thằng cười nói. Trình phát biểu câu ấy. Nhưng tuần lễ sau Văn đã thấy bác Trình trở về nhà. Lời nói của Trình còn văng vảng

bên tai, Rất có thể người con trai cũng sẽ chung một số phận. Tại sao không? Như bố con Huyền, như Hùng. Nhưng kẻ ở lại đều thối thòm một ngày sẽ nhận được tin ấy. Nhưng chẳng ai tránh khỏi sựng sốt khi nghe báo tin. Chẳng ai tránh khỏi sựng sốt khi nghe báo tin,...

Vấn nghe thấy ngực mình thốt nhiên nghẹn lại. Trước khi từ giả, trước khi Hùng ra mặt trận, không hiểu Phương có nhìn Hùng như thế? Hay là nàng đứng đưng? Dù bằng cách nào cũng khiến Vấn đau đớn. Cái đau đớn đó ngay từ lúc Phương lấy chồng. Những khó khăn cho cuộc đời của hai người xảy ra từ lúc đó, không phải từ lúc hai người đã vĩnh viễn xa nhau.

Người con trai ở trên gác xuống. Anh ta nhìn bà mẹ. Bà mẹ nhìn anh ta. Nhưng anh ta quay vội gót vào trong bếp. Một lát anh quay trở ra. Anh cúi xuống xách ba lô đeo lên vai, tay cầm súng. Lời nói đầu tiên Vấn nghe thấy từ miệng anh ta :

— Mẹ, con đi !

Bà cụ không nói gì. Bà đứng im nhìn anh ta vượt qua mặt, đẩy cánh cửa, bước ra ngoài. Bà cứ lặng người như thế một lúc lâu, cho tới khi bà quay lại vì một tiếng động bên cửa hông sau quầy. Một đứa con gái vào khoảng mười sáu, mười bảy tuổi đang dụt dè đứng đó. Vừa trông thấy mặt, bà đã biến bộ mặt sầu thảm thành tiếng quát :

— Mày làm ăn cho người ta thế đấy hả? Nhà thì đang bận bỏ đi biệt về xứ chẳng cho ai hay! Sao không đi hẳn đi?

Cô gái ngoài vẻ dụt dè, giờ còn thêm sự sợ hãi,

— Thưa bà, con có xin phép.

— Nhưng tao có cho đâu.

— Thưa bà, nhưng mà anh con chết, ở xứ nhận tin về gấp! Bà cụ đưa mắt trên miếng vải trắng dính ở mép áo cô gái. Giọng bà hạ thấp hơn, nhưng vẫn ở trong giọng quát :

— Vào mà ăn đi! Còn đứng đó làm gì?

Con bé đi vào trong bếp. Bà cụ quay lại. Mặt ngang với mặt phía Vấn đẩy chiếc ghế đứng dậy trả tiền.

Tiếng quát tháo từ nãy hình như chỉ để trấn giữ một sự xúc động. Sau lời cuối cùng, bà cụ lại yên lặng. Nhưng không lâu. Vấn thấy nước mắt bà đầm đìa trên gò má nhăn nheo.

Vấn đưa tiền. Bà cụ mở ngăn kéo. Bà kéo chiếc khăn mùi xoa trong đó ra, chấm nước mắt, thổi tiền cho Vấn sau.

Vấn hơi bối rối một thoáng. Anh không nói, một lời nào, trừ hai tiếng cảm ơn, 

Vấn bước ra khỏi cửa. Thành phố yên tĩnh vắng vẻ trong buổi trưa. Vấn nhớ tới Phương. Không biết giờ này nàng đã lên máy bay chưa? Đột nhiên Vấn thấy buồn bã. Anh đã rõ sự khó chịu và hui hắt từ khi gặp Phương. Sự khó chịu vì sự chết đi của một người và sự khó khăn của những người ở lại, của Phương và anh. Vấn thở dài khe khẽ... Nâng lấp lánh trên mấy hàng thông xanh...

Ngày... tháng... năm.

Phượng thân mến,

...Thực sự, tình yêu giữa anh và Phượng vẫn còn. Hôm ngồi bên suối Phượng có nhắc lại lần Phượng hát ở trường Phượng học vào dịp cuối năm. Nhưng tự trong trí nhớ, anh biết là Phượng đã quên. Đúng ra Phượng đã hát ở căn phòng Phượng trong dịp Sinh nhật, anh còn nhớ nguyên cả giọng hát nũng nịu cùng khuôn mặt mắt cở của Phượng khi đòi mọi người có mặt ở đó phải quay đi, nếu không phải tắt đèn. Anh còn nhớ và chẳng bao giờ quên Phượng ạ

Nhưng có nghĩa lý gì những kỷ niệm trong thời gian mà những đày ải và bất công đang xảy ra trên mảnh đất này? Có nghĩa lý gì phải không Phượng?

Chúng mình đã thay đổi, cả anh và Phượng. Chính Phượng cũng đã nhận xét như thế.

Hôm gặp Phượng trên này, anh thấy chúng mình quá xa cách nhau. Sự xa cách đó, anh đã thấy từ lâu, còn Phượng cho tới ngày hôm đó Phượng mới biết.

Cái chết của Hùng đáng lẽ chỉ gây khó chịu cho mình Phượng nhưng không hiểu sao nó cũng là sự ám ảnh cho anh. Nhưng rồi anh cũng đã hiểu ra: Hùng là kẻ chết trận và Hùng còn trẻ tuổi.

Đã nhiều lần anh đã phân vân đối thoại với bạn bè: Có cái gì khác nhau giữa một người chết trận và một người chết bằng cách thông thường? chết già?

Người bạn trả lời:

— Vì chết già là một dĩ nhiên, là một tuyệt vọng ai cũng chấp nhận. Chết

trận là một điều bất ngờ, là một bề gãy hi vọng.

— Nhưng cuộc chiến đã xảy ra hai mươi năm, sao chúng ta không coi là một dĩ nhiên.

— Vì chúng ta còn hi vọng.

Vì chúng ta còn hi vọng chúng ta còn hi vọng, chiến tranh sẽ chấm dứt cho nên chúng ta mới đau khổ. Cũng như khi Phượng đi lấy chồng, chúng mình còn hi vọng lấy nhau. Khi Hùng chết đó là cơ hội thuận tiện nhất để mình thực hiện ý định. Tại sao không? chẳng có cái tiêu chuẩn đạo đức nào kết tội cả được.

Nhưng cái chết của Hùng cũng lại là một khó khăn lớn cản ý định. Cái chết của Hùng là cái chết của một kẻ chết trận. Nó soi rõ được điều này: Hùng cũng là một nạn nhân của thảm kịch quê hương, và thật là một xâm phạm lớn lao nếu dẫm trên linh hồn người chết.

SÁCH MỚI

— Krishnamurti ở Carmel

của Rom Landau, Bản dịch một đoạn rút ra từ quyển «Dieu est mon aventure» của Nguyễn Minh Tâm và Đào Hữu Nghĩa, do các dịch giả xuất bản và gửi tặng Sách dầy 88 trang. Giá 40đ.

— Thương hoài ngàn năm

Tập truyện của Võ-Phiến do Thời Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Tác phẩm tái bản lần thứ 3 dày 122 trang gồm 3 truyện: Thương hoài ngàn năm, Viết thư buổi trưa, Đến khi ma chết. Phụ bản của Phạm Tăng và Ngọc Diệp. Bản đặc biệt. Giá bản thường 48đ.

Chúng mình so với người đã chết đi, đau với đau khổ nào — vẫn là những kẻ được ưu đãi. Rồi cũng tới lượt của anh ra tiền-tuyến lúc bây giờ không hiểu anh sẽ nghĩ sao? Rất có thể anh sẽ mĩa-mai cái vị-trí của anh hiện-tại, cũng như, hiện-tại, đang ở vị-trí này anh mĩa-mai những bạn cùng học đang ngủ trong thành phố.

Thành thật mà nói : ở mỗi vị trí ở trong hầm kích lớn lao, mỗi người đều phải nhận lấy một đau khổ khác nhau — trừ một số bạn người chuyên môn làm khổ đồng loại thì không kể.

Cho nên Phương đã nói rất đúng : Tự giải quyết lấy việc của chính mình. Anh đồng ý nhưng cũng muốn góp chung với Phương — vì chúng mình còn tình yêu.

Trong thời gian nhàn rỗi này, Phương hãy ghi tên vào một phân khoa học lại. Văn biết mỗi người chỉ có thể có một thời kỳ đề học hỏi say mê — nhất là với Phương, sự trở về học đường đề chỉ nhìn

thấy sự lỗ bịch của bạn hữu lại càng khó hơn.

Nhưng muốn chữa bệnh hãy lao đầu vào sách vở. Sách vở chẳng có cách gì để làm người ta khỏi đau khổ trực tiếp. Không những thế, thiên kiến đó sách vở còn là một xúc phạm tới đau khổ nữa. Nhưng ít nhất, sách vở giúp con người nhìn một cách sáng suốt sự đau khổ của mình.

Phương thân.

Thời gian trôi đi không hiểu tình hình còn biến chuyển gì không. Nếu tình hình biến chuyển, chắc rồi ý nghĩ của chúng ta cũng đổi khác. Anh hy vọng và chờ đợi ngày ấy.

Chúng mình còn hy vọng Phương ạ. Nhớ viết thư cho anh.

Văn,

(Trích 'Giữa Hai Vùng Đất')

TRẦN-ĐẠI

- **ĐÀN ÔNG** của Võ-Phiến — giá 50đ — với phụ bản Trịnh Cung và Hoàng Ngọc Biên.
- **CÁC TRÀO LƯU LỚN CỦA TƯ TƯỞNG HIỆN ĐẠI** (in lần thứ ba) của André Maurois, do Trần Thiên dịch — giá 24đ
- **HẦM BỐN GIỜ TRONG ĐỜI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ** (in lần thứ ba) của Stefan Zweig, do Trần Thiên dịch — 34đ

**SÁCH HAY, MỚI XUẤT BẢN
GIÁ ĐẶC BIỆT (I.C.)**

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẰNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính - trị, Triết - học
Văn - học, Khoa - học, Nghệ - thuật v. v...

CHUYỂN PHÀ ĐẦU XUÂN

thơ TRẦN HOÀI THU

Những chuyến phà chở anh về thành phố
Có chuyến nào anh mong được gặp em
Mùa xuân về biển cả phà trôi êm
Anh thấy cả mây trời trên màu mắt
Những chuyến phà chở anh về hộp mực
Những bà con cô bác của ngày thơ
Áo trắng quần xanh em nhỏ đợi chờ
Giờ bãi học như một đàn bướm nhỏ
Những chuyến phà đưa sông về biển cả
Thấy mẹ hiền tóc đã bạc màu sương
Bờ ngõ trông ra ở cuối con đường
Tìm thằng nhỏ mấy mùa xuân chẳng gặp
Những chuyến phà học trò yêu giấy thắm
Pha màu hồng con tim nhỏ trao ai
Có chuyến nào về cuối tận sông dài
Anh gửi vội cánh thơ về Thầy mẹ
Mưa đầu xuân, biển xanh màu lá hẹ
Chuyến phà này anh đốt thuốc chờ mong

(trích *Mưa nắng quân trường*)

• LÊ - TÁT - ĐIỀU

TRUYỆN 2 KỶ

Vỡ đường

(Xin xem BK.TĐ. từ số 244)

Thiện nhờ nước bọt, gắng giữ cho hơi thở bớt gấp gáp vừa hỏi vừa nở một nụ cười khuyến khích :

— Sửa được chứ hả ?

Người tài xế im lặng như không nghe thấy câu hỏi, không chú ý đến mọi người. Sự bực bội, phiền muộn đã quen bị nét mặt lầm lì che khuất ? Hay anh ta đang trốn tránh cơn giận bằng sự nghỉ ngơi của tâm trí ? Rồi người tài xế chợt rồ ga, sang số với tất cả vẻ hung hãn đột ngột. Xe không nhúc nhích. Những tiếng rào ỉa vẫn còn trong tiếng máy.

Giọng người tài xế trở nên chậm rãi lạnh lùng khi anh trả lời câu hỏi của Thiện.

— Sửa được, chừng ba bữa thì xong. Giờ phải lộn về Saigon kiếm mua cái «láp». Có phúc lớn thì khỏi kiếm mua giá chợ đen. Rồi trở lại chui vô gầm xe nằm chừng nửa ngày. Nếu nó gãy ở khúc trong...

Câu nói bỏ lửng hứa hẹn quá nhiều khó khăn mà người tài xế không muốn nhắc đến. Anh ta xuống xe đứng chống nạnh nhìn lại quãng đường vừa vượt qua. Cái nhìn vẫn mơ hồ xa vời, xa vời như không sao thoát khỏi sự lo lắng tính toán thăm lạng.

Tất cả hành khách bỗng hơi lúng túng trong một nỗi ân hận chung. Người khách đã ngủ trên đùi vợ quay ra kiếm một chỗ nước sạch loay hoay rửa mặt và gột bùn dính trên quần áo. Người vợ ngồi xồm bên chồng chờ đợi.

Con đường đầy hố bùn trước mặt còn dài và vắng. Nhiều quãng đất vừa ra, lẫn với nước. Chiếc xe ủi đất sa xuống một hố bùn và xoay ngang, gầm gừ tiến lên chỗ đất khô. Cô gái bần thần :

— Mình đi bộ được không ?

— Còn cả cây số đường xình đi bộ gì nổi.

Ông khách đã liên lạc với bọn Trường, hối hả trả lời cô gái như muốn thoát khỏi niềm ân hận.

— Bà con mình lại đi dò vậy.

Ông ta ngập ngừng :

— Tuy chưa đi được tới nơi, tới chốn tại mình cũng nên đưa anh tài xế chút đỉnh tiền cà-phê. Anh có lòng tốt...

Trường nhìn Thiện gật đầu. Thiện sốt sắng rút tay vào túi. Người đàn bà cũng đưa ra cái giấy hai chục với lời than thở bằng giọng :

— Xui tận mạng. Mất cả ngàn bạc tiền xe mà chắc gì khỏi ngủ dọc đường.

Người chồng đứng dậy, mặt mũi, quần áo ướt nhẹp, ông ta quay nhìn mọi người mỉm cười bẽn lễn.

Đi ngược lại đến gần trạm gác thì Trường kêu được dò. Trên dò có một ông già che ô, mặc áo len, ngồi co ro dưới trời nắng, một bà lão mập mập và một đứa nhỏ. Giữa ông già và bà lão là cái rương to sơn xanh. Đứa nhỏ luôn luôn nheai người ra mép dò, thò hai tay xuống nước khua khoảng một cách sung sướng.

Cô gái mở một cuốn sách hình, úp lên đầu và ngồi ngay bên chân cô lái dò. Thiện tựa lưng vào va ly cố giữ một thế ngồi thật thoải mái. Trường ngồi ở mũi dò và bỗng dưng phải nhận cái bồn phận khua bơi chèo cho thuyền đi nhanh hơn. Trường quay lại mỉm cười với cô gái đề thanh minh cho những cử động vụng về sắp có của mình. Nụ cười bắt gặp cái nhìn nhiều thiện cảm của bà lão mập. Bà lão khuyến khích :

— Cậu chèo thật khoẻ cho dò đi nhanh rồi bắt cô lái bớt cho một nửa tiền dò.

Cô gái cười :

— Anh gắng chèo làm sao cho dò khỏi đi vòng tròn,

Cô lái dò gò lưng đẩy cái sào tre. Thuyền hướng mũi về phía những con dò đang trôi trên con đường nước tưởng tượng. Mũi bơi chèo trong tay Trường bỗng chạm phải một mô đất. Trường giật mình, lúng túng, cán bơi chèo đẩy mũi thuyền lệch đi, trông tránh.

— Khoan thầy. Khúc này nước cạn.

Giọng cô lái dò trầm tĩnh như ra lệnh. Khuôn mặt đen sạm với cặp lông mày hơi rậm của cô ta khiến Trường chợt nhớ đến những lời đồn đại về các vụ cướp đường. Đàn bà con gái đi dò bị đưa thẳng vào rừng rồi bị lột hết của cải. Có người bị giết. Những giai thoại kỳ, rừng rợn đó tạo nên bầu không khí quái đản cho cánh đồng mênh mông nước và những lùm cây xanh xậm ở chân trời. Người ta có thể phóng đại nỗi khó khăn để tự thương mình hơn. Nhưng chụp lên đầu

những người lái đò một cái mũ ác độc cỡ đó thì quả là quá đáng. Anh cảm thấy tin tưởng ở khuôn mặt xấu xí và lương thiện của cô lái đò. Anh cảm thấy sự hiền hòa yên ổn quanh mình. Nước có thể dâng cao, xóa ruộng xóa đồng, thay đổi khuôn mặt của một vùng đất mệnh mông. Nhưng không thể dựng một thế giới mới với những con người man rợ. Tai họa ở đây chưa đủ sức làm nầy mầm tội ác. Chuyện cướp bóc chắc chỉ là sản phẩm của một vài khối óc nhút nhát giàu tưởng tượng. Cô lái đò chăm chỉ đẩy từng sào chắc nịch, Mỗi lợi tình cờ do khúc đường vỡ đem lại cũng đòi hỏi khá nhiều nhọc nhằn.

Thuyền trôi nhanh dần. Trường sử dụng bơi chèo có hiệu quả hơn. Hai cánh tay sau một hồi mỏi rời rã bỗng như trở ra, dẻo dai hơn. Cảm giác mát dịu của nước thấm ở hai tay nhắc nhở Trường ánh nắng gay gắt làm rát lưng, đầu nóng bừng khó chịu. Con đường dài trước mặt, cô gái ngồi sau lưng là sự khuyến âm thầm không cho phép anh tỏ vẻ mệt mỏi.

Mặt trời rực rỡ trên trời và dưới đáy nước. Sự di chuyển chậm chạp ở một vị trí thấp bỗng gây cho Trường một cảm giác bồi hồi nhẹ nhàng. Giữa anh và cảnh xung quanh có chút gì gần gũi, thân thiết. Mặt đất dềnh cao. Mây dùn ở chân trời. Trước mũi thuyền, mặt nước chưa bị khuấy động tới, nhiều chỗ trong veo. Dưới đáy nước, một loài cỏ lạ mọc thành những khoảng màu xanh đậm Hoa cỏ phơn phớt giống hình quả thông, kết lại thành những mô cao thấp chập chùng như cảnh đồi núi trông từ máy bay. Chuyển động của nước khiến cỏ giao động toàn khối một cách mềm mại, tươi mát. Thận đánh diêm châm thuốc, nói to: « Chèo mệt thì nghỉ, đừng có ráng » Trường hiểu rằng người bạn đang nghỉ anh chịu vất vả vì tự ái.

Qua hai thửa ruộng nước đục ngầu, thuyền bắt đầu nhập vào lộ trình chung. Chiếc đò đi phía trước nước ngập ngang mép thuyền. Một thanh niên vạm vỡ đẩy sào và một người lính ngồi ở giữa thuyền ra sức chèo. Anh lính đôi tay chèo luôn Chèo khuấy nước ào ạt nhưng tiến chậm. Đột nhiên Trường cảm thấy cần tạo một sự hào hứng nhỏ bé nào đó để quên đường dài quên nắng và sự nhức mỏi đã thấm tới vai mình. Anh quay lại nói với cô lái :

— Vượt thuyền phía trước nghe.

Anh gò người để khuấy những nhát chèo sâu và nhanh hơn, Thuyền Trường vượt dần lên, người lính kêu to :

— Ê ! Qua mặt không bóp kèn.

Anh ta đặt bơi chèo ngang thuyền ngồi nghỉ và cười với Trường. Tất cả những người ngồi trong hai thuyền đều nhìn nhau mỉm cười : Hoàn cảnh trôi nổi trên mặt nước hình như có vẻ ngộ nghĩnh. Thiện nói « đò bên đó gỗ còn mới quá, chắc đang rớt đũa » ông già che ô, mặc áo len bông than thở : « xừ mình mệt rợ. Văn mình tiến tới lại thụt lui hoài. Ở đây có đò máy chạy cũng đỡ » Cô gái kể với bà già mập : « Hồi xưa cháu đã qua sông với bà nội, Hôm nào có sông lớn bà nội đọc kinh và lặn tràng hạt »

Thuyền trôi qua một ngôi nhà mồ xây giữa đồng. Ở xa Trường tưởng đó là một cái miếu nhỏ. Nhà mồ có hai gian, mái ngói vỡ nát hết. Hai ngôi mộ xây ngập trong nước. Quên hẳn những tâm sự được nói thành lời xôn xao ở sau lưng, Trường vừa chèo vừa nhìn những mảnh tường loang lổ. Bao giờ những dấu tích lạnh lẽo, tàn phế cũng gọi cho anh cảm giác thương nhớ mơ hồ.

Thuyền bắt đầu gặp bóng mát của nhiều rặng cây và tiến vào một xóm làng nhà cửa rời rạc. Con đường nước nhiều chỗ thu hẹp lại chỉ còn rộng chừng một thước. Hai bên là những khóm bèo xanh mọc đầy hoa tím nhạt. Nước sâu, cây sào trở nên khó xử dụng. Cô lái nói « Thầy đề tôi bơi khúc này » Trường thả cái bơi chèo xuống nước cho trôi về phía sau. Thuyền đi men theo con lạch quanh một ngôi chùa. Thỉnh thoảng mọi người phải cúi đầu để tránh những cành cây mọc sát nước. Trường nhìn ngắm kỹ lưỡng, hồi hả như một người đang bắn khoăn, tìm kiếm. Sự tình cờ, khúc đường võ đưa anh lướt qua đây Rồi tất cả trôi về phía sau và mất đi như ngày tháng dĩ vãng. Thuyền đi qua cả khoảng sân rộng ngập nước của một ngôi nhà. Ngôi nhà ở trên một cái nền khá cao. Ba đứa trẻ cời trần nằm trên cái giường gỗ cạnh chuồng bò, bình thản nhìn con thuyền trôi qua. Buổi trưa ở đây mệt mỏi êm đềm.

Trên những chiếc đò đi ngược chiều đám hành khách có vẻ mệt nhọc, buồn bã hơn, Nhiều đò người lái đầy sào một mình. Khách ngồi im lặng như cố gắng chịu đựng sự chờ đợi. Phong cảnh, mặt nước là những nỗi khó khăn không hấp dẫn. Nếu có cuốn chỉ thần hủy bỏ được thời gian của chàng Hoàng tử trong truyện xưa, chắc họ đã kéo bỏ khoảng thời gian trôi nổi mệt nhọc này một cách hăng hái. Thiệu búng tàn thuốc lá bay qua đầu Trường :

— Khúc này cảnh thơ mộng đấy nhỉ. Nếu không phải vượt hàng trăm cây số, mỗi đũa có một cái cần câu trong tay chắc tao với mày có thể làm đám ba bài «Thu điếu».

Bà già bỗng kêu lên giận dữ. Đũa bé vừa ném lọ dầu cù là xuống nước. Từ này giờ nó chỉ loay hoay móc túi bà lão «kiếm những món đồ lật vặt để đem nhúng nước. Tiếng kêu của bà không làm nó nao núng. Đũa trẻ tí cầm vào mép thuyền nhìn xuống. Nó nhìn thật xa, bắn khoăn. Hình như nó đang chờ đợi để thấy bóng dáng những thứ đã mất rơi tụt lại trong đáy bầu trời lộn ngược.

Ở khúc quath ra ruộng, một chiếc đò bị lật úp. Khoảng nước chỗ đó đục ngầu lên. Chiếc đò lật được kéo sát vào bờ. Người lái đò và một người đàn ông đang mò mẫm vớt hành lý. Đám hành khách bị ướt đến ngang ngực đứng cạnh mấy cây ổi non trên bờ, xôn xao chỉ chỗ :

— Đò cái giỏ của tôi ở ngay đó.

— Vớt giùm tôi cái va ly lệ đi. Nước ngấm vô hư hết đồ còn gì.

— Làm sao mà không thấy ? Trôi đi đâu mà không thấy ? Cái hũ nặng cả mấy kí rớt đâu thì nằm ngay đó chớ.

Hai người vớt đồ đạc vẫn bình tĩnh, dò dẫm. Thỉnh thoảng họ lại hụp xuống cho nước ngập tới cổ. Trên bờ một thanh niên gầy còm, cời trần đang lóng ngóng vắt nước ở cái áo sơ mi. Cảnh anh ta, một người đàn bà bế con có vẻ chưa hết hốt hoảng :

— Trời ơi con tôi nó đang bệnh...

“...nó đang bệnh” ba tiếng đó được nói đều đều như thay thế cho những lời dỗ dành, lời ru chưa kịp nghĩ ra. Đứa nhỏ được quấn trong một cái khăn dày khô, khóc ngất nghêo, thỉnh thoảng lại bật ho như còn sặc nước. Người đàn bà lau mặt mũi cho con bằng một cái khăn ướt sũng.

Cô lái đò ở thuyền Trường ngừng tay sào :

— Chết cha thằng Út rồi nghe, mầy ham tiền chớ nhiều cho chìm đò vậy đó hả !

— Có ai đâu mà nhiều. Mấy bà ngồi xiêng qua một bên, nước mới ào vô chút xíu đã nhảy dựng lên ! Trời cứu !

Anh chàng chủ chiếc đò lật vừa thanh minh vừa tiếp tục mò dưới nước.

Qua hai thửa ruộng thuyền lại vào một vùng nước hẹp. Hơn mười con đò xuôi ngược xô đẩy, chen lấn nhau giữa những gốc dừa trước một ngôi nhà gạch xây trên nền đất cao. Gốc dừa chìm sâu dưới nước. Đoạn đường đã hẹp lại quanh co. Trên nền sân đất trước căn nhà gạch, một ông lão cời trần, quần dài đen xắn tới đầu gối, đứng cầm một cây sào dài. Tất cả những thuyền tách khỏi lộ trình chật hẹp trôi gần căn nhà đều bị ông lão dùng sào đẩy ra một cách quyết liệt. Dáng điệu ông lão bần khoan, hậm hực hình như mỗi con thuyền trôi qua đây đều làm cơn giận của ông tăng lên.

Cô lái đò giải thích:

— Đò qua lại lấn nhau làm hư nền sân của ông. Ông mất công đắp lại hoài. Ông giận.

Hình như tất cả bọn lái đò đều nể nang cái sào của ông già. Những chiếc đò lỡ trốn, bị đẩy đi một cách phũ phàng, hành khách kêu lên, người lái vẫn im lặng. Thiện phi cười:

— Vậy ông ấy phải đứng canh gác suốt ngày sao ?

— Đâu có. Chỉ hồi nào đò qua lại nhiều

Thuyền trôi vào giữa những gốc dừa. Một chiếc thuyền đi ngược chiều đâm thẳng mũi vào thuyền Trường. Trường ngừng tay chèo ngồi ngẩn ra. Một thanh niên, mặc áo sơ xanh thẫm quì ở mũi thuyền kia bỗng hét lên :

— Ông già dùng đề tay ở mép thuyền

Trường quay nhìn, Ông già che ô giựt tay lại như chạm phải lửa. Đúng lúc

đó hai mép thuyền cọ vào nhau.

Ra khỏi khúc đường "kẹt", Trường chột bàng hoàng vì cánh đồng nước mênh mông trước mặt. Các bờ ruộng đều chìm sâu. Hàng trăm chiếc đò trôi chậm chậm trên mặt nước sáng trắng, phẳng lặng. Màu áo, màu dù của đàn bà đột nhiên có vẻ rực rỡ, gây cảm giác nao nức của một ngày hội. Đây có thể là một con sông rộng, một mặt hồ êm đềm. Sự mệt nhọc vất vả của mỗi người, ở mỗi con thuyền hình như biến mất, chỉ còn lại sự tổng hợp những màu sắc vui vẻ thanh nhàn

— Chà, chắc đánh lớn ở miệt dưới.

Giọng nói khàn khàn của ông già nhắc Trường chú ý đến những tiếng động âm ì và bốn chiếc máy bay nhỏ như những con chim cắt đang đảo lên, đảo xuống ở chân trời. Phía đó, mây xám màu chì non

Những tiếng xôn xao lớn dần khi thuyền Trường đến gần hai chiếc thuyền trôi thật chậm và hình như xoay ngang. Tất cả đám hành khách ở một thuyền đang ngó sang thuyền kia. Một cậu bé khoảng mười tuổi nhồm hồm lên đứng dang tay chấp chới. Trên chiếc đò bị chìm có một bà lão ngồi bó gối, xoay lưng lại mũi thuyền, cái khăn buộc đầu phủ xuống che kín mặt và hai bên gối, một ông già tóc dài tới vai ngồi bên chân cậu lái đò. Giữa khoảng thuyền là một cái chiếu che trên một thân thè bất động. Đầu người nằm chắc ở dưới cái nón úp gần chân bà lão, ghếch một nửa lên chiếu.

Cậu lái đò, khoảng mười lăm tuổi đang trả lời một câu hỏi của người ở thuyền bên :

= Làm sao biết bên nào bắn, đạn lạc mà.

Vừa nói cậu vừa nhìn ông lão, e ngại phải nghe một lời đính chính. Nhưng ông lão im lặng, đăm đăm nhìn cái nón úp trên thuyền. Chiếc áo trắng màu ngà của ông bật tung nút. Bộ râu cằm lơ lơ chấm vào làn da cổ nhăn nheo. Cái nhìn chăm chú, khoẻ mạnh ít thấy ở những người già. Trên vai ông lão, một cái khăn vải kẻ ô vuông đậm, nhạt phủ xuống tới mặt thuyền.

Đám người tò mò ở thuyền bên vẫn không rời mắt khỏi chiếc chiếu. Một thanh niên đầu hớt cao, áo ca-rô xanh đỏ, ngồi ôm cái hũ lớn có quần giấy báo, bỗng chỉ tay về phía những chiếc máy bay đang nhào lộn :

— Bị ở dưới đó hả ?

— Đâu có. Dưới đó mới đựng độ hồi sớm mai tới giờ. Ai rủi chắc còn nằm đó, chờ đi sao kịp.

Ông già kéo cái khăn trên vai, chậm chậm thấm mồ hôi trên trán, trên ngực rồi chột ngồi thẳng người vẫy tay hỏi hỏi :

— Đi tới ! Đi tới !

Cậu bé lái đò cong người đẩy sào. Thuyền lướt qua sát thuyền Trường. Tiếng nói khàn đặc của bà lão làm rung nhẹ cái khăn che kín mặt ;

— Tôi nói nó chết rồi mà.

Câu nói có những âm ấp úng, vương ở cổ họng như của một người mơ ngủ. Con người nằm dưới chiếu bỗng gây một ám ảnh rờn rợn. Mọi người im lặng như vừa cảm thấy chạm vào một hơi gió lạnh. Ông lão chột nhồm lên chồm tới. Hai tay bám vào hai mạn thuyền, cái khăn kéo lướt thướt trên mặt chiếu. Ông lão bò dần lên. Cái nón được giở nghiêng ra phản chiếu ánh mặt trời lóa sáng bất ngờ khiến Trường chói mắt. Khuôn mặt người nằm bất động bị cái nón lấp lánh che khuất. Đầu ông già cúi xuống chỉ còn mái tóc dày đen cao hơn vành nón. Cậu bé lái đò lại ngừng tay sào chờ đợi. Con đò vừa tiến tới chầm chậm vừa xoay ngang.

Một lúc sau Trường quay lại còn thấy con đò xoay ngang như thế và anh không hiểu nó đang tiến về hướng nào.

Nhiều cột khói đen bốc lên ở chân trời. Ba chiếc máy bay đã bỏ đi. Những chiếc thuyền chở đám hành khách nhiều màu bắt đầu đi sát bờ đường và đồ dờn về bến, nơi có ba chiếc xe đậu chờ khách. Tỉnh thoảng Trường lại ngừng tay chèo để tránh những bụi cây chìm trong nước.

Trong những bức thư đều đặn gửi về mỗi tuần, Hiền có nhắc đến vụ lụt. Nhưng dòng chữ ngắn ngủi không vẽ lại nổi bàn tay xoá bỏ tàn nhẫn của thiên nhiên. Những công trình nghèo nàn nhất của con người bị phá tan tành và họ bị đẩy về sự nhọc nhằn của hàng thế kỷ trước. Hiền đã đi qua chốn này nhiều lần để đến chỗ làm việc nơi nàng cố tin tưởng là có thể thực hiện một cuộc, phiêu lưu. Ở thành phố ấy, chắc chắn vào những ngày hân hoan nhất, nàng vẫn phải bỏ hàng giờ để chống lại cơn buồn chán. Nhưng nàng vẫn vui đùa trong thư: "Đường đi hơi rắc rối. Chắc sau Tết em mới về. Như thế, muốn gặp em anh phải nhảy qua một mùa Xuân." Trường không thể đợi nhảy qua một mùa xuân. Từ khi tình yêu bắt anh suy nghĩ về một căn nhà, một nếp sống no đủ trung bình, anh bỗng cảm thấy bán khoán và buồn chán như một người khám phá ra mình lầm lẫn. Sự lầm lẫn đã kéo dài nhiều năm. Việc viết lách bắt đầu có tính cách gượng gạo như sự tiếp tục một trò chơi đại đột. Anh cầm bút vì một lời hứa hẹn bừa bãi trong lúc cao hứng. Anh sáng tác để đáp lễ một người tổng thư ký đã đối đãi quá tốt với mình. Nhưng hình ảnh Hiền bơ vơ kiếm sống ở một tỉnh nhỏ vẫn khiến anh buồn buồn vào tất cả các buổi sáng. Đôi lần Trường chấp chới muốn chui đầu vào một sở Mỹ xin việc. Quên hết cả, cầm đầu làm lụng, nếu cần thì nhắm mắt lại cho đỡ bán khoán. Như thế lúc mở mắt may ra lại giữ được Hiền gần mình, trong một căn nhà nhỏ bé, ấm cúng. Anh cảm thấy ở hoàn cảnh mình, nếu không nuôi dưỡng sự phẫn nộ, bất mãn thì đành nhận chịu những ý nghĩ hèn mọn. Tình yêu lối lịch hoá hai chữ lý tưởng hay anh đã bắt đầu mệt mỏi ?

Nạn lụt đã đến và sắp qua. Hình như người Mỹ sẽ làm một chuyến về Miền Tây. Hiền hơi bán khoán về việc bộ mặt thành phố của nàng có thể thay đổi. Bỗng dưng Trường nhớ vô cùng tiếng cười hồn nhiên của nàng. Anh muốn xác định tình yêu thêm một lần. Góp tiền nhuận bút ba truyện ngắn chưa đủ cho một chuyến

đi nghèo. Hạnh phúc được đặt chênh vênh trên mấy tờ giấy bạc. Trong sự mong đợi hồi hả có pha nhiều chua xót.

oOo

Những người đi Saigon ngồi chen chúc dưới cái bóng chật hẹp của chiếc xe dò Hiệp Thành. Con đường hẹp lồi nhồn đá và cát. Những đám cỏ non mọc hai bên đường như một sự an ủi yếu ớt dành cho những cái nhìn khô nóng vì nắng. Nắng trên cánh đồng mênh mông. Nắng chói loà trong bầu trời cong vòng dưới nước. Đám người ở thuyền lên bồng dựng buông thả sự mệt mỏi. Ít người muốn cố gắng che đậy. Đầu tóc xù lên, cái nhìn sồn sác, một bên vai xệ xuống, những người đàn ông mặc cho thể xác mình tự do uể oải, rã rời. Họ tham dự cuộc chen lấn để leo lên xe với vẻ ngơ ngác thiếu hăng hái. Người đàn ông duy nhứt hân hoan đi lại dưới nắng trưa là người tài xế «Đi tới «bắc» một trăm đồng thôi» Giọng anh ta cao như muốn biến câu nói tầm thường thành một lời hát giễu «Đấy tới «bắc» ăn năm chục là nhiều» «Đường không võ khúc đường này đáng hai chục» «Bóc lột bà con quá vậy!» Hạnh khách xôn xao phản đối nhưng vẫn xô nhau ở cửa xe. Những người không có ghế ngồi chính thức được người lơ phát cho một chiếc ghế gỗ nhỏ xiu. Loại ghế ân huệ này chỉ có chừng năm cái. Nhiều người phải đứng.

Trường ngồi giữa cô gái và một người đàn bà bế con, đứa bé xanh xao, mặt lúc nào cũng nhăn nhăn như sắp khóc. Anh cố gắng chống lại cơn buồn ngủ. Đầu anh đồ xuống cái vai bên trái hay bên phải đều bất tiện hết.

Xe chạy được một quãng, bỗng người lơ hét :

— Tốp lại ! Tốp lại !

— Chi vậy ?

— Tốp cho bà này xuống.

Xe ngừng lại. Tiếng một người đàn ông ở cuối xe :

— Trời ơi ! Người ta lơ thiếu vài chục thì cũng làm phước cho người ta đi chớ, khó quá vậy.

Mọi người quay lại. Anh lơ xe đang trừng mắt nhìn một bà già. Bà này gầy còm mặc cái áo xanh cổ cao giống loại áo của người Tàu, ngồi co ro trên chiếc ghế gỗ, tựa lưng vào cái nạng của một người khách cụt chân.

— Làm phước cho tôi quá giang. Tôi còn bảy chục với mấy đồng bạc cắc. Tiền xe lam, tiền dò mỗi khúc mỗi trả một mớ. Đói khát từ sớm mai mà không dám ăn một đồng mía.

Bà lão không dám nhìn anh lơ, lóng ngóng đưa mấy tờ giấy bạc cuộn tròn về phía người khách cụt chân như muốn nhờ ông này làm trung gian điều đình.

— Từ đây tới «bắc» một trăm. thiếu tiền sao còn lên xe. Bà xuống giúp tôi đi.

Đầu anh lơ lúc lắc như các thớ thịt cở bị sự tức giận giật lên đều đặn. Thiện nhoài người đón lấy mấy tờ giấy bạc giúi vào tay người lơ :

— Cầm đi. Đuổi người ta xuống giữa đường tội nghiệp người ta, giấu gì mấy chục bạc.

Người tài xế bỗng rồ ga, xe tiếp tục chạy. Cử chỉ của anh ta chưa làm giảm cơn giận của hành khách. Anh lơ xe không chịu thua hẳn :

— Bà làm ơn nhường ghế cho người khác ngồi giúp tôi.

Bà già xách cái làn, bám vào một cái ghế tựa định đứng dậy, nhưng người cụt chân đặt tay lên vai bà lão :

— Bà cứ ngồi đó đi.

Một người khách ngồi ở hàng ghế đầu lên tiếng nhận xét chua chát :

— Đường hư, mưa lụt chỉ làm giàu cho mấy ông xe đồ, xe lam. Một khúc một trăm ! Họ muốn ăn mình bao nhiêu cũng phải chịu. Bà con mình cực như chó. Người tài xế liếc nhanh kính chiếu hậu tìm khuôn mặt người vừa nói :

— Trời đất ! Ông tưởng ngon sao ! Thu được ít trăm thì lại lo sửa xe. Đường hư, xe chạy hai bữa lại muốn nằm.

— Thì biết vậy. Nhưng cũng tăng giá vừa vừa thôi chứ.

Trong đám hành khách phải đứng gần cửa xe, một người đàn bà cầu nhàu :

— Người ta lo thâu tiền quên cả phần phước đức. Tôi dắt hai đứa nhỏ, bồng một đứa, cực muốn chết. Hỏi anh lơ, anh nói lên xe có chỗ ngồi. Hai đứa nhỏ cũng phải đóng cho anh một trăm Giở tôi và tụi nhỏ phải đứng hết. Xe chạy nhào tới nhào lui. Tôi bồng con đứng chờ tới "bắc", chịu gì nổi.

Người tài xế nói to :

— Sáu ơi, xếp chỗ cho chị này nằm nghỉ đi.

Một giọng nói nhỏ nhẹ, hiền hậu ở hàng ghế thứ hai :

— Thôi anh mĩa mai người ta làm chi tội nghiệp !.. chị đưa thằng nhỏ tôi giữ giúp. Bồng con đứng vậy thì xum giò luôn.

Những câu nói hậm hực, trao đổi qua lại không giúp Trường tỉnh táo. Tâm trí anh lơ lơ, lười biếng. Có một chút cảm xúc, phần uất lẫn lộn trong cảm giác trôi nổi nóng nực. Anh ngủ chập chờn cho tới lúc người đàn bà ngồi cạnh kêu khê.

— Muốn ỉa sao cưng ?

Đứa nhỏ bị nâng cao xem xét. Bà già ngồi hàng ghế dưới chồm tới.

— Sáng nay không mua tờ báo ba đồng thì mệt với nó rồi.

Tờ báo mới nguyên gấp nhỏ nhét trong cái làn để dưới,

chân Trường được lôi ra. Người đàn bà úp một phần tờ báo lên mông đứa nhỏ rồi đặt nó nằm ngửa trên đùi mình. Lát sau, gói phân và giấy vụn được ném qua cửa sổ xe.

Xe ngừng lại ở gần một dốc cầu. Người tài xế và người lơ xuống xe. Bên kia cầu thỉnh thoảng lại bật lên mấy tiếng súng.

Hơn nửa giờ qua, người tài xế và người lơ vẫn không trở lại. Hành khách bắt đầu xôn xao, thắc mắc. Hình như trước đó mọi người mệt mỏi đến độ sẵn sàng chờ đợi.

Trường xuống xe đi về phía cầu. Mặt nhựa chảy mềm. Cầu cao và hẹp. Đám người đeo hành lý từ bên kia cầu đi sang càng lúc càng đông. «Kẹt gì vậy anh?» «Đường hư đang sửa». Khúc đường hổng, cách chân cầu khoảng trăm thước, là một vũng bùn sâu. Trên đó người ta đã làm một cái cầu gỗ tạm bợ ngang vừa đủ cho một chiếc xe đi lọt. Hai bên là đá xanh. Nhưng cái cầu gỗ bị xập một nửa. Xe lên xe xuống đều phải ngừng lại chờ. Mọi người vây quanh khúc cầu gỗ để xem người thiếu úy điều khiển toán lính sửa đường. Ông này quấn một chiếc khăn đỏ quanh cổ, tay cầm khẩu carbine. Đoàn xe chờ đợi nối đuôi nhau đậu dài tít tắp. Mỗi lần có một chiếc xe ngóc đầu ra khỏi hàng ngũ, có ý muốn vượt lên, ông thiếu úy lại nổ mấy phát súng và xua tay, chửi thề. Ông ta giận dữ một cách bình tĩnh.

Trường kiểm một chỗ ít bùn nhất để đứng nhập bọn với đám người tò mò. Bùn nhão màu vàng dính bê bết từ quãng đường hổng đến chân cầu. Đất đỏ xuống không hứa hẹn là quãng đường sẽ vững chắc. Ánh nắng bớt nóng. Nỗi lo ngại vì đường còn xa tăng lên. Đám hành khách bỏ xe, ôm hành lý vượt qua cầu gỗ đón xe phía bên kia bước hấp tấp như hốt hoảng vì buổi chiều sắp về. Trường hỏi một người đứng gần mình: «Chừng nào mới đi được?» «Ông thiếu úy nói nếu có xe chở đá tới thì chừng mười lăm phút là xong. Còn sửa theo điệu này thì tới tối».

Trường vội vã quay về xe mình. Nhiều hành khách đã kéo nhau xuống ngồi xồm trên lề cỏ. Một người đàn ông đứng tuổi, đội mũ dạ nâu, mặc bộ quần áo bà ba trắng đón Trường:

— Sao thầy?

— Đường hư.

— Tôi thấy nhiều người ở xe sau bỏ qua bên đó đón xe.

— Thế là họ khôn. Chưa biết chừng nào đường mới đi được.

Trường bước lên xe tìm Thiện. Cô gái vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, nét mặt nghiêm rang cố che giấu sự mệt mỏi. Người khách cụt chân bỗng chống nạng đứng dậy ra khỏi chỗ. Mặt anh ta rất trẻ. Anh mặc bộ quần áo màu xanh nhà binh, áo bỏ ngoài quần. Anh ta nói to:

— Vậy là cha tài xế lưu manh. Vụ kẹt này làm sao hẳn không biết. Vậy mà hẳn nói chớ mình tới « bắc » để ăn của mỗi người đủ một trăm.

Trường hỏi :

— Anh tài với anh lơ đâu rồi ?

Một người khách cao lớn mặc bộ quần áo đen nói :

— Tôi có ý kiếm hai ông đó mà họ đi đâu mất tiêu. Thầy tính sao thầy ?

Giọng nói của ông ta hình như dành cho Trường một sự tin cậy, kính trọng đặc biệt. Đột nhiên anh có cảm tưởng là mọi người đang nhìn mình chăm chú và chờ đợi. Cả xe đang chờ đợi.

Người đàn bà bế con ngồi cạnh Trường nghiêng hẳn ra khỏi ghế, mặt nhăn nhó, cái nhìn ngờ ngác, lo âu. Khuôn mặt chị ta nhợt nhạt như bằng sáp và bị sức nóng làm chảy ra. Bà lão thiếu tiền xe được một người chia cho nửa miếng dứa đang ăn chậm chậm. Bà nhá giập từng miếng và mút như dứa bé bú vú. Mỗi cử chỉ biểu lộ một sự sung sướng âm thầm, yếu ớt. Những người ngồi ở dãy ghế dài cuối xe đã xuống hết. Người đàn bà than không có chỗ ngồi tạm chiếm cái ghế đó để ngồi ngủ. Ba đứa con bè cũng ngủ bên cạnh mẹ. Đứa lớn nhất ngồi nghiêng, đầu cúi, lưng gò, hai mắt lim dim. Ông lão mặc áo len xanh khoanh tay đặt lên cái tựa ghế trước, gục đầu trên tay như đang chống chọi với một cơn sốt. Người khách cao lớn áo đen, cầm tờ báo gấp nhỏ quạt luôn tay. Tóc ông ta rối bù, mồ hôi vẫn tiếp tục chảy xuống tới cái ngấn cổ đỏ hồng. Xe nóng hừng hực. Phần lớn những người còn lại trên xe đều nhợt nhạt, mệt mỏi. Thân xác bải hoải, họ mệt rũ ra. Về linh động nhất mà họ có thể để lộ là sự lo lắng, sợ hãi.

Có một cảm giác quen thuộc Trường muốn diễn tả trong một truyện ngắn nhẹ nhàng. Nhưng rồi anh quên đi, hoặc bỏ qua vì nghĩ là mình không ghi lại kỹ lưỡng được. Cảm giác đến bất ngờ và thoáng qua. Nó đến khi anh đang đọc sách, đang viết hay đang đi dạo. Nó có thể đến ngay cả lúc anh đang mệt mỏi, tuyệt vọng. Hình như anh thấy một tà áo thoáng qua trong trí, một vành nón, một bông hoa, một khuôn mặt người thân hay hình ảnh những chiếc lá rơi vào một buổi chiều. Đột nhiên, trong vài giây anh bàng hoàng xúc động. Ý nghĩ dờ ra, dịu dàng biết bao. Cũng như một thứ cảm giác khác chợt đến khi anh viết truyện. Vào một giây phút không thể đoán trước bỗng dưng anh thương vô cùng vài nhân vật khổ sở của anh. Tình thương tha thiết, đậm đà nhưng ngắn ngủi. Nó không kéo dài đủ để anh biến thành một kẻ thích làm việc thiện, yêu nước thương nòi. Nó vừa đủ gây cảm hứng cho anh viết. Có lúc Trường nghĩ đó là một cơn « bốc-đồng ». Cơn bốc đồng khiến anh thành thực yêu nhân loại. Mọi tính toán được quên trong giây phút,

Bây giờ, cảm giác đó chợt đến với anh; Xe nóng hừng hực. Những người cực nhọc, nhợt nhạt vì đường xa kiên nhẫn chờ đợi. Ước mong của họ thật hiển ạnh. Họ chỉ mong đừng bị lừa. Trường nhớ đến vẻ mặt xác xược, cái lối nhìn

trùng trùng của tên lơ xe khi hẳn đứng trước bà lão thiếu tiền. Trường nhớ đến giọng mỉa mai khinh thị của anh tài xế khi hẳn muốn át giọng người đàn bà bế con không có ghế ngồi. Chúng biến thành những kẻ bóp cổ những con người khốn khổ đã bị dồn đến chân tường. Chúng là tai họa kỳ quặc nhất trong một chuỗi dài những tai họa mà các bạn đồng hành của anh đã gặp.

Trong những đôi mắt đang nhìn anh, đôi mắt của người cụt chân có vẻ sáng sủa, khỏe mạnh hơn cả. Anh ta đã qua những đoạn đường nhọc nhằn nào ?

— Mình phải đòi tiền lại.

Trường nghe giọng mình cương quyết, vững chắc. Người đàn ông đội mũ dạ hưởng ứng.

— Dạ phải, dạ phải. Xe không đi thì phải trả tiền chớ.

— Cha tài xế trốn mất tiêu rồi làm sao đòi ?

Đám người vừa nhao nhao lên bỗng đứng, như chạm vào sự bế tắc nhỏ, lại nhìn Trường. Nhà lãnh đạo bắt đầu đi mấy phút trước đây còn ngo ngác trong nỗi khổ chung nên chưa có kế hoạch rõ rệt, Anh đang cảm xúc và phẫn nộ một cách say sưa.

Thiện từ cửa sau xe bước lên, nhìn Trường, tay xoay tròn cặp kính mắt. Hai mí mắt Thiện xụp xuống thoáng trông như một mối. Nhưng anh hiểu là bạn mình đang ở tư thế một con cạp rình mồi. Năm mười phút nữa Thiện có thể liều lĩnh vô cùng. Trường cố giữ giọng bình tĩnh :

— Bây giờ ta tìm anh tài xế bằng cách bóp còi xe. Xem anh ta trả lời ra sao đã. Nếu hẳn cố tình quịt tiền của bà con, chúng ta sẽ đập bể hết kính xe này để cho mấy xe sau tổn, bớt lưu manh.

Người cụt chân :

— Tôi nói tụi nó lưu manh lắm mà. Bà con đi xa cực khổ, tụi nó không biết tội nghiệp, còn muốn lừa đảo bà con nữa.

Một người khách lùn mập ngồi ở hàng ghế giữa bỗng đứng dậy, tươi cười :

— Muốn đập phá xe thì có tôi ngay.

Mặt ông ta đỏ, có ngấn ở má, mí mắt hơi xung sau một giấc ngủ dài. Người đàn bà ngồi cạnh vội kéo ông ta xuống :

— Người ta còn đang bàn tính mà.

Người lùn mập vẫn cười :

— Thế hả. Tôi có biết quái gì đâu. Vừa ngủ dậy thì thấy cả làng đòi tiền loạn lên.

Thiện lăm lăm lên ngồi vào chỗ người tài xế, bóp kèn. Trường xuống xe đứng bên cạnh người đàn ông mặc đồ trắng. Người cụt chân, người mặc quần áo đen đứng sau lưng anh. Vài người đàn bà bà ngó ra cửa xe chờ đợi.

Anh tài xế ở dưới chân dốc hấp tấp chạy lên, vừa chạy vừa lau mồm, tay trái cầm khúc mía. Trường hỏi : « Đường hư xe đâu có tới bắc kịp. Anh tính sao? » Người tài xế vung tay nhìn xuống đất : « Bà con muốn đi sớm thì qua bên đón xe ». « Anh nói vậy đâu được. Anh nói chờ mọi người tới bắc » « A ! Vụ đó tôi bảo đảm. Bà con muốn tới Cà mầu xe tôi cũng đủ sức đi nữa. Mà đường hư!...Mấy chuyến xe chạy từ hồi sớm mai giờ còn chờ đó ! » « Nhưng anh lấy đủ tiền để chạy tới «bắc» mà. Phải tính sao với bà con chớ ? » Người tài xế cười khinh thị :

— Trời ơi ! Mấy ông khó quá. Hồi sáng mấy ông khách cũng bị kẹt. Tôi bày họ cách qua bên kia đón xe, đi lẹ, họ còn cảm ơn tôi nữa.

— A ! Vậy là anh biết vụ kẹt này từ hồi sáng. Anh lưu manh. Câu kết tội của người cụt chân khiến anh tài hơi lúng túng. Anh ta lùi lại như muốn quay đi, tay vẫn vung lên :

— Sáng kẹt mà giờ này sắp sửa xong.

Thiện rời ghế tài xế, nhảy xuống :

— Nếu tính đi tới không được, anh trả lại bà con phân nửa tiền ...

— Thằng lơ giữ tiền.

— « Thi kêu nó về » « Biết nó đâu mà kêu » « Anh nói vậy nghe lọt tai sao ? » « Nó thâu tiền của bà con, tôi đâu có thâu » Người cụt chân văng tục : .. « Thằng cha này nói chướng hết cỡ ! » Người tài xế có ý vung bỏ xuống dốc : « Bà con muốn chờ hay muốn đi sao thì đi, tôi đâu biết, Đường hư, ông nội tôi cũng không đưa bà con đi được ». Giọng Trường mất bình tĩnh : « Anh không trả lại tiền thì có chuyện... » Anh vừa tiến lên một bước thì người cụt chân đã vung cái nạng đập hụt người tài xế. Người cao lớn chặn phía dốc. « Mấy người làm gì tôi ». Hình như người tài xế sợ nhưng cách nói, nét mặt của hắn vẫn ngang bướng dễ ghét. Nếu thực tâm muốn lừa lọc, hắn là một tên lưu manh lì lợm. Thiện xông tới nắm ngược người tài xế. Hắn dang ra lùi lại và tránh được cái đấm của Thiện ?.

Về giận dữ sôi nổi của người cụt chân, hành động bất ngờ của a Thiện đầy mọi người vào cơn sốt phẫn nộ. Có cả một ngày vất vả, nhọc nhằn đứng sau ủng hộ cho sự hung hãn của mọi người: Hai bàn chân giật lùi vội vã của người tài xế làm tung một đám bụi nhỏ, «Đánh chết mẹ nó đi», «Đồ lưu manh, cướp đường» những tiếng hò hét gay gắt làm chói tai như ánh nắng còn làm rát mặt.

Người tài xế tụt xuống lề đường dốc. Căn nhà ven đường có cái mái không cao tới mặt đường. Trước nhà là một khoảng sân đất trên đặt nhiều chậu cây nhỏ và những mảnh gạch vuông rải rác. Bụi phủ đầy lá cây và hai cánh cửa gỗ đóng kín. Thiện nhảy theo bị vướng áo vào một cành cây, đứng lại lúng túng gỡ Người cụt chân lóc cọc chống nạng về chỗ có những bậc gạch. Trường và người đàn ông cao lớn nghiêng người tay bám vào sườn đường để tụt xuống. Hai người loạng choạng tránh mấy chậu cây.

Người tài xế vớ được cái gậy nhỏ giống cái cọc màn đề trên hiên căn nhà. Anh ta cầm ngang cái gậy lúng túng như còn phân vân, chưa biết có nên chống đối quyết liệt không. Về mặt anh ta vẫn ương ngạnh, che dấu sự sợ hãi. Người đàn ông cao lớn tiến tới, hai tay dang ra như sắp vồ một con vật dữ. Trường nhật được một khúc cành cây khô ngấu dính đầy đất ở bên một chậu cây. Người cụt chân dừng lại trên bậc gạch lưng sườn dốc và ném cái nạng gỗ về phía người tài xế. Anh này tránh cái nạng, lùi về phía sau. Tay cầm gậy vẫn ở ngang đùi.

Tiếng người lơ xe hốt hoảng trên đường :

— Chi vậy? Chi vậy? Xe đã tới rồi. Sắp đi được rồi kia.

Người tài xế vút gậy giậm một chân xuống đất

— Mày ẵm tiền bỏ đi đâu? Mấy ông này muốn giết tao.

Hắn thở hên hên, hậm hực. Mọi người ngỡ ngác. Giọng người lơ gay gắt «Bà con nóng ầu quá vậy. Coi kia! Xe đi rồi mà». Anh ta chạy xuống các bậc gạch và suýt làm ngã người cụt chân đứng chênh vênh với một cái nạng.

Người đàn ông cao lớn quay nhìn Trường thắc mắc rồi chợt cười sung sướng. Nụ cười xoá hết giận dữ, xoá bỏ chuyện vừa qua một cách thật nhanh chóng. Trong đám người đứng đầy trên bờ đường nhìn xuống cũng có những nụ cười như thế. Trường chưa hoà hợp ngay được với niềm vui của mọi người nên hơi sượng sượng. Anh vút khúc cành cây khô và giấu sự lúng túng bằng cách nhặt cái nạng đem lên cho người cụt chân.

Người tài xế chống nạng chỉ Trường, Thiện, người cụt chân và quát người lơ:

— Mày trả lại tiền mấy ông này giùm tao. Mấy ông đòi dữ lắm.

Người đàn ông cao lớn cười xuề xòa:

— Giờ lại làm khó bà con hả.

Anh lơ cười, thêm vài người cười. Người tài xế vẫn không cười :

— Làm khó gì. Chút xíu nữa thì mấy ông cho tôi đi nhà thương.

Một đoàn xe nhà binh ùn ùn từ trên cầu chạy xuống. Đi đầu là một chiếc xe tăng. Người lính đứng sau khẩu súng trên xe đeo một cái khăn đỏ. Khăn hay phát phối. Đất rầm rầm chuyển động. Người lơ hò reo «Xe nhà binh quá hết là tới phiên mình!» Người mập lùn : Lại sắp được đi phom phom. Trường leo lên lề đường, lựa khoảng trống giữa hai chiếc xe nhà binh đang chạy qua, anh nhìn sang bên kia kiểm khuôn mặt cô gái để tìm một nụ cười.

Người tài xế vắng tục, chửi thề và lên xe sau cùng Anh lơ có vẻ tươi tỉnh hơn lúc trước. Hành khách nhìn nhau cười, hân hoan.

Trong kính chiếu hậu khuôn mặt ướt đầm mồ hôi của người tài xế luôn luôn nhăn nhó. Anh ta còn tức giận vì không lừa được mọi người hay thực ra anh bị oan ức? Có thể sự khổ sở của đám hành khách đã phóng đại sự tàn nhẫn của anh ta?

Hành khách dễ tha thứ. Con giận của Trường cũng giống như dòng nước cuộn cuộn, sôi sục tung võ đường, giờ đã trải ra cánh đồng mênh mông một cách êm đềm, hiền hòa. Những nạn lụt, đường vỡ và bom đạn dù sao vẫn còn dễ thương hơn sự khai thác tai họa. Sự dốt nát, ngu dần không thể bênh vực cho những kẻ đứng cạnh mọi người để khai thác tai họa. Anh tài xế vô tình hoặc cố ý định bóp cò những người bị dồn tới chân tường. Trường không hối hận vì lúc này đã muốn đập lên đầu anh ta một gậy chì tử.

(trong «NHÀ VĂN»)

LỆ TẤT Đ. ỀU

SINH HOẠT

Sau «Vài ý nghĩ» của Cụ Nguyễn-Hiến-Lê về «Vài ý nghĩ của Giáo Mục»

● VŨ-NGŨ-MŨU

Trong Bách-Khoa số 237, cụ Nguyễn-Hiến-Lê đã cho nhiều ý nghĩ về cuốn sách nhỏ của chúng tôi.

Những lời khen đầy khuyến khích của Cụ làm cho chúng tôi sung sướng. Những lời Cụ khuyên cũng như những điều Cụ « trách » đã mở rộng tâm mắt cho chúng tôi. Toàn thể bài của cụ đã là một « phản ứng » rất quý giá sau những phản ứng ít oi và sơ sài mà cuốn sách đã gặp được, và đó là một điều làm cho chúng tôi vô cùng phấn khởi.

Chúng tôi nghĩ rằng, để đáp lại cho phải lễ cảm tình của cụ Nguyễn đối với cuốn sách, chúng tôi phải thưa lại ít lời về một vài điểm. Đáng lẽ chúng tôi phải làm việc này sớm hơn, nhưng vì một ngăn trở về kỹ thuật chúng tôi đã phải để lại đến nay, mong rằng chưa quá muộn.

1) Cụ Nguyễn-Hiến-Lê « trách » chúng tôi sao không tỏ rõ thái độ về cái tệ *hy sinh môn phụ* ngay khi bàn đến cái tệ ấy, « để độc giả khỏi tưởng lầm là mình vẫn bị *giăng co* giữa lương tâm nghề nghiệp và hoàn cảnh học đường.

Quả thật nhiều lúc chúng tôi đã bị « giăng co » như thế : cái mà Cụ Nguyễn gọi rất đúng là sự « giăng co », chúng tôi đã tạm gọi là « sự bán-khoản đau đớn (1) ». Sự bán khoản — sự giăng co mới đúng — thật đau đớn, nhất là « rút cục » người ta dễ bị cái lợi ích thiết thực của đám trẻ lười cuốn : muốn hay ho thế nào đi nữa thì đứa trẻ cũng phải học lên đã; mà muốn học lên thì trước hết cần phải đổ !) (1) Cái chấm than chúng tôi đặt ở cuối câu này và việc chú thích,

(1) Vài ý nghĩ của giáo Mục, đoạn «*Hy sinh môn phụ*», trang 9»

Chủ nhiệm : LÊ-NGŨ-CHÂU

Tòa-soạn

160 Phan Đình Phùng Saigon

In tại nhà in TƯƠNG LAI

133 Võ Tánh Saigon

những từ-ngữ « môn không cần thiết » và « môn quan trọng » ở đầu đoạn « hy sinh môn phụ » (2), chúng tôi đã muốn nói lên bằng hai « cái » đó « sự đau khổ » của lương tâm giáo chức nơi chúng tôi — vốn nghĩ rằng thái-độ sư phạm cần phải thực tế — trong cái hoàn cảnh giáo dục chưa được thuận lợi ! Và chúng tôi đã bỏ lửng ý nghĩ ở cái chấm than đề sự đau đớn kéo dài, cho nó. . đã. Thành ra, viết cuốn sách có ý nhằm đề thừa chuyện với độc giả mà, ở đoạn này, tôi lại đề tình cảm riêng lời cuốn ngòi bút đến chỗ tự giãi vặt mình ! Thật có lỗi với độc giả lắm lắm, xin tạ lỗi riêng với Cụ Nguyễn và chung cùng độc giả.

2) Cụ Nguyễn khuyên chúng tôi nên xét lại hai « nguyên-tắc » : *Thái độ sư phạm phải định đoạt tùy vào ích lợi cho con trẻ và Thái độ sư-phạm rất cần phải thực-tế* — Vài ý nghĩ của giáo Muru, trang 8).

Trước khi cho lời khuyên này, Cụ cho là chúng tôi «*khiêm tốn*» đứng vào địa vị một giáo viên tiểu học mà trình bày những ý nghĩ cùng kinh nghiệm của mình với bạn đồng nghiệp, nên không muốn bàn đến những lý thuyết giáo dục... Có lẽ vì vậy mà... tránh dùng tiếng quy-tắc (hay nguyên tắc) : nhưng cũng đã xét đến «*thái độ sư phạm*» và... đã đưa ra hai nguyên tắc... (Bách Khoa, số 237, trang 34).

Thưa không phải thế ! Khi dự định viết cuốn «*Vài ý nghĩ...*» chúng tôi đã do dự mãi, chỉ những e rằng mình tuổi nghề chưa được là bao mà dám viết sách, bàn đến sư phạm, giáo dục, khỏi sao mang tiếng múa rìu qua mắt thợ ! Phải cố gắng lắm mới «*từ bỏ*» được «*cái khiêm nhượng*» ấy ! đến khi đem bản thảo bàn với anh em trong nhóm Thiện-Chi về việc xuất-bản, tôi lại vấp phải lòng khiêm nhượng của anh em, lại phải vất vả thêm một phen đề thuyết phục anh em liệu mang tiếng mà mong làm được một chút gì có ích. Bởi đã «*liều*» như thế nên, vì mà có ý bàn đến những nguyên tắc sư phạm thì chúng tôi cũng không dám ngại gì mà không dùng đến danh từ «*quy tắc sư phạm*». Nhưng thật ra chúng tôi chỉ nghĩ đến những «*thái độ sư phạm*». Sở dĩ như vậy là vì, trong những năm dạy học chúng tôi nhận thấy cái *thái độ* của nhiều đồng nghiệp mà chúng tôi có dịp tiếp xúc với, về nghề dạy học nói chung và về từng môn học nói riêng, nhiều khi không rõ ràng, có khi lại chỉ tùy vào sự thay đổi cấp trên mà thay đổi. Chúng tôi đã bàn về một ít «*thái độ sư phạm*» thông thường, không có ý mong các nhà giáo khác chấp nhận như *thái độ* của chúng tôi mà chỉ cốt nói lên cái ý nghĩ này, là «*về mỗi môn dạy, nhà giáo rất cần phải chọn một thái độ sư phạm thích ứng, bởi vì mình sẽ giúp ích cho học sinh nhiều hay ít là tùy vào đó một phần lớn*» (Vài ý nghĩ của giáo Muru, phần «*Thái độ sư phạm*», trang 5)

«*Vậy, hai quy tắc chúng tôi đã nêu ra chỉ là hai thiên ý*» của chúng tôi về việc định đoạt «*thái độ sư phạm*» mà thôi, chứ chúng tôi không dám đem giảm lược việc giáo dục trẻ em vào hai nguyên tắc ấy như cụ Nguyễn đã có ý «*trách*» chúng tôi (Bách Khoa số 237, trang 35).

3) Cụ Nguyễn còn «*trách*» chúng tôi không «*giảng rõ thế nào là ích lợi cho trẻ ; ích lợi trước mắt hay ích lợi về sau này.*» Đó quả là điều chúng tôi không nghĩ

Có những nhà giáo không ngại bỏ tua vài ba môn không cần thiết để dạy học sinh cho nhiều về những môn *quan trọng* — không cần thiết hay *quan trọng* là đòi với việc thi cử» (Vài ý Nghĩ của giáo Muru, đoạn (Hy sinh môn phụ) trang 8

tới. Thành ra, đọc "quy tắc" «Thái độ sư phạm rất cần phải thực tế» có khi độc giả sẽ cho chúng tôi chỉ nhằm vào những ích lợi thiên cận mà thôi. Về điểm này, chúng tôi đã vấp phải cái khổ "lời không kịp ý": tiếng *thực tế* chúng tôi đã dùng theo đúng nghĩa của nó là *không viên vông*; chúng tôi đã viết cái "quy tắc" kia vì bị thúc đẩy bởi sức phản động trong chúng tôi đối với những cái rất viên vông đã gặp phải trong những năm hành nghề.

4) Cụ lại «trách» chúng tôi đã sao lại chủ trương cho học trò *học thuộc lòng* các bài.

Như Cụ đã chua dưới bài «Vài ý nghĩ ...» của Cụ (Bách Khoa 237, trang 35), chúng tôi chỉ chủ trương là nên đòi học sinh thuộc bài, mà Cụ hiểu là chúng tôi đòi *học sinh học bài cho thuộc lòng*. Trong lời chua đã dẫn, Cụ có cần thận ghi «Nếu tôi hiểu lầm xin... coi như đoạn này không có», nhưng chúng tôi cũng xin thưa một vài lời cho rõ.

— Chúng tôi muốn nhấn mạnh vào sự cần thiết phải đòi học sinh học bài là vì ít lâu nay, thường nghe bạn đồng nghiệp phàn nàn rằng học sinh ít thuộc bài lại thấy có những người chủ trương cứ buông xuôi mặc những đũa lười!

— Chúng tôi đã nêu ra ba lý do đề đòi học sinh học bài (Vài ý nghĩ của giáo Muru trang 10) là muốn «chống» cho cái chủ trương của chúng tôi được vững, và chỉ nhằm trình bày những ích lợi của riêng sự học thuộc bài đối với học sinh, chứ không có ý đặt ích lợi của sự học thuộc bài trong sự so sánh với những ích lợi khác của giáo dục.

oOo

Ngay ở đầu sách chúng tôi đã nhận rằng cuốn «Vài ý nghĩ...» tất nhiên có nhiều khuyết điểm. Cụ Nguyễn đã chỉ cho chúng tôi một số, nhất là những chỗ viết thiếu rõ ràng. Chúng tôi xin cảm ơn Cụ. Nếu có dịp cho cuốn sách tái bản, chắc chắn là, nhờ ơn Cụ, chúng tôi sẽ sửa lại được nhiều phần. Cụ lại có viết: «Tôi... xin góp với tác giả vài ý nghĩ, đề cho không khi may ra phần khởi thêm được phần nào chẳng». Chớ gì «không khi sẽ phần khởi thêm» như ý muốn rộng rãi của Cụ. Điều chắc chắn là «Vài ý nghĩ» của cụ đã làm cho anh em Nhóm Thiện-chí chúng tôi phần khởi rất nhiều. Một lần nữa, xin cụ nhận tấm lòng biết ơn của chúng tôi.

Ở cuối bài «Vài ý nghĩ...», Cụ lại dành cho chúng tôi một hân hạnh khác là mong chúng tôi sẽ «phân tích xem tại sao chương trình tiểu học cộng đồng rất đúng về lý thuyết mà đem áp dụng thì từ giáo viên tới phụ huynh học sinh đều không có kết quả». Chúng tôi vừa đọc xong cuốn «Giá^o Dục Cộng Đồng» của ông Vương-Pền-Liêm và đang có ý định viết bài nhận xét về cuốn ấy. Chúng tôi sẽ nhận đó mà cố gắng đem ra vài nhận xét về chương trình tiểu-học cộng đồng. Song ý định ấy không thể được thực hiện sớm! Chúng tôi cần có thì giờ để thu thập ý kiến của bạn bè, đồng nghiệp...

và nhất là đề rút tĩa lấy một ít kinh nghiệm sống trong những bước đầu của chúng tôi vào lãnh vực giáo dục cộng đồng thì may ra công việc nhận xét của chúng tôi về cuốn sách và về chương trình giáo-dục cộng-đồng mới tránh được phần nào cái chủ quan nhắm nhĩ.

Nhờ « Vài ý nghĩ... » của cụ Nguyễn, chúng tôi vừa được hưởng một cái vui khác : trong VĂN số kỷ niệm đệ tam chu niên của tập-san (số 73-74, ngày 7-1-67,) ông Nguyễn-Mạnh-Côn, sau khi đọc bài « Vài ý nghĩ... » của cụ Nguyễn đã tìm đọc cuốn « Vài ý nghĩ » của chúng tôi và đã bênh vực rất nhiều cho « cái lệ I... x... » trong phép dạy toán ở bậc tiểu học, « cái lệ » mà trong cuốn « Vài ý nghĩ... » chúng tôi cho là « tỉ mẩn ». Chúng tôi đã viết bài thưa lại gửi cho VĂN. Như vậy là « không khí đã phấn khởi » thêm được nhiều phần như cụ Nguyễn Hiến Lê và chính chúng tôi mong.

VŨ NGÔ MƯU

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Ra gì cái chữ nho

Trong suốt tháng 2 năm 1967 cuốn sách bán chạy nhất ở Pháp là một cuốn sách... Tàu : cuốn *Les citations du président Mao*, của nhà Le Seuil, dày 190 trang. Trong vòng mười lăm ngày 60.000 cuốn được bán sạch ; 30.000 cuốn nữa sắp được in thêm.

Trước đây nhà Maspéro đã in ở Bắc Kinh một bản trích văn của Mao Trạch Đông bằng tiếng Pháp, dày hơn 350 trang, nhưng không được hoan nghênh đến thế. Nhà Le Seuil thành công lớn vì gặp thời và khéo tính : thời cơ tốt đây là cuộc cách mạng văn hóa của Vệ binh đỏ khiến ai nấy đều muốn xem tí chút cho biết ông thánh sống của nước Tàu đã nói cái gì. Muốn biết tí chút thì 190 trang là vừa, 350 trang e quá nhiều, cái khéo tính của nhà Le Seuil ở chỗ đó.

Dấu sao từ ông Tú Xương tới nay hoàn cảnh đã đổi ngược : chữ Tàu không còn bị hất hủi nữa, bút lông không thua

bút sắt nữa, trái lại ông Tây bà Đàm đâm mê chữ Nho như điên đảo.

Tin mừng ở Tiệp Khắc

Josef Knap, Frantisek Krelina, Bedrich Fucik, Vaclav Prokupek và Jan Langer là năm nhà văn Tiệp-khắc bị bỏ tù từ 1952 đến nay : 15 năm. Vừa rồi họ được tòa án Prague truyền phóng thích.

Cái chữ nho vẫn ra gì

Trở lại chuyện nước Tàu. Etiemble là một nhà văn và một giáo sư Pháp, thông hiểu ngôn ngữ và văn tự Trung hoa. Trong các tác phẩm của ông có những cuốn tên : *Les Jésuites en Chine*, cuốn *Confucius* v.v...

Mới rồi Hortense Chabrier, có lẽ nhận thấy ở Trung hoa đang diễn ra nhiều trò được dư luận chú ý, bèn tới hỏi thăm giáo sư Etiemble mấy điều về vấn đề sở trường của ông.

H. Chabrier vừa : « Thưa giáo sư... » Etiemble đã kêu lên :

— «Đừng, đừng có gọi tôi bằng giáo sư giáo siếc gì cả. Hãy cứ gọi là «ông» như mọi người. Các ngài bộ trưởng điên rồ của chúng ta thích bịa ra cái huyền thoại chuyên môn hoá như thế đấy. Tôi phủ nhận chuyên môn. Hồi thế kỷ thứ XVIII, dưới thời Phục hưng, hề người nào không phải là một «chuyên viên» thì không thành ra một con người! Tôi thì muốn theo thầy tôi là Đức Khổng phu tử và muốn làm một người hiền lương (honnête homme) thế đủ rồi!»

Người hiền lương ấy phát biểu về phong trào Vệ binh đỏ như thế này; «Bọn vệ binh đỏ phủ nhận Mao Trạch Đông đề tìm về nước Tàu cổ, bằng những đường lối đau thương. Họ là những đứa nhóc con ngốc nghếch nhưng họ đang chuẩn bị cho một cái gì về sau này sẽ có thể tốt lành».

Và cũng người hiền lương ấy phát biểu về nền văn minh Tây phương hiện nay: «Đường xá, xe lửa, nhà máy, những thứ đó cần phải chôn xuống 60 thước dưới lòng đất, để dành mặt đất cho loài người và cây cỏ. Phải kết tội tử hình những ai dám mang xe hơi chạy trên mặt đất! Và lại tôi ghét xe hơi. Đó là phương tiện của kẻ nghèo. Nếu tôi giàu, tôi không thèm sắm nó; tôi sẽ đi tắc-xi (!) Tôi ghê tởm máy điện thoại và cả thuốc điếu nữa.»

Khổng tử được trông thấy một đệ tử da trắng phát ngôn hung hăng như vậy, ngài cũng đến xanh mặt khiếp vía. Chưa đủ. Etiemble còn thú thật rằng, ra đường, nếu có ai tranh mất chiếc tắc-xi ông vừa gọi chẳng hạn, ông dám chửi um lên không ngần ngại. Tính khí gắt gỏng, nóng nảy, dữ tợn

như vậy, Etiemble có đề ý đến và thử tìm nguyên nhân: Ông cho rằng vì hồi nhỏ ông bị đẻ bằng forceps, bộ thần kinh bị ảnh hưởng từ nhỏ. Etiemble cũng thử cố gắng tìm cho tính khí ấy một triết lý: theo ông phải biết nỗi đóa đê khỏi có cái vẻ cam chịu của một đàn thú hai chân.

H. Chabrier gọi Etiemble là một *écrivain en colère*, một văn sĩ phẫn nộ, nói cách khác là một văn sĩ nổi khùng. **Kiến-trúc-sư đi vào tác-phẩm văn-nghệ.**

Etiemble nổi cáu đối với xe cộ, nhà máy, đối với cuộc sống đô thị. Nhân đó chúng ta đề ý đến một điều là kiến trúc sư đang trở thành một đề-tài tiêu thuyết bên Âu châu, trong khi ở Á châu chúng ta tuyệt nhiên không biết đến.

Cuộc sống ngột ngạt ở các đô thị Âu Mỹ khiến cho mọi người oán trách kêu nhà này, đòi hỏi kiểu nhà kia, hy vọng một lối kiến trúc mới đem lại cho mình một chút thoải mái hơn, một sáng kiến thiết-kế đô-thị mới giải tỏa cho mình thêm một ít phiền phức. Và lại bên đó người ta có tiền của để cất nhà theo ý muốn, nên vai trò của kiến trúc thêm quan trọng. Trong những cuốn truyện như *Les quatre murs* của Michel Ragon, cuốn *La ville des fous* của Michel Bataille, nhân vật chính là kiến trúc sư.

Trong lời tựa cuốn *Áo đen Áo đỏ* của Trần Thúc Linh, ông Nguyễn hiến Lê có đề ý rằng xưa nay trong các tác phẩm văn học có bóng dáng nhiều y sĩ mà ít thấy bóng quan tòa. Cuộc sống mới lại vừa đưa vào tác phẩm văn nghệ một hình dáng mới mẻ nữa: Người vẽ kiểu nhà,

Cách - mạng và thơ

Ở Cuba, từ hồi cách mạng tới nay, số người đọc sách tăng lên rất nhanh. Dân số có 7 triệu người, nội một năm ngoài mua tới 70 triệu cuốn sách. Điều đáng chú ý là trong khi ở nhiều nước khác thi ca bán không chạy, ở Cuba thơ lại thuộc loại chạy nhất, sau đó mới tới tiểu thuyết.

Đàn-bà và tư tưởng

Nhà Gallimard cho ra một sách về cuộc đời của Lou Andréas-Salomé. Đọc cuộc đời của người đàn bà kỳ lạ ấy, thấy những mối liên hệ thật lớn lao. Lou Salomé sống hai năm liền với triết gia Nietzsche. Trong lúc triết gia này còn mê mê một nàng thì nàng đã bỏ ông ta để đi theo thi sĩ R. M. Rilke. Rồi bỏ Rilke, nàng theo Freud.

Lou Salomé cũng là một tác giả tên tuổi, xuất bản trên vài chục tác phẩm. Nhưng điều đáng nói là những người đàn ông gần nàng đều là những tay lừng lẫy khắp thế gian. Bởi vậy đương thời có kẻ bảo rằng: «Hễ cứ Lou Salomé gần gũi một người đàn ông nào thì chín tháng mười ngày sau người đàn ông nọ cho ra đời một... cuốn sách.»

Viết truyện ngắn cách nào

Sơn-Nam là một người viết truyện ngắn rất cừ, lại cũng là một tay hút pipe cừ khôi nữa. Vừa rồi Sơn Nam cho ra *Truyện ngắn của truyện ngắn*, tức là truyện về quá trình thai nghén của một truyện ngắn.

Theo nhà văn này «Viết truyện ngắn khó nhất là khi mở đầu». Vậy thì mở đầu truyện ngắn phải như thế nào?

Thưa, thế này: *Như người tra cái chìa vào ổ khóa, tra đúng chìa và vặn đúng hướng. Như người tháo một cuộn chỉ rối (...)* Như người hút ống pipe lão

luyện, thỉnh thoảng để nhẹ ngón tay vào lò thuốc đờ rục, để xubug cho thuốc giã lại, dễ cháy. Đờ vừa nhẹ, vừa mạnh, vừa chậm, vừa nhanh với gương mặt tươi tỉnh và bộ óc đang... suy nghĩ đầu đầu, không mấy may chú ý đến mở lửa hồng.»

Thật là tuyệt. Không có lời so sánh nào hay hơn.

Nhiếp-ảnh nghệ-thuật

Doãn-Quốc-Sĩ, trong lá thư gửi từ Hoa-kỳ về, đăng trên Bách-khoa số này có viết rằng: «Đất nước đau khổ như vậy, đau thì cứ đau nhưng cười thì cứ cười, tôi thấy khoái ở chỗ đó». Người ta cũng khoái như tác-giả «Ba sinh hương lửa» khi thấy chiến tranh vẫn tiếp diễn khốc liệt mà những vấn đề nghệ-thuật vẫn được hưởng-ứng đông đảo như cuộc thi nhiếp-ảnh toàn quốc kỳ III của Hội nhiếp-ảnh Việt-Mỹ, kết thúc ngày 26-2 vừa qua tại Saigon. Theo tin VTX thì cuộc thi này đã được 68 nghệ-sĩ nhiếp ảnh ở thủ-đô và các tỉnh tham dự với 433 tác-phẩm. Giải danh-dự được trao cho ông Lê-văn-Khoa với tác phẩm «Buồn cô đơn». Ảnh đen và trắng loại A có 1 huy-chương vàng, 2 bạc, 3 đồng. Huy chương vàng loại A được tặng cho tác-phẩm «Thoát ra ánh sáng» của ông Lại-Hữu-Đức. Ảnh đen trắng loại B có 1 huy chương vàng, 1 bạc, 2 đồng. Huy-chương vàng loại B được tặng cho tác phẩm «Bà cháu» của ông Lại Nam Long. Ảnh màu loại C có 1 huy chương vàng, 1 bạc, 1 đồng. Huy chương vàng loại này về ông Lê văn Khoa với tác phẩm Buồn cô đơn. Ngoài ra còn giải thưởng Nhóm xuất sắc về ta Nhóm ảnh Bến Nghé và Giải Cao-Đàm — Cao-Linh được tặng cho tác-phẩm «Đen Trắng» của Đinh-Công-Khanh.

Vẫn theo nguồn tin trên thì những tác-phẩm đoạt giải và trên 200 tấm ảnh được tuyển chọn sẽ được trưng bày tại Phòng Triển-Lãm Đô-thành vào tháng 5 tới đây.

TRĂNG THIÊN